

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế Giao dịch trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương

**TỔNG GIÁM ĐỐC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Căn cứ Quyết định số 01/2009/QĐ-TTg ngày 02/01/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 2882/QĐ-BTC ngày 22/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán ngày 24/11/2010;

Căn cứ Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/6/2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 01/2011/NĐ-CP ngày 05/01/2011 của Chính phủ về phát hành trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương;

Căn cứ Thông tư số 203/2015/TT-BTC ngày 21/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính Hướng dẫn về giao dịch trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 111/2015/TT-BTC ngày 28/7/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính Hướng dẫn phát hành trái phiếu Chính phủ tại thị trường trong nước;

Căn cứ Thông tư số 99/2015/TT-BTC ngày 29/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính Hướng dẫn phát hành trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh;

Căn cứ Thông tư số 100/2015/TT-BTC ngày 29/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính Hướng dẫn phát hành trái phiếu chính quyền địa phương tại thị trường trong nước;



Căn cứ Thông tư liên tịch số 92/2016/TT-BTC ngày 27/6/2016 Hướng dẫn việc phát hành tín phiếu kho bạc qua Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 234/2012/TT-BTC ngày 28/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính hướng dẫn Quản lý Giao dịch trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương;

Căn cứ Thông tư số 10/2017/TT-BTC ngày 06/02/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 234/2012/TT-BTC ngày 28/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính hướng dẫn Quản lý Giao dịch trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương;

Căn cứ Thông tư số 46/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính hướng dẫn hoạt động thanh toán giao dịch trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương;

Căn cứ Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ Nghị quyết số 99/NQ-HĐQT ngày 17/4/2017 của Hội đồng quản trị Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội về việc thống nhất thông qua nội dung dự thảo Quy chế Giao dịch trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương;

Căn cứ Công văn số 4010/UBCK-PTTT ngày 14/6/2017 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc chấp thuận ban hành Quy chế Giao dịch trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương;

Theo đề nghị của Giám đốc Phòng Thị trường Trái phiếu,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế Giao dịch trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày .1../9../2017 và thay thế các Quyết định số 55/QĐ-SGDHN ngày 06/3/2013 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội về việc ban hành Quy chế Giao dịch trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương, Quyết định số 595/QĐ-SGDHN ngày 14/9/2015 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế Giao dịch trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương ban hành kèm theo Quyết định số 55/QĐ-SGDHN ngày 06/3/2013 của Tổng Giám đốc Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Giám đốc Phòng Thị trường Trái phiếu, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /*Handwritten mark*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính;
- UBCKNN;
- HĐQT;
- TTLKCK;
- Kho bạc Nhà nước;
- Thành viên giao dịch TPCP;
- Thành viên lưu ký;
- NH thanh toán giao dịch TPCP;
- Lưu: VT, TTTP (100b).

**KT TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC PHỤ TRÁCH**



Nguyễn Thị Hoàng Lan



QUY CHẾ

**Giao dịch trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh
và trái phiếu chính quyền địa phương**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 501/QĐ-SGDHN ngày 05 tháng 7 năm 2017
của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Quy chế này quy định về việc tổ chức và quản lý giao dịch trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương (sau đây gọi là TPCP) tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (sau đây gọi là SGDCK).

Điều 2. Giải thích thuật ngữ

Ngoài các thuật ngữ đã được giải thích tại Thông tư 234/2012/TT-BTC ngày 28/12/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn Quản lý giao dịch trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương và Thông tư 10/2017/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 234/2012/TT-BTC, trong Quy chế này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. **Hệ thống giao dịch TPCP** là Hệ thống cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật (bao gồm kết nối giao dịch từ xa và kết nối giao dịch Internet) phục vụ hoạt động giao dịch TPCP tại SGDCK.

2. **Đại diện giao dịch** là nhân viên do thành viên giao dịch TPCP hoặc Kho bạc Nhà nước (sau đây gọi là KBNN) cử, được SGDCK công nhận là đại diện giao dịch và cho phép đại diện cho thành viên và Kho bạc Nhà nước nhập lệnh trên hệ thống giao dịch TPCP của SGDCK.

3. **Kỳ hạn TPCP** là khoảng thời gian tính từ ngày phát hành lần đầu đến ngày đáo hạn TPCP.

4. **Kỳ hạn còn lại của TPCP** là khoảng thời gian còn lại (theo ngày thực tế) từ ngày hiện tại đến ngày đáo hạn TPCP.

5. **Lãi suất danh nghĩa (lãi suất coupon)** của trái phiếu là tỷ lệ phần trăm (%) lãi hàng năm tính trên mệnh giá mà tổ chức phát hành phải thanh toán cho người sở hữu trái phiếu trong suốt thời hạn của trái phiếu.

6. Ngày trả lãi danh nghĩa của trái phiếu là ngày định kỳ trả lãi trái phiếu hàng năm do tổ chức phát hành cam kết trả theo các điều kiện, điều khoản của trái phiếu.

7. Ngày thực thanh toán lãi trái phiếu là ngày trả lãi danh nghĩa hoặc ngày làm việc kế tiếp ngày trả lãi danh nghĩa trong trường hợp ngày trả lãi danh nghĩa trùng vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của Bộ luật Lao động hoặc theo thông báo của cơ quan có thẩm quyền.

8. Ngày đăng ký cuối cùng nhận lãi, vốn gốc trái phiếu, gốc tín phiếu là ngày Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (sau đây gọi là TTLKCK) xác định danh sách chủ sở hữu trái phiếu để tổ chức phát hành thanh toán lãi, vốn gốc trái phiếu.

9. Ngày giao dịch là ngày TPCP được giao dịch trên hệ thống giao dịch TPCP của SGDCK.

10. Ngày thanh toán TPCP là ngày bên mua hoặc bên bán TPCP nhận được TPCP hoặc tiền.

11. Kỳ trả lãi trái phiếu là khoảng thời gian giữa hai ngày trả lãi danh nghĩa liền kề.

12. Kỳ trả lãi trái phiếu hiện tại là kỳ trả lãi trái phiếu có ngày thanh toán giao dịch diễn ra.

13. Giao dịch trái phiếu hưởng quyền là giao dịch có ngày thanh toán diễn ra trước hoặc trùng với ngày đăng ký cuối cùng hưởng lãi trái phiếu của kỳ trả lãi hiện tại.

14. Giao dịch trái phiếu không hưởng quyền là giao dịch có ngày thanh toán diễn ra sau ngày đăng ký cuối cùng hưởng lãi trái phiếu của kỳ trả lãi hiện tại.

15. Giá yết là giá TPCP do các thành viên yết trên hệ thống. Giá yết là giá trái phiếu tính vào ngày thanh toán và không bao gồm lãi coupon tích gộp.

16. Giá gộp lãi là giá của trái phiếu tính vào ngày thanh toán và có bao gồm lãi coupon tích gộp. Đối với trái phiếu không thanh toán lãi định kỳ và tín phiếu, giá gộp lãi bằng giá yết.

17. Giá thực hiện là giá dùng để xác định số tiền phải thanh toán trong các giao dịch TPCP.

18. Trái phiếu thanh toán lãi định kỳ là loại trái phiếu được phát hành ngang, cao hơn hoặc thấp hơn mệnh giá, thanh toán lãi trái phiếu theo định kỳ 06 (sáu) tháng một lần hoặc 12 (mười hai) tháng một lần theo quy định của tổ chức phát hành, và tiền gốc trái phiếu được thanh toán một lần vào ngày trái phiếu đáo hạn. Trái phiếu thanh toán lãi định kỳ bao gồm:

- Trái phiếu có lãi suất danh nghĩa cố định, thanh toán lãi định kỳ và có các kỳ trả lãi bằng nhau;

- Trái phiếu có lãi suất danh nghĩa cố định, thanh toán lãi định kỳ và có kỳ trả lãi đầu tiên ngắn hơn so với các kỳ trả lãi tiếp theo;
- Trái phiếu có lãi suất danh nghĩa cố định, thanh toán lãi định kỳ và có kỳ trả lãi đầu tiên dài hơn so với các kỳ trả lãi tiếp theo.

19. Trái phiếu không thanh toán lãi định kỳ là loại trái phiếu được phát hành thấp hơn mệnh giá, không thanh toán lãi định kỳ mà chỉ thanh toán một lần cả gốc và lãi tại ngày đáo hạn. Đối với loại trái phiếu này, tổ chức phát hành quy định rõ số kỳ trả lãi giả định kể ngày phát hành trái phiếu lần đầu tới ngày trái phiếu đáo hạn.

20. Tín phiếu do KBNN phát hành, có kỳ hạn danh nghĩa không vượt quá 52 tuần. Tín phiếu được thanh toán gốc tín phiếu tại ngày đáo hạn bằng mệnh giá tín phiếu phát hành.

Chương II

THÀNH VIÊN GIAO DỊCH

Điều 3. Kho bạc Nhà nước

1. KBNN phải đáp ứng các tiêu chuẩn về kỹ thuật và đại diện giao dịch sau để được giao dịch trên hệ thống giao dịch TPCP:

a) Về kỹ thuật

- Có hạ tầng công nghệ thông tin kết nối đến SGDCK đáp ứng yêu cầu của SGDCK và đảm bảo kết nối giao dịch từ xa và kết nối giao dịch Internet với hệ thống giao dịch TPCP của SGDCK;

- Có phần mềm phục vụ hoạt động giao dịch và thanh toán đáp ứng được các yêu cầu kỹ thuật và nghiệp vụ theo quy định của SGDCK;

- Có hệ thống dự phòng trường hợp xảy ra sự cố máy chủ, đường truyền, điện lưới.

b) Về đại diện giao dịch

- Được tuyển dụng chính thức làm công chức nhà nước tại KBNN;

- Đạt yêu cầu kiểm tra các chương trình đào tạo về đại diện giao dịch TPCP do SGDCK tổ chức.

2. Hồ sơ đăng ký giao dịch của KBNN

a) Hồ sơ đăng ký giao dịch của KBNN bao gồm:

- Đơn đăng ký giao dịch TPCP (theo mẫu tại Phụ lục I/TP ban hành kèm theo Quy chế);

- Bản sao Giấy chứng nhận là thành viên của TTLKCK;

- Hồ sơ đăng ký kết nối theo quy định tại khoản 2, Điều 12 Quy định về Hạ tầng công nghệ thông tin kết nối đến SGDCK ban hành kèm theo Quyết định số 525/QĐ-SGDHN ngày 18/8/2015 của Tổng Giám đốc SGDCK;

- Các quy trình, tài liệu nghiệp vụ về hoạt động giao dịch TPCP (quy trình giao dịch, quy trình sửa lỗi trong giờ giao dịch);

- Hồ sơ đăng ký đại diện giao dịch TPCP theo quy định tại điểm b khoản này.

b) Hồ sơ đăng ký đại diện giao dịch TPCP bao gồm:

- Đơn đăng ký đại diện giao dịch TPCP (theo mẫu tại Phụ lục IV/TP ban hành kèm theo Quy chế);

- Bản sao Giấy chứng nhận hoàn thành chương trình đào tạo đại diện giao dịch TPCP do SGDCK tổ chức;

- Lý lịch tóm tắt (có dán ảnh) của nhân viên được cử làm đại diện giao dịch có xác nhận của KBNN;

- Bản sao hợp lệ Hợp đồng lao động hoặc quyết định tuyển dụng chính thức làm công chức nhà nước.

Sau khi xem xét các điều kiện của nhân viên đăng ký làm đại diện giao dịch, nếu thấy đủ điều kiện, SGDCK công nhận nhân viên đó là đại diện giao dịch. Trường hợp từ chối, SGDCK trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Định kỳ hoặc trong những trường hợp cần thiết, SGDCK có thể kiểm tra lại kỹ năng của đại diện giao dịch.

Điều 4. Điều kiện làm thành viên giao dịch

Thành viên giao dịch TPCP phải đáp ứng được các điều kiện sau:

1. Đối với thành viên giao dịch thông thường

a) Đáp ứng các tiêu chuẩn quy định tại khoản 1, Điều 4, Thông tư 234/2012/TT-BTC;

b) Được ngân hàng thương mại cung cấp dịch vụ thanh toán cho công ty chứng khoán cam kết về việc cho vay thanh toán giao dịch TPCP trong trường hợp công ty chứng khoán tạm thời mất khả năng thanh toán;

c) Đủ điều kiện cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ hoạt động giao dịch bao gồm:

- Có hạ tầng công nghệ thông tin kết nối đến SGDCK đáp ứng yêu cầu của SGDCK và đảm bảo kết nối giao dịch từ xa và kết nối giao dịch Internet với hệ thống giao dịch TPCP của SGDCK;

- Có thiết bị cung cấp thông tin giao dịch TPCP của SGDCK phục vụ nhà đầu tư tại mỗi địa điểm đăng ký kết nối giao dịch với SGDCK;

- Có trang thông tin điện tử đảm bảo việc thực hiện công bố thông tin theo quy định về công bố thông tin của thành viên thông thường tại Thông tư 234/2012/TT-BTC;

- Có phần mềm phục vụ hoạt động giao dịch và thanh toán đáp ứng được các yêu cầu kỹ thuật và nghiệp vụ theo quy định của SGDCK;

- Có hệ thống dự phòng trường hợp xảy ra sự cố máy chủ, đường truyền, điện lưới

d) Ban lãnh đạo và đội ngũ nhân viên có năng lực và kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán với tính trung thực và tuân thủ đạo đức nghề nghiệp tốt:

- Giám đốc (Tổng Giám đốc) phải đáp ứng được các điều kiện quy định của pháp luật đối với người làm Giám đốc (Tổng Giám đốc) công ty chứng khoán;

- Có nhân viên đủ điều kiện được cử làm đại diện giao dịch;

- Tất cả nhân viên công ty phải tuân thủ quy tắc đạo đức nghề nghiệp.

2. Đối với thành viên giao dịch đặc biệt

a) Đáp ứng các tiêu chuẩn quy định tại khoản 2, Điều 4, Thông tư 234/2012/TT-BTC.

b) Đủ điều kiện cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ hoạt động giao dịch bao gồm:

- Có hạ tầng công nghệ thông tin kết nối đến SGDCK đáp ứng yêu cầu của SGDCK và đảm bảo kết nối giao dịch từ xa và kết nối giao dịch Internet với hệ thống giao dịch TPCP của SGDCK;

- Có trang thông tin điện tử đảm bảo việc thực hiện công bố thông tin theo quy định về công bố thông tin của thành viên đặc biệt tại Thông tư 234/2012/TT-BTC;

- Có phần mềm phục vụ hoạt động giao dịch và thanh toán đáp ứng được các yêu cầu kỹ thuật và nghiệp vụ theo quy định của SGDCK;

- Có hệ thống dự phòng trường hợp xảy ra sự cố máy chủ, đường truyền, điện lưới.

c) Có thành viên Ban Giám đốc (Tổng Giám đốc) được phân công phụ trách hoạt động giao dịch trái phiếu. Có nhân viên đủ điều kiện được cử làm đại diện giao dịch.

Điều 5. Hồ sơ đăng ký thành viên giao dịch TPCP

1. Đối với công ty chứng khoán đã là thành viên giao dịch thị trường niêm yết và/hoặc thành viên giao dịch thị trường đăng ký giao dịch tại SGDCK, hồ sơ đăng ký thành viên giao dịch TPCP bao gồm:

- Đơn đăng ký thành viên giao dịch TPCP (theo mẫu tại Phụ lục I/TP ban hành kèm theo Quy chế);

- Hợp đồng cam kết về việc cho vay thanh toán giao dịch TPCP giữa công ty chứng khoán và ngân hàng thành viên thanh toán trong trường hợp công ty chứng khoán tạm thời mất khả năng thanh toán;

- Hồ sơ đăng ký kết nối theo quy định tại khoản 2, Điều 12 Quy định về Hạ tầng công nghệ thông tin kết nối đến SGDCK;

- Các quy trình, văn bản, tài liệu nghiệp vụ về hoạt động giao dịch TPCP (Quy trình môi giới, tự doanh, quy trình sửa lỗi trong giờ giao dịch, hợp đồng ký kết với ngân hàng thương mại về việc quản lý tiền gửi giao dịch của người đầu tư, quy trình đối chiếu số dư và quản lý tiền gửi của người đầu tư tại ngân hàng thương mại, quy trình đối chiếu số dư chứng khoán và tiền của khách hàng với thành viên lưu ký trong trường hợp người đầu tư mở tài khoản lưu ký tại thành viên lưu ký khác, mẫu hợp đồng mở tài khoản với khách hàng, mẫu phiếu lệnh (theo mẫu tại Phụ lục II/TP ban hành kèm theo Quy chế), mẫu phiếu xác nhận kết quả giao dịch dành cho khách hàng (theo mẫu tại Phụ lục II/TP ban hành kèm theo Quy chế), tài liệu hướng dẫn người đầu tư tham gia giao dịch TPCP tại SGDCK);

- Hồ sơ đăng ký đại diện giao dịch TPCP theo quy định tại khoản 2, Điều 8 Quy chế này;

- Giấy ủy quyền phê duyệt báo cáo hoạt động kinh doanh TPCP (theo mẫu tại Phụ lục IV/TP ban hành kèm theo Quy chế).

2. Đối với công ty chứng khoán chưa là thành viên giao dịch thị trường niêm yết và thành viên giao dịch thị trường đăng ký giao dịch tại SGDCK, hồ sơ đăng ký thành viên giao dịch TPCP bao gồm:

- Đơn đăng ký thành viên giao dịch TPCP (theo mẫu tại Phụ lục I/TP ban hành kèm theo Quy chế);

- Bản sao hợp lệ Giấy phép thành lập và hoạt động;

- Bản sao Giấy chứng nhận là thành viên của TTLKCK;

- Điều lệ công ty theo mẫu quy định tại Phụ lục XI Thông tư 210/2012/TT-BTC ngày 30/11/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn thành lập và hoạt động công ty chứng khoán;

- Hợp đồng cam kết về việc cho vay thanh toán giao dịch TPCP giữa công ty chứng khoán và ngân hàng thành viên thanh toán trong trường hợp công ty chứng khoán tạm thời mất khả năng thanh toán;

- Hồ sơ đăng ký kết nối theo quy định tại khoản 2, Điều 12 Quy định về hạ tầng công nghệ thông tin kết nối đến SGDCK;

- Các quy trình, văn bản, tài liệu nghiệp vụ về hoạt động giao dịch TPCP, (Quy trình môi giới, tự doanh, quy trình sửa lỗi trong giờ giao dịch, hợp đồng ký kết với ngân hàng thương mại về việc quản lý tiền gửi giao dịch của người đầu tư, quy trình đối chiếu số dư và quản lý tiền gửi của người đầu tư tại ngân hàng thương mại trong trường hợp nhà đầu tư mở tài khoản tại chính thành viên giao dịch, quy trình đối chiếu số dư chứng khoán và tiền của khách hàng với thành viên lưu ký trong trường hợp người đầu tư mở tài khoản lưu ký tại thành viên lưu ký khác, mẫu hợp đồng mở tài khoản với khách hàng, mẫu phiếu lệnh (theo mẫu tại Phụ lục II/TP ban hành kèm theo Quy chế), mẫu phiếu xác nhận kết quả giao dịch dành cho khách hàng (theo mẫu tại Phụ lục II/TP ban hành kèm theo

Quy chế), tài liệu hướng dẫn người đầu tư tham gia giao dịch TPCP tại SGDCK);

- Quy tắc đạo đức nghề nghiệp;

- Quy định, quy trình về kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro của Công ty;

- Sơ yếu lý lịch có dán ảnh của thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, các trưởng phòng nghiệp vụ, có xác nhận tại nơi cư trú trong vòng 06 tháng trước khi nộp Hồ sơ đăng ký làm thành viên hoặc xác nhận của công ty chứng khoán theo mẫu quy định tại Phụ lục IV Thông tư 210/2012/TT-BTC;

- Bản sao hợp lệ Chứng chỉ hành nghề theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 34 Thông tư 210/2012/TT-BTC;

- Hồ sơ đăng ký đại diện giao dịch TPCP theo quy định tại khoản 2, Điều 8 Quy chế này;

- Giấy ủy quyền thực hiện công bố thông tin theo mẫu Giấy ủy quyền thực hiện công bố thông tin quy định tại Phụ lục 01 Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

- Giấy ủy quyền phê duyệt báo cáo hoạt động kinh doanh TPCP (theo mẫu tại Phụ lục IV/TP ban hành kèm theo Quy chế).

3. Đối với ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng thương mại, hồ sơ đăng ký thành viên giao dịch TPCP bao gồm:

- Đơn đăng ký thành viên giao dịch TPCP (theo mẫu tại Phụ lục I/TP ban hành kèm theo Quy chế);

- Bản sao hợp lệ Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép mở chi nhánh của cơ quan có thẩm quyền;

- Bản sao Giấy chứng nhận là thành viên của TTLKCK;

- Hồ sơ đăng ký kết nối theo quy định tại khoản 2, Điều 12 Quy định về hạ tầng công nghệ thông tin kết nối đến SGDCK;

- Các quy trình nghiệp vụ về hoạt động giao dịch TPCP (Quy trình tự doanh, quy trình sửa lỗi trong giờ giao dịch);

- Sơ yếu lý lịch có dán ảnh của thành viên Giám đốc (Tổng Giám đốc) và những người được Giám đốc (Tổng Giám đốc) ủy quyền thay mặt Giám đốc (Tổng Giám đốc) thực hiện quản lý và giao dịch trái phiếu, cán bộ phụ trách bộ phận giao dịch trái phiếu;

- Hồ sơ đăng ký đại diện giao dịch TPCP theo quy định tại khoản 2, Điều 8 Quy chế này;

- Giấy ủy quyền phê duyệt báo cáo hoạt động kinh doanh TPCP (theo mẫu tại Phụ lục IV/TP ban hành kèm theo Quy chế);

- Giấy ủy quyền thực hiện công bố thông tin (theo mẫu tại Phụ lục V/TP ban hành kèm theo Quy chế).

Điều 6. Thủ tục chấp thuận thành viên giao dịch TPCP

1. Đối với KBNN

a) Trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký giao dịch TPCP của KBNN, SGDCK gửi công văn trả lời KBNN về tình trạng hồ sơ và yêu cầu KBNN bổ sung hồ sơ (nếu cần thiết);

b) Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, SGDCK gửi công văn thông báo và yêu cầu KBNN chuẩn bị cơ sở vật chất, cài đặt hệ thống theo hướng dẫn và thông báo cho SGDCK ngay sau khi hoàn thành;

c) Trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày KBNN hoàn thành việc chuẩn bị cơ sở vật chất, cài đặt hệ thống theo yêu cầu của SGDCK, SGDCK tổ chức kiểm tra cơ sở vật chất và trạng thái kết nối tại địa điểm kết nối của KBNN. Trường hợp kết quả kiểm tra cơ sở vật chất và trạng thái kết nối không đạt yêu cầu, SGDCK có công văn trả lời và nêu rõ lý do;

d) Trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả kiểm tra cơ sở vật chất đạt yêu cầu, KBNN phải hoàn thành các công việc sau:

- Chuẩn bị nhân sự và thiết bị kỹ thuật sẵn sàng (như đã cam kết trong hồ sơ đăng ký giao dịch TPCP) cho việc tham gia hệ thống giao dịch TPCP;

- Đăng ký ngày giao dịch đầu tiên.

đ) Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày KBNN hoàn tất các công việc chuẩn bị triển khai giao dịch, SGDCK ký Quyết định chấp thuận đăng ký giao dịch TPCP. Trường hợp từ chối chấp thuận đăng ký giao dịch TPCP, SGDCK có công văn trả lời và nêu rõ lý do;

e) SGDCK có thể từ chối chấp thuận đăng ký giao dịch TPCP của KBNN khi:

- Hồ sơ đăng ký giao dịch TPCP có thông tin sai sự thật;

- KBNN không đáp ứng được các yêu cầu về kỹ thuật và đại diện giao dịch theo quy định tại Điều 3 Quy chế này.

2. Đối với công ty chứng khoán, ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng thương mại đăng ký làm thành viên giao dịch TPCP

a) Công ty chứng khoán, ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng thương mại nộp hồ sơ đăng ký làm thành viên giao dịch TPCP theo quy định tại Điều 5 Quy chế này. Đối với các đơn vị nộp hồ sơ đăng ký làm thành viên giao dịch TPCP trực tiếp tại trụ sở SGDCK, SGDCK cung cấp cho đơn vị nộp hồ sơ phiếu xác nhận danh mục các hồ sơ đã nhận.

b) Trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký thành viên, SGDCK thông báo trên các phương tiện công bố thông tin của SGDCK về việc tiếp nhận hồ sơ của đơn vị đăng ký làm thành viên giao dịch TPCP;

c) Trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày công bố thông tin về việc tiếp nhận hồ sơ đăng ký làm thành viên, SGDCK gửi công văn trả lời đơn vị đăng ký làm thành viên giao dịch TPCP về tình trạng hồ sơ và yêu cầu đơn vị đăng ký làm thành viên giao dịch TPCP bổ sung hồ sơ (nếu cần thiết);

d) Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, SGDCK gửi công văn thông báo và yêu cầu đơn vị đăng ký làm thành viên giao dịch TPCP chuẩn bị cơ sở vật chất, cài đặt hệ thống theo hướng dẫn và thông báo cho SGDCK ngay sau khi hoàn thành;

đ) Trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày đơn vị đăng ký làm thành viên giao dịch TPCP hoàn thành việc chuẩn bị cơ sở vật chất, cài đặt hệ thống theo yêu cầu của SGDCK, SGDCK tổ chức kiểm tra cơ sở vật chất và trạng thái kết nối tại đơn vị đăng ký làm thành viên giao dịch TPCP.

Đối với công ty chứng khoán đã là thành viên giao dịch thị trường niêm yết và/ hoặc thành viên giao dịch thị trường đăng ký giao dịch tại SGDCK, SGDCK chỉ thực hiện kiểm tra kết nối từ xa.

Trường hợp kết quả kiểm tra cơ sở vật chất và trạng thái kết nối không đạt yêu cầu, SGDCK có công văn trả lời và nêu rõ lý do;

e) Trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả kiểm tra cơ sở vật chất đạt yêu cầu, đơn vị đăng ký làm thành viên giao dịch TPCP phải hoàn thành các công việc sau:

- Chuẩn bị nhân sự và thiết bị kỹ thuật sẵn sàng (như đã cam kết trong hồ sơ đăng ký giao dịch TPCP) cho việc tham gia hệ thống giao dịch TPCP;

- Đăng ký ngày giao dịch đầu tiên.

g) Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày đơn vị đăng ký làm thành viên giao dịch TPCP hoàn tất các công việc chuẩn bị triển khai giao dịch, SGDCK ký Quyết định chấp thuận tư cách thành viên giao dịch TPCP. Trường hợp từ chối chấp thuận thành viên giao dịch TPCP, SGDCK có công văn trả lời và nêu rõ lý do;

h) SGDCK có quyền từ chối chấp thuận tư cách thành viên giao dịch TPCP khi:

- Hồ sơ đăng ký thành viên giao dịch TPCP có thông tin sai sự thật;

- Trong vòng 90 ngày kể từ ngày nộp hồ sơ đăng ký làm thành viên, đơn vị đăng ký làm thành viên giao dịch TPCP không hoàn thiện hồ sơ theo yêu cầu của SGDCK tại điểm c khoản 2 Điều này;

- Trong vòng 90 ngày kể từ ngày kiểm tra cơ sở vật chất lần đầu, đơn vị đăng ký làm thành viên giao dịch TPCP không hoàn thành việc chuẩn bị cơ sở vật chất theo yêu cầu của SGDCK tại điểm đ khoản 2 Điều này;

- Đơn vị đăng ký thành viên giao dịch TPCP không đáp ứng yêu cầu theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều này;

- Các trường hợp khác do SGDCK quyết định.

i) Đơn vị đăng ký làm thành viên giao dịch TPCP chỉ được nộp hồ sơ đăng ký làm thành viên lại sau 03 tháng kể từ khi SGDCK từ chối hồ sơ đăng ký làm thành viên lần trước.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của thành viên

1. Quyền và nghĩa vụ của KBNN

a) KBNN chỉ được thực hiện giao dịch mua trong các giao dịch mua bán lại TPCP trên hệ thống giao dịch TPCP với thời hạn giao dịch mua bán lại tối đa không quá 03 tháng theo quy định tại Thông tư 10/2017/TT-BTC;

b) KBNN có nghĩa vụ thanh toán dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán theo quy định pháp luật.

2. Quyền và nghĩa vụ của thành viên giao dịch thông thường

a) Quyền và nghĩa vụ của thành viên giao dịch thông thường tuân thủ theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư 234/2012/TT-BTC;

b) Thành viên thông thường có quyền và nghĩa vụ sử dụng, giới thiệu, cung cấp và hướng dẫn các nhà đầu tư của mình sử dụng phần mềm giao dịch trực tuyến TPCP của SGDCK;

c) Thành viên thông thường có nghĩa vụ khai báo đầy đủ và chính xác thông tin nhà đầu tư vào hệ thống giao dịch TPCP trước khi thực hiện giao dịch;

d) Thành viên thông thường có nghĩa vụ thanh toán dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán theo quy định tại Thông tư 241/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 quy định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại Sở giao dịch chứng khoán và Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên giao dịch đặc biệt

a) Quyền và nghĩa vụ của thành viên giao dịch đặc biệt tuân thủ theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư 234/2012/TT-BTC;

b) Đối với nghĩa vụ chào mua, chào bán của thành viên đặc biệt đồng thời là thành viên đấu thầu trên thị trường sơ cấp TPCP phải thực hiện đồng thời trên hệ thống giao dịch TPCP và hệ thống đường cong lợi suất tại SGDCK. Việc thực hiện chào mua, chào bán được quy định và hướng dẫn chi tiết tại Quyết định 160/QĐ-UBCK ngày 15/3/2013 về việc ban hành quy định chào mua, chào bán trên thị trường TPCP và Quy định Đường cong lợi suất trái phiếu Chính phủ tại SGDCK ban hành kèm theo Quyết định số 56/QĐ-SGDHN ngày 06/3/2013;

c) Thành viên đặc biệt có quyền và nghĩa vụ sử dụng phần mềm giao dịch trực tuyến TPCP của SGDCK;

d) Thành viên đặc biệt có nghĩa vụ thanh toán dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán theo quy định tại Thông tư 241/2016/TT-BTC.



Điều 8. Đại diện giao dịch

1. Đại diện giao dịch của thành viên giao dịch TPCP phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Có hợp đồng lao động tại thành viên từ 1 năm trở lên hoặc không xác định thời hạn, hoặc có quyết định tuyển làm công chức chính thức;

b) Có Chứng chỉ hành nghề chứng khoán do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (sau đây gọi là UBCKNN) cấp (đối với thành viên giao dịch thông thường);

c) Đạt yêu cầu kiểm tra các chương trình đào tạo về đại diện giao dịch TPCP do SGDCK tổ chức;

d) Các điều kiện khác theo quy định của SGDCK.

2. Hồ sơ đăng ký đại diện giao dịch TPCP bao gồm:

a) Đơn đăng ký đại diện giao dịch TPCP (theo mẫu tại Phụ lục VI/TP ban hành kèm theo Quy chế);

b) Bản sao Giấy chứng nhận hoàn thành chương trình đào tạo đại diện giao dịch TPCP phù hợp do SGDCK tổ chức;

c) Bản sao hợp lệ Chứng chỉ hành nghề chứng khoán do UBCKNN cấp (đối với thành viên giao dịch thông thường);

d) Lý lịch tóm tắt (có dán ảnh) của nhân viên được cử làm đại diện giao dịch có xác nhận của thành viên;

đ) Bản sao hợp lệ Hợp đồng lao động.

3. Sau khi xem xét các điều kiện của nhân viên đăng ký làm đại diện giao dịch, nếu thấy đủ điều kiện, SGDCK công nhận nhân viên đó là đại diện giao dịch. Trường hợp từ chối, SGDCK trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Định kỳ hoặc trong những trường hợp cần thiết, SGDCK có thể kiểm tra lại kỹ năng của đại diện giao dịch.

4. Việc công nhận đại diện giao dịch chỉ có giá trị khi Chứng chỉ hành nghề kinh doanh chứng khoán (đối với thành viên giao dịch thông thường) và Hợp đồng lao động với thành viên hoặc Quyết định tuyển dụng làm công chức với KBNN còn hiệu lực.

Trường hợp đại diện giao dịch không làm việc tại thành viên/KBNN, thành viên/KBNN phải thông báo bằng fax/email cho SGDCK về việc nghỉ làm việc của đại diện giao dịch trong ngày xảy ra sự việc và gửi thông báo bằng văn bản trong vòng 3 ngày làm việc. Trường hợp thành viên không thông báo về việc nghỉ làm việc của đại diện giao dịch, SGDCK ra quyết định chấm dứt tư cách đại diện giao dịch và áp dụng hình thức kỷ luật đối với thành viên theo quy định tại khoản 3 Điều 10 Quy chế này.

5. Đại diện giao dịch bị khóa tài khoản giao dịch có thời hạn khi vi phạm một trong các trường hợp sau:

a) Thực hiện các giao dịch có dấu hiệu giao dịch bất thường về lãi suất giao dịch. Lãi suất giao dịch bất thường được xác định dựa trên mức độ chênh lệch lãi suất theo các thứ tự ưu tiên sau đây:

- Lãi suất trái phiếu cùng kỳ hạn xác định trên hệ thống đấu thầu tại thời điểm gần nhất;

- Lãi suất trái phiếu xác định trên hệ thống Đường cong lợi suất của SGDCK;

- Lãi suất chào giá với cam kết chắc chắn trên hệ thống giao dịch TPCP của các thành viên đặc biệt đồng thời là thành viên đấu thầu.

Các mức lãi suất tham chiếu phù hợp được hiển thị trên hệ thống giao dịch để đại diện giao dịch tham chiếu mỗi khi thực hiện giao dịch.

b) Vi phạm các quy định về an toàn giao dịch, an ninh mạng và bảo mật việc sử dụng tài khoản giao dịch trên hệ thống giao dịch, thông tin, đường cong lợi suất của SGDCK;

c) Không tham gia các khóa đào tạo về sử dụng hệ thống giao dịch khi có những nâng cấp, thay đổi lớn.

6. Thời hạn khóa tài khoản giao dịch của đại diện giao dịch

- Đối với các vi phạm thuộc điểm a khoản 5 Điều này: Việc khóa tài khoản giao dịch sẽ được thực hiện cho đến khi thành viên có giải trình phù hợp và cam kết không tái phạm. Trường hợp đại diện giao dịch tiếp tục tái phạm, SGDCK ra quyết định chấm dứt tư cách đại diện giao dịch.

- Đối với các trường hợp thuộc điểm b khoản 5 Điều này: Việc khóa tài khoản giao dịch sẽ được thực hiện cho đến khi thành viên khắc phục xong hậu quả và có cam kết đảm bảo an toàn giao dịch, an toàn an ninh mạng.

- Đối với các trường hợp thuộc điểm c khoản 5 Điều này: Việc khóa tài khoản giao dịch sẽ được thực hiện cho đến khi đại diện giao dịch hoàn thành các khóa đào tạo và kiểm tra đáp ứng yêu cầu thực hiện giao dịch trên hệ thống của SGDCK.

7. Đại diện giao dịch bị chấm dứt tư cách đại diện giao dịch khi rơi vào một trong các trường hợp sau:

a) Theo đề nghị của thành viên hoặc của KBNN;

b) Khi thành viên thực hiện thủ tục chấm dứt tư cách thành viên tự nguyện hoặc bắt buộc;

c) Khi đại diện giao dịch không đáp ứng được các điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều này hoặc vi phạm có tính hệ thống từ 02 lần trở lên với các quy định tại khoản 5 Điều này;

d) Khi đại diện giao dịch chịu hình thức kỷ luật đến mức buộc chấm dứt tư cách đại diện giao dịch của SGDCK.

8. Nghĩa vụ của đại diện giao dịch

- Đại diện giao dịch có nghĩa vụ tuân thủ các quy định trong Quy chế này và các văn bản pháp luật có liên quan;

- Giữ bí mật thông tin đăng nhập hệ thống và bảo mật các thông tin liên quan đến hệ thống tại SGDCK;

- Tham gia các chương trình tập huấn cho đại diện giao dịch do SGDCK tổ chức.

9. Thành viên và KBNN chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện nhiệm vụ của đại diện giao dịch trong các hoạt động giao dịch TPCP với SGDCK.

Điều 9. Giải quyết tranh chấp giữa các thành viên giao dịch TPCP

Việc giải quyết tranh chấp giữa các thành viên giao dịch TPCP được quy định tương tự như đối với việc giải quyết tranh chấp giữa các thành viên giao dịch quy định trong Quy chế Thành viên giao dịch thị trường niêm yết và đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 309/QĐ-SGDHN ngày 27/5/2015.

Điều 10. Hình thức kỷ luật

1. Các hình thức kỷ luật áp dụng đối với thành viên được quy định tại Điều 10, Thông tư 234/2012/TT-BTC.

2. Trường hợp thành viên giao dịch đặc biệt đồng thời là thành viên đầu thầu trên thị trường sơ cấp TPCP vi phạm nghĩa vụ chào mua, chào bán theo quy định của UBCKNN, tùy theo mức độ vi phạm, thành viên chịu một hoặc một số các hình thức kỷ luật sau:

a) Khiển trách: Đối với trường hợp thành viên trong 01 tháng vi phạm nhiều hơn 05 (năm) lỗi;

b) Cảnh cáo: Đối với trường hợp thành viên đã bị khiển trách nhưng tiếp tục vi phạm tới mức bị khiển trách lần thứ hai trong vòng 12 tháng;

c) Đình chỉ có thời hạn hoạt động giao dịch TPCP trên SGDCK: Đối với trường hợp thành viên đã bị cảnh cáo nhưng tiếp tục vi phạm tới mức khiển trách trong vòng 12 tháng.

3. Trường hợp thành viên vi phạm báo cáo thông tin về đại diện giao dịch, tùy theo mức độ vi phạm, thành viên chịu một hoặc một số các hình thức kỷ luật sau:

a) Khiển trách: Đối với trường hợp vi phạm lần đầu;

b) Cảnh cáo: Đối với trường hợp tiếp tục vi phạm lần thứ hai;

c) Đình chỉ có thời hạn hoạt động giao dịch TPCP trên SGDCK: Đối với trường hợp tiếp tục vi phạm lần thứ ba.

4. Trường hợp các vi phạm của đại diện giao dịch có tính hệ thống và thành viên không có biện pháp khắc phục, phòng ngừa phù hợp, tùy theo mức độ vi

phạm, thành viên bị khóa tài khoản giao dịch có thời hạn trước khi chịu một hoặc một số các hình thức kỷ luật sau:

a) Cảnh cáo trong trường hợp có đại diện giao dịch tiếp tục vi phạm sau khi thành viên đã bị khóa tài khoản giao dịch;

b) Đình chỉ có thời hạn hoạt động giao dịch TPCP trên SGDCK: Đối với trường hợp tiếp tục vi phạm sau khi đã bị cảnh cáo.

5. Trường hợp thành viên vi phạm chế độ báo cáo và công bố thông tin, tùy theo mức độ vi phạm, thành viên bị khóa tài khoản giao dịch có thời hạn trước khi chịu một hoặc một số hình thức kỷ luật sau:

a) Khiển trách: Đối với trường hợp vi phạm chế độ báo cáo và công bố thông tin tới lần thứ ba trong vòng 12 tháng;

b) Cảnh cáo: Đối với trường hợp tiếp tục vi phạm về chế độ báo cáo và công bố thông tin lần thứ tư trong vòng 12 tháng;

c) Đình chỉ có thời hạn hoạt động giao dịch TPCP trên SGDCK: Đối với trường hợp tiếp tục vi phạm lần thứ năm liên tiếp chế độ báo cáo và công bố thông tin trong vòng 12 tháng.

6. Trường hợp thành viên nộp chậm (các) quy trình nghiệp vụ sửa đổi, bổ sung về hoạt động giao dịch TPCP nêu tại Điều 5 Quy chế này theo quy trình hướng dẫn của SGDCK, tùy theo mức độ vi phạm, thành viên bị khóa tài khoản giao dịch có thời hạn trước khi chịu một hoặc một số hình thức kỷ luật sau:

a) Khiển trách: Đối với trường hợp đã quá 06 tháng tính từ thời điểm hiệu lực áp dụng quy trình hướng dẫn của SGDCK, thành viên chưa nộp quy trình;

b) Cảnh cáo: Đối với trường hợp đã quá 09 tháng tính từ thời điểm hiệu lực áp dụng quy trình hướng dẫn của SGDCK, thành viên chưa nộp quy trình;

c) Đình chỉ có thời hạn hoạt động giao dịch TPCP trên SGDCK: Đối với trường hợp đã quá 12 tháng tính từ thời điểm hiệu lực áp dụng quy trình hướng dẫn của SGDCK, thành viên chưa nộp quy trình.

7. Khóa tài khoản giao dịch có thời hạn

a) Trường hợp thành viên vi phạm các quy định tại khoản 4 Điều này: Khóa tất cả tài khoản giao dịch của thành viên cho đến khi thành viên đưa ra các biện pháp ngăn chặn, phòng ngừa và có cam kết không tái phạm;

b) Trường hợp thành viên vi phạm các quy định tại khoản 5 Điều này: Khóa tất cả tài khoản giao dịch của thành viên cho đến khi thành viên tuân thủ chế độ báo cáo và công bố thông tin hoặc có giải trình phù hợp;

c) Trường hợp thành viên vi phạm các quy định tại khoản 6 Điều này: Khóa tất cả tài khoản giao dịch của thành viên cho đến khi thành viên nộp đầy đủ quy trình hoặc có giải trình phù hợp.

Điều 11. Chấm dứt tư cách thành viên

1. Tư cách thành viên giao dịch TPCP bị chấm dứt trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 7, Thông tư 234/2012/TT-BTC và khoản 3, Điều 1 Thông tư 10/2017/TT-BTC.

2. Trường hợp tự nguyện xin chấm dứt tư cách thành viên, thành viên nộp Hồ sơ xin chấm dứt tư cách thành viên cho SGDCK. Hồ sơ xin chấm dứt tư cách thành viên bao gồm:

a) Đơn đề nghị chấm dứt tư cách thành viên giao dịch TPCP (theo mẫu tại Phụ lục VIII/TP ban hành kèm theo Quy chế);

b) Văn bản thỏa thuận chuyển giao dịch vụ, hợp đồng đã ký kết cho thành viên khác (nếu có).

3. Trường hợp chấm dứt tư cách thành viên bắt buộc, SGDCK báo cáo UBCKNN trước khi đưa ra quyết định chính thức và thực hiện công bố thông tin.

4. Thủ tục chấm dứt tư cách thành viên:

a) SGDCK gửi công văn yêu cầu thành viên ngừng hoạt động giao dịch TPCP trên hệ thống của SGDCK; bàn giao các thiết bị tin học, thiết bị bảo mật liên quan đến giao dịch TPCP do SGDCK cung cấp và xác định các nghĩa vụ thành viên phải thực hiện trước khi chấm dứt tư cách thành viên. Trường hợp cần thiết, SGDCK gửi công văn chỉ định một số thành viên khác thực hiện tiếp các giao dịch của thành viên đang được xem xét chấm dứt tư cách thành viên.

b) Sau khi thành viên hoàn thành các công việc và thực hiện các nghĩa vụ nêu trên, Tổng Giám đốc SGDCK ký Quyết định chấm dứt tư cách thành viên.

Chương III

NIÊM YẾT VÀ QUẢN LÝ GIAO DỊCH

Điều 12. Quy định về niêm yết TPCP

1. Các loại trái phiếu niêm yết trên hệ thống giao dịch TPCP tại SGDCK được quy định theo khoản 5 Điều 1 Thông tư 10/2017/TT-BTC.

2. Điều kiện về hồ sơ, quy trình niêm yết đối với trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương tuân thủ theo khoản 1 Điều 12, Điều 14 Thông tư 234/2012/TT-BTC và khoản 6, khoản 7 Điều 1 Thông tư 10/2017/TT-BTC.

Điều 13. Thời gian giao dịch

1. Thời gian giao dịch đối với TPCP niêm yết tại SGDCK như sau:

a) Lịch giao dịch đối với TPCP niêm yết tại SGDCK tuân thủ theo Điều 16 Thông tư 234/2012/TT-BTC.

b) Thời gian phiên giao dịch trong ngày như sau:

- Phiên buổi sáng từ 9h00 đến 11h30;

- Phiên buổi chiều từ 13h00 đến 14h45.

2. SGDCCK được thay đổi thời gian giao dịch trong trường hợp cần thiết sau khi có sự chấp thuận của UBCKNN.

Điều 14. Giao dịch mua bán cùng phiên của nhà đầu tư

Việc đồng thời vừa mua vừa bán một mã TPCP trong một phiên giao dịch của nhà đầu tư chỉ được phép thực hiện khi việc mua bán này có phát sinh chuyển giao quyền sở hữu đối với TPCP giao dịch.

Điều 15. Giao dịch TPCP của thành viên Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam

1. Đối với thành viên của TTLKCK không phải là thành viên giao dịch TPCP và khách hàng mở tài khoản lưu ký TPCP tại thành viên lưu ký, việc đặt lệnh giao dịch TPCP được thực hiện qua công ty chứng khoán là thành viên giao dịch thông thường, việc thanh toán giao dịch được thực hiện bởi thành viên của TTLKCK.

2. Đối tượng và nội dung quy định tại Khoản 1 nêu trên bao gồm:

a) Công ty chứng khoán là thành viên lưu ký nhưng không phải là thành viên giao dịch TPCP: Đối với hoạt động tự doanh và môi giới TPCP của công ty;

b) Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng thương mại là thành viên lưu ký nhưng không phải là thành viên giao dịch TPCP: Đối với hoạt động tự doanh TPCP của ngân hàng và hoạt động giao dịch TPCP của khách hàng mở tài khoản lưu ký TPCP tại ngân hàng;

c) Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng thương mại là thành viên lưu ký đồng thời là thành viên giao dịch TPCP: Đối với hoạt động giao dịch TPCP của khách hàng mở tài khoản lưu ký TPCP tại ngân hàng;

d) Thành viên mở tài khoản trực tiếp tại TTLKCK và không phải là thành viên giao dịch TPCP: Đối với hoạt động tự doanh TPCP của thành viên mở tài khoản trực tiếp.

Điều 16. Mệnh giá niêm yết và đơn vị giao dịch

1. Mệnh giá của TPCP niêm yết trên SGDCCK là 100.000 (một trăm nghìn) đồng hoặc bội số của 100.000 (một trăm nghìn) đồng.

2. Đơn vị giao dịch quy định là 01 (một) TPCP.

Điều 17. Đơn vị yết giá

1. Đơn vị của giá yết quy định là 01 (một) đồng.

2. Đơn vị của giá thực hiện do hệ thống tính được làm tròn đến 01 (một) đồng.

Điều 18. Khối lượng giao dịch tối thiểu

1. Khối lượng giao dịch TPCP tối thiểu áp dụng cho hình thức thỏa thuận điện tử và hình thức thỏa thuận thông thường là 100 (một trăm) trái phiếu.

2. Đối với giao dịch mua bán lại gồm nhiều mã trái phiếu, khối lượng giao dịch tối thiểu của mỗi mã trái phiếu là 100 (một trăm) trái phiếu.

3. Đối với giao dịch mua bán thông thường có khối lượng từ 01 (một) đến 99 (chín chín) trái phiếu (giao dịch lô lẻ) được thực hiện trực tiếp giữa nhà đầu tư và thành viên giao dịch thông thường hoặc giữa các thành viên giao dịch TPCP với nhau theo nguyên tắc thỏa thuận về giá.

Điều 19. Hình thức giao dịch

1. Hình thức thỏa thuận điện tử

Hình thức thỏa thuận điện tử bao gồm các loại lệnh sau đây:

a) Lệnh thỏa thuận điện tử toàn thị trường:

- Lệnh thỏa thuận điện tử toàn thị trường là các lệnh chào mua, chào bán với cam kết chắc chắn có hiệu lực trong ngày được chào công khai trên hệ thống.

- Lệnh thỏa thuận điện tử toàn thị trường chỉ áp dụng đối với giao dịch mua bán thông thường.

b) Lệnh thỏa thuận điện tử tùy chọn: Bao gồm hai loại lệnh sau:

- Lệnh yêu cầu chào giá: Lệnh yêu cầu chào giá có tính chất quảng cáo được sử dụng khi nhà đầu tư chưa xác định được đối tác trong giao dịch. Lệnh yêu cầu chào giá có thể gửi đến một, một nhóm thành viên hoặc toàn thị trường.

- Lệnh chào mua, chào bán với cam kết chắc chắn: Lệnh chào với cam kết chắc chắn được sử dụng để chào đối ứng với lệnh yêu cầu chào giá. Lệnh chào với cam kết chắc chắn chỉ được gửi đích danh cho thành viên gửi Lệnh yêu cầu chào giá.

2. Hình thức thỏa thuận thông thường

a) Hình thức thỏa thuận thông thường bao gồm lệnh báo cáo giao dịch. Lệnh báo cáo được sử dụng để nhập giao dịch vào hệ thống trong trường hợp giao dịch đã được các bên thỏa thuận xong về các điều kiện trong giao dịch.

b) Kết quả giao dịch phải được báo cáo vào hệ thống giao dịch trong cùng ngày làm việc sau khi các bên thỏa thuận xong về giao dịch theo quy định tại khoản 9, khoản 10 Thông tư 10/2017/TT-BTC. Thông tin báo cáo vào hệ thống bao gồm: thời điểm giao kết giao dịch, thời điểm ký hợp đồng, thời điểm thực hiện giao dịch và các thông tin khác có liên quan.

3. Nội dung của các loại lệnh được quy định trong Quy trình giao dịch TPCP do SGDCK ban hành.

Điều 20. Thời hạn hiệu lực của lệnh

1. Lệnh có hiệu lực kể từ khi lệnh được nhập vào hệ thống cho đến khi kết thúc thời gian giao dịch hoặc cho đến khi lệnh được hủy bỏ.

2. Đối với lệnh thỏa thuận đã thực hiện chưa đến ngày giao dịch, lệnh có hiệu lực cho đến khi kết thúc ngày giao dịch hoặc cho đến khi lệnh được hủy bỏ.

Điều 21. Sửa, huỷ lệnh thỏa thuận chưa thực hiện

1. Trong thời gian phiên giao dịch, đại diện giao dịch được phép sửa, huỷ lệnh thỏa thuận chưa thực hiện theo yêu cầu của nhà đầu tư hoặc trong trường hợp đại diện giao dịch nhập sai so với lệnh gốc.

2. Việc sửa hoặc huỷ lệnh thỏa thuận chưa thực hiện phải tuân thủ theo quy trình sửa, huỷ lệnh thỏa thuận chưa thực hiện quy định trong Quy trình giao dịch TPCP do SGDCK ban hành.

Điều 22. Sửa lệnh thỏa thuận đã thực hiện

1. Giao dịch TPCP đã được xác lập trên hệ thống không được phép hủy bỏ.

2. Giao dịch TPCP đã xác lập trên hệ thống được phép sửa khi đáp ứng các điều kiện sau:

a) Được sự đồng thuận của các bên đối tác tham gia giao dịch;

b) Có lý do sửa hợp lý;

c) Được SGDCK chấp thuận;

d) Tuân thủ quy trình sửa lệnh giao dịch đã thực hiện được quy định trong Quy trình giao dịch TPCP do SGDCK ban hành. (Nội dung cơ bản của các phiếu lệnh mua/bán/sửa/hủy áp dụng đối với thành viên thông thường theo mẫu tại Phụ lục số II/TP, phiếu xác nhận kết quả giao dịch theo mẫu tại Phụ lục số III/TP ban hành kèm theo Quy chế).

Điều 23. Sửa lỗi sau giao dịch

1. Sau khi kết thúc thời gian giao dịch, nếu thành viên phát hiện lỗi giao dịch đối với lệnh giao dịch trong ngày do nhầm lẫn, sai sót trong quá trình nhận, chuyển, nhập lệnh giao dịch vào hệ thống giao dịch, thành viên phải báo cáo SGDCK về lỗi giao dịch và tự chịu trách nhiệm giải quyết với nhà đầu tư về lỗi giao dịch của mình.

2. Việc sửa lỗi sau giao dịch của thành viên tuân theo quy định của TTLKCK về sửa lỗi sau giao dịch đối với chứng khoán niêm yết.

Điều 24. Xử lý vi phạm nghĩa vụ thanh toán giao dịch

1. Đối với giao dịch mua bán thông thường và giao dịch lần một trong các giao dịch mua bán lại, giao dịch vay trái phiếu, giao dịch bán kết hợp mua lại

Việc xử lý trường hợp thành viên bị mất khả năng thanh toán tuân thủ theo quy định tại Thông tư 46/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 Hướng dẫn hoạt động thanh toán giao dịch trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương và các quy định có liên quan của TTLKCK.

2. Đối với giao dịch lần hai trong giao dịch mua bán lại và giao dịch vay trái phiếu

a) Việc xử lý trường hợp các bên vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận trong giao dịch mua bán lại lần hai tuân thủ theo quy định tại Điều 33 Thông tư 234/2012/TT-BTC.

b) Việc xử lý trường hợp các bên vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận trong giao dịch lần 2 của giao dịch vay trái phiếu thực hiện tương tự trường hợp vi phạm nghĩa vụ thanh toán trong giao dịch mua bán lại lần hai.

c) Ngoài ra, thành viên vi phạm nghĩa vụ thanh toán sẽ bị phạt chậm thanh toán với bên đối tác trên cơ sở thỏa thuận giữa các bên tham gia giao dịch và tuân thủ quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 25. Sử dụng các tiện ích hỗ trợ giao dịch TPCP

Các tiện ích hỗ trợ giao dịch TPCP trên hệ thống giao dịch TPCP bao gồm hỗ trợ phòng ngừa rủi ro giao dịch (như hạn mức tín dụng, kiểm soát truy cập,...) các tiện ích tính toán, thống kê, chi báo, tổng hợp số liệu đa chiều, ... Việc sử dụng các tiện ích được cung cấp trên hệ thống TPCP phải tuân thủ hướng dẫn về cách thức sử dụng do SGDCK đưa ra. Trường hợp có sự chênh lệch dữ liệu, thông tin từ tiện ích được cung cấp so với dữ liệu, thông tin do việc giao dịch theo các quy định tại Quy chế này tạo ra trên hệ thống giao dịch TPCP thì áp dụng dữ liệu, thông tin từ việc giao dịch theo các quy định tại Quy chế này.

Điều 26. Thỏa thuận pháp lý về giao dịch

Thành viên khi thực hiện các giao dịch trên hệ thống giao dịch TPCP của SGDCK có thể sử dụng hợp đồng để thỏa thuận thêm về quyền và nghĩa vụ bổ sung. Tuy nhiên, các thỏa thuận trong hợp đồng không được mâu thuẫn với quy định nêu tại Quy chế này và các văn bản pháp luật có liên quan. Trường hợp trong hợp đồng có nội dung trái với quy định sẽ sử dụng các quy định của SGDCK.

Chương IV

GIAO DỊCH TRÁI PHIẾU

Mục 1

CÁC NGUYÊN TẮC CHUNG

Điều 27. Trái phiếu tương đương

1. Trái phiếu tương đương có thể chuyển giao được sử dụng trong các giao dịch mua bán lại, giao dịch vay trái phiếu, giao dịch bán kết hợp mua lại.

2. Trái phiếu tương đương có thể chuyển giao phải có cùng tổ chức phát hành với trái phiếu gốc sử dụng trong giao dịch.

3. Chỉ được sử dụng 01 (một) mã trái phiếu tương đương để chuyển giao thay thế cho một phần hoặc toàn bộ khối lượng của 01 (một) mã trái phiếu gốc trong giao dịch.

4. Đơn vị giao dịch áp dụng đối với trái phiếu tương đương là 01 (một) trái phiếu.

5. Các bên trong giao dịch thỏa thuận với nhau về việc sử dụng trái phiếu tương đương chậm nhất vào ngày giao dịch lần 2 của giao dịch mua bán lại, giao dịch vay trái phiếu, giao dịch bán kết hợp mua lại. Các nội dung thỏa thuận về trái phiếu tương đương bao gồm:

- a) Kỳ hạn còn lại của trái phiếu tương đương;
- b) Khối lượng niêm yết tối thiểu của trái phiếu tương đương;
- c) Phương pháp xác định hệ số chuyển đổi;
- d) Lãi phạt khi sử dụng trái phiếu tương đương;
- đ) Làm tròn lô trái phiếu tương đương.

Điều 28. Hệ số chuyển đổi

1. Hệ số chuyển đổi được sử dụng để xác định khối lượng của trái phiếu tương đương có thể chuyển giao. Các bên trong giao dịch thỏa thuận với nhau về phương pháp xác định hệ số chuyển đổi tại thời điểm thỏa thuận về việc sử dụng trái phiếu tương đương.

2. Công thức tính hệ số chuyển đổi:

$$CF = \frac{GG_1}{GG_2}$$

Trong đó:

CF : Hệ số chuyển đổi (làm tròn đến 6 số sau dấu phẩy)

GG_1 : Giá gộp lãi của trái phiếu gốc

GG_2 : Giá gộp lãi của trái phiếu tương đương

3. Các phương pháp xác định hệ số chuyển đổi

a) Sử dụng đường cong lãi suất TPCP: Hệ số chuyển đổi được tính dựa trên giá gộp lãi của trái phiếu gốc và giá gộp lãi của trái phiếu tương đương do đường cong lợi suất TPCP định giá tại ngày giao dịch lần hai.

b) Các bên trong giao dịch tự xác định hệ số chuyển đổi hoặc xác định lãi suất tham chiếu sử dụng để hệ thống tính ra hệ số chuyển đổi. Hệ số chuyển đổi do hai bên tự thỏa thuận không được chênh lệch quá 10% so với hệ số chuyển đổi xác định căn cứ trên đường cong lãi suất tại thời điểm gần nhất.

4. Xác định khối lượng trái phiếu tương đương

Khối lượng trái phiếu tương đương được xác định theo công thức sau:

$$KL_2 = KL_1 \times CF$$

Trong đó:

KL_1 : Khối lượng của trái phiếu gốc

KL_2 : Khối lượng của trái phiếu tương đương có thể chuyển giao (làm tròn đến đơn vị 01 trái phiếu)

CF : Hệ số chuyển đổi (làm tròn đến 6 số sau dấu phẩy)

Điều 29. Lãi phạt khi sử dụng trái phiếu tương đương

1. Các bên trong giao dịch thỏa thuận với nhau về việc áp dụng lãi phạt khi sử dụng trái phiếu tương đương. Lãi phạt khi sử dụng trái phiếu tương đương được các bên thanh toán ngoài hệ thống hoặc thanh toán qua hệ thống. Nếu việc thanh toán lãi phạt thực hiện bên ngoài hệ thống giao dịch, thời điểm thanh toán lãi phạt sẽ do hai bên tự thống nhất nhưng không được muộn hơn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc giao dịch. Nếu việc thanh toán lãi phạt thực hiện qua hệ thống giao dịch, thời điểm thanh toán là khi giao dịch kết thúc.

2. Lãi phạt khi sử dụng trái phiếu tương đương được xác định theo công thức sau:

$$\text{Lãi phạt} = GG_1 \times KL_1 \times \text{Lãi suất phạt}$$

Trong đó:

GG_1 : Giá gộp lãi của trái phiếu gốc

KL_1 : Khối lượng của trái phiếu gốc

Lãi suất phạt được tính theo %

Điều 30. Làm tròn lô trái phiếu tương đương

1. Các bên trong giao dịch thỏa thuận với nhau về việc làm tròn lô trái phiếu tương đương. Khối lượng trái phiếu tương đương chỉ được làm tròn xuống với đơn vị làm tròn tối đa là 10.000 trái phiếu.

2. Số tiền phát sinh từ việc làm tròn lô trái phiếu tương đương được các bên thanh toán ngoài hệ thống hoặc thanh toán qua hệ thống. Nếu việc thanh toán số tiền phát sinh từ việc làm tròn lô trái phiếu tương đương được thực hiện bên ngoài hệ thống giao dịch, thời điểm thanh toán sẽ do hai bên tự thống nhất nhưng không muộn hơn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc giao dịch. Nếu việc thanh toán số tiền phát sinh từ việc làm tròn lô trái phiếu tương đương được thực hiện qua hệ thống giao dịch, thời điểm thanh toán là khi giao dịch kết thúc.

3. Số tiền phát sinh từ việc làm tròn lô trái phiếu tương đương được xác định theo công thức sau:

$$RND = (KL_2 - KL \text{ làm tròn}) \times GG_2$$

Trong đó:

RND : Số tiền phát sinh từ việc làm tròn lô trái phiếu tương đương

KL_2 : Khối lượng của trái phiếu tương đương có thể chuyển giao (làm tròn đến đơn vị 01 trái phiếu)

$KL \text{ làm tròn}$: Khối lượng trái phiếu tương đương làm tròn theo thỏa thuận

GG₂ : Giá gộp lãi của trái phiếu tương đương

Điều 31. Quy định về ngày giao dịch lần hai

Giao dịch lần hai trong các giao dịch mua bán lại, giao dịch vay trái phiếu, giao dịch bán kết hợp mua lại phải kết thúc tối thiểu là 10 ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng để tất toán vốn gốc và/hoặc lãi trái phiếu và hủy niêm yết đối với TPCP sử dụng trong giao dịch.

Điều 32. Các trường hợp đặc biệt trong giao dịch trái phiếu

1. Các trường hợp đặc biệt trong giao dịch trái phiếu xảy ra khi, vì những lý do bất khả kháng, SGDCK phải thực hiện điều chỉnh lịch giao dịch sau khi được UBCKNN chấp thuận hoặc khi ngày đăng ký cuối cùng nhận lãi, vốn gốc trái phiếu và/hoặc ngày thực thanh toán lãi trái phiếu bị thay đổi.

2. SGDCK thực hiện điều chỉnh lịch giao dịch sau khi được UBCKNN chấp thuận trong các trường hợp sau:

a) Phát sinh ngày nghỉ bất thường: Trong trường hợp này, SGDCK thực hiện điều chỉnh ngày giao dịch thành ngày nghỉ;

b) Phát sinh ngày làm việc nhưng không tổ chức giao dịch: Đối với trường hợp ngày trước là ngày giao dịch, SGDCK thực hiện điều chỉnh ngày giao dịch thành ngày đi làm nhưng không tổ chức giao dịch. Đối với trường hợp ngày trước là ngày nghỉ, SGDCK không điều chỉnh lịch giao dịch.

3. Ngày đăng ký cuối cùng nhận lãi, vốn gốc trái phiếu và ngày thực thanh toán lãi trái phiếu bị thay đổi trong các trường hợp sau:

a) Tổ chức phát hành thay đổi ngày đăng ký cuối cùng nhận lãi, vốn gốc trái phiếu và ngày thực thanh toán lãi trái phiếu;

b) Phát sinh ngày nghỉ bất thường trùng với ngày đăng ký cuối cùng nhận lãi, vốn gốc trái phiếu. Trong trường hợp này, ngày đăng ký cuối cùng được chuyển đến ngày làm việc trước đó gần nhất;

c) Phát sinh ngày nghỉ bất thường trùng với ngày thực thanh toán lãi trái phiếu. Trong trường hợp này, ngày thực thanh toán lãi trái phiếu được chuyển đến ngày làm việc kế tiếp gần nhất;

d) Phát sinh ngày làm việc nhưng không tổ chức giao dịch (trước là ngày giao dịch) trùng với ngày đăng ký cuối cùng nhận lãi, vốn gốc trái phiếu. Trong trường hợp này, ngày đăng ký cuối cùng được chuyển đến ngày làm việc trước đó gần nhất;

đ) Phát sinh ngày làm việc nhưng không tổ chức giao dịch (trước là ngày nghỉ) nằm trong khoảng từ ngày trả lãi danh nghĩa trái phiếu đến trước ngày thực thanh toán lãi trái phiếu. Trong trường hợp này, ngày thực thanh toán lãi trái phiếu được chuyển đến ngày làm việc nhưng không tổ chức giao dịch.

4. Các trường hợp đặc biệt trong giao dịch mua bán lại và giao dịch vay trái phiếu

a) Ngày giao dịch lần hai và/hoặc ngày thanh toán lần hai của các giao dịch chưa kết thúc bị ảnh hưởng bởi việc điều chỉnh lịch giao dịch quy định tại khoản 2 Điều này:

- Phát sinh ngày nghỉ bất thường trùng với ngày thanh toán lần hai của các giao dịch chưa kết thúc, làm ảnh hưởng đến giá trị giao dịch lần hai của các giao dịch chưa kết thúc. Trong trường hợp này, ngày thanh toán lần hai của các giao dịch chưa kết thúc được chuyển đến ngày làm việc kế tiếp gần nhất;

- Phát sinh ngày nghỉ bất thường trùng với ngày giao dịch lần hai của các giao dịch chưa kết thúc. Trong trường hợp này, ngày giao dịch lần hai của các giao dịch chưa kết thúc được chuyển đến ngày làm việc trước đó gần nhất;

- Phát sinh ngày đi làm nhưng không tổ chức giao dịch (trước là ngày giao dịch) trùng với ngày thanh toán lần hai của các giao dịch chưa kết thúc, làm ảnh hưởng đến giá trị giao dịch lần hai của các giao dịch chưa kết thúc. Trong trường hợp này, ngày thanh toán lần hai của các giao dịch chưa kết thúc được chuyển đến ngày làm việc kế tiếp gần nhất;

- Phát sinh ngày đi làm nhưng không tổ chức giao dịch (trước là ngày giao dịch) trùng với ngày giao dịch lần hai của các giao dịch chưa kết thúc. Trong trường hợp này, ngày giao dịch lần hai của các giao dịch chưa kết thúc được chuyển đến ngày làm việc trước đó gần nhất.

b) Ngày đăng ký cuối cùng nhận lãi, vốn gốc trái phiếu và/hoặc Ngày thực thanh toán lãi trái phiếu bị thay đổi theo quy định tại khoản 3 Điều này, làm ảnh hưởng đến giá trị giao dịch lần hai của các giao dịch chưa kết thúc.

c) Xử lý các trường hợp đặc biệt trong giao dịch mua bán lại, giao dịch vay trái phiếu làm ảnh hưởng đến giá trị giao dịch lần hai của các giao dịch chưa kết thúc

- Đối với các trường hợp đặc biệt trong giao dịch mua bán lại, giao dịch vay trái phiếu làm ảnh hưởng đến giá trị giao dịch lần hai của các giao dịch chưa kết thúc, SGDCK quyết định điều chỉnh giá trị giao dịch lần hai của các giao dịch chưa kết thúc bị ảnh hưởng theo những thông tin thay đổi về ngày đăng ký cuối cùng, ngày thực thanh toán lãi trái phiếu và/hoặc ngày thanh toán lần hai của giao dịch. Trường hợp các bên trong giao dịch mua bán lại và giao dịch vay trái phiếu có đề nghị bằng văn bản mong muốn tiếp tục duy trì, không thay đổi các thỏa thuận về giá trị giao dịch lần hai đã thực hiện, SGDCK sẽ không thực hiện việc thay đổi giá trị của những giao dịch đã thực hiện này trên hệ thống theo như yêu cầu.

- Đối với các trường hợp bất khả kháng khác có ảnh hưởng đến giá trị giao dịch lần hai của các giao dịch mua bán lại và giao dịch vay trái phiếu chưa kết thúc, SGDCK quyết định không điều chỉnh giá trị giao dịch lần hai của các giao dịch sau khi được UBCKNN chấp thuận.

5. Các trường hợp đặc biệt trong giao dịch bán kết hợp mua lại



Handwritten signature or mark.

Các trường hợp đặc biệt trong giao dịch bán kết hợp mua lại xảy ra khi ngày giao dịch và/ hoặc ngày thanh toán của giao dịch thông thường thứ hai bị ảnh hưởng bởi việc điều chỉnh lịch giao dịch quy định tại khoản 2 Điều này:

- Phát sinh ngày nghỉ bất thường trùng với ngày thanh toán của giao dịch thông thường thứ hai. Trong trường hợp này, ngày thanh toán của giao dịch thông thường thứ hai được chuyển đến ngày làm việc kế tiếp gần nhất;

- Phát sinh ngày nghỉ bất thường trùng với ngày giao dịch của giao dịch thông thường thứ hai. Trong trường hợp này, ngày giao dịch của giao dịch thông thường thứ hai được chuyển đến ngày làm việc trước đó gần nhất;

- Phát sinh ngày đi làm nhưng không tổ chức giao dịch (trước là ngày giao dịch) trùng với ngày thanh toán của giao dịch thông thường thứ hai. Trong trường hợp này, ngày thanh toán của giao dịch thông thường thứ hai được chuyển đến ngày làm việc kế tiếp gần nhất;

- Phát sinh ngày đi làm nhưng không tổ chức giao dịch (trước là ngày giao dịch) trùng với ngày giao dịch của giao dịch thông thường thứ hai. Trong trường hợp này, ngày giao dịch của giao dịch thông thường thứ hai được chuyển đến ngày làm việc trước đó gần nhất.

Điều 33. Lãi suất trên lãi coupon phát sinh trong thời hạn giao dịch mua bán lại và giao dịch vay trái phiếu

1. Thu nhập từ TPCP sử dụng trong giao dịch mua bán lại được thực hiện theo quy định tại Điều 32, Thông tư 234/2012/TT-BTC.

2. Thu nhập từ TPCP sử dụng trong giao dịch vay trái phiếu được quy định tương tự như giao dịch mua bán lại

3. Lãi suất trên lãi coupon do hai bên thỏa thuận với nhau tại thời điểm bắt đầu thực hiện giao dịch.

a) Lãi trên lãi coupon được xác định trên số ngày thực tế từ ngày thanh toán của giao dịch lần hai đến (các) ngày thực thanh toán lãi trái phiếu mà bên Mua (giao dịch mua bán lại)/ bên vay trái phiếu (giao dịch vay trái phiếu) được nhận.

b) Trường hợp ngày thanh toán của giao dịch lần hai diễn ra trước ngày thực thanh toán lãi trái phiếu, lãi trên lãi coupon sẽ do bên Bán (giao dịch mua bán lại)/ bên cho vay trái phiếu (giao dịch vay trái phiếu) trả cho bên Mua/ bên vay trái phiếu.

c) Trường hợp ngày thanh toán của giao dịch lần hai diễn ra sau ngày thực thanh toán lãi trái phiếu, lãi trên lãi coupon sẽ do bên Mua (giao dịch mua bán lại)/ bên vay trái phiếu (giao dịch vay trái phiếu) trả cho bên Bán/ bên cho vay trái phiếu.

4. Xác định lãi coupon và lãi trên lãi coupon phát sinh trong thời hạn giao dịch mua bán lại và giao dịch vay trái phiếu

Lãi coupon và lãi trên lãi coupon phát sinh trong thời hạn giao dịch được tính theo công thức sau:

$$CPN = \sum_{i=1}^n GL_i + \sum_{i=1}^n GL_i \times R' \times \frac{\text{Ngày thanh toán lần 2} - \text{Ngày thực thanh toán lãi trái phiếu}_i}{\text{Số ngày thực tế của năm}_i}$$

Trong đó:

CPN: Lãi coupon và lãi trên lãi coupon phát sinh trong thời hạn giao dịch

GL_i: Lãi coupon lần thứ *i* mà bên mua/bên vay trái phiếu nhận được trong thời hạn giao dịch

R': Lãi suất trên lãi coupon phát sinh trong thời hạn giao dịch. Trường hợp sửa đổi lãi suất trên lãi coupon phát sinh trong thời hạn giao dịch, *R'* là lãi suất trên lãi coupon sửa đổi.

n: Số kỳ coupon bên mua/bên vay trái phiếu được nhận trong thời hạn giao dịch

Ngày thực thanh toán lãi trái phiếu_i: Ngày thực thanh toán lãi trái phiếu lần thứ *i* mà bên mua/bên vay trái phiếu nhận được trong thời hạn giao dịch

Số ngày thực tế của năm_i: Là số ngày thực tế của năm có ngày thanh toán lãi coupon lần thứ *i*

Điều 34. Thay đổi các điều khoản trong giao dịch mua bán lại, giao dịch vay trái phiếu và giao dịch bán kết hợp mua lại

1. Thay đổi lãi suất mua bán lại

a) Các bên trong giao dịch mua bán lại có thể thay đổi lãi suất mua bán lại trong thời hạn giao dịch. Lãi suất mới sẽ áp dụng từ ngày sửa lãi suất đến ngày thanh toán giao dịch lần hai hoặc đến ngày sửa lãi suất tiếp theo (nếu có).

b) Tại ngày sửa lãi suất, lãi mua bán lại tính từ ngày thanh toán giao dịch lần một hoặc từ ngày sửa lãi suất trước đó gần nhất (nếu có) đến ngày sửa lãi suất sẽ được cộng gộp vào giá trị giao dịch lần một và lãi mua bán lại của (những) lần sửa trước đó để làm giá trị gốc tính lãi mua bán lại cho khoảng thời gian từ ngày sửa đến ngày thanh toán giao dịch lần hai hoặc đến ngày sửa lãi suất tiếp theo (nếu có).

2. Thay đổi lãi suất trên tài sản đảm bảo trong giao dịch vay trái phiếu

a) Các bên trong giao dịch vay trái phiếu có thể thay đổi lãi suất trên tài sản đảm bảo trong thời hạn giao dịch. Lãi suất mới sẽ áp dụng từ ngày sửa lãi suất đến ngày thanh toán giao dịch lần hai hoặc đến ngày sửa lãi suất tiếp theo (nếu có).

b) Tại ngày sửa lãi suất, lãi trên tài sản đảm bảo tính từ ngày thanh toán giao dịch lần một hoặc từ ngày sửa lãi suất trước đó gần nhất (nếu có) đến ngày sửa lãi suất sẽ được cộng gộp vào giá trị tài sản đảm bảo và lãi trên tài sản đảm bảo của (những) lần sửa trước đó để làm giá trị gốc tính lãi trên tài sản đảm bảo

cho khoảng thời gian từ ngày sửa đến ngày thanh toán giao dịch lần hai hoặc đến ngày sửa lãi suất tiếp theo (nếu có).

3. Thay đổi thời hạn giao dịch mua bán lại và giao dịch vay trái phiếu

a) Các bên trong giao dịch mua bán lại và giao dịch vay trái phiếu có thể thống nhất kéo dài hoặc rút ngắn thời hạn của giao dịch đang có hiệu lực. Việc thay đổi thời hạn giao dịch chỉ được thực hiện sau khi việc thanh toán giao dịch lần một hoàn tất.

b) Thời hạn giao dịch mới được tính từ ngày sửa đến ngày thanh toán giao dịch lần hai mới. Thời hạn giao dịch mới tối thiểu là 01 ngày và tối đa là 180 ngày.

c) Tại ngày sửa thời hạn giao dịch, lãi mua bán lại trong giao dịch mua bán lại và lãi trên tài sản đảm bảo trong giao dịch vay trái phiếu được tính tương tự như quy định tại điểm b khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều này.

4. Thay đổi lãi suất trên lãi coupon phát sinh trong thời hạn giao dịch mua bán lại và giao dịch vay trái phiếu

Các bên trong giao dịch mua bán lại và giao dịch vay trái phiếu có thể thay đổi lãi suất trên lãi coupon phát sinh trong thời hạn giao dịch. Lãi suất mới sẽ áp dụng cho toàn bộ các khoản lãi coupon phát sinh trong thời hạn giao dịch từ thời điểm thanh toán giao dịch lần một đến thời điểm thanh toán giao dịch lần hai.

5. Thay đổi lãi suất vay trái phiếu

Các bên trong giao dịch vay trái phiếu có thể thay đổi lãi suất vay trái phiếu trong thời hạn giao dịch. Lãi suất mới sẽ áp dụng từ ngày sửa lãi suất đến ngày thanh toán giao dịch lần hai hoặc đến ngày sửa lãi suất tiếp theo (nếu có).

6. Thay đổi các điều khoản của giao dịch thông thường thứ hai trong giao dịch bán kết hợp mua lại

Các bên trong giao dịch bán kết hợp mua lại có thể thay đổi thông tin về giá và thời điểm thực hiện của giao dịch thông thường thứ hai.

Mục 2

XÁC ĐỊNH GIÁ TRÁI PHIẾU

Điều 35. Xác định lãi coupon tích gộp

1. Xác định lãi coupon tích gộp trong ngày giao dịch hưởng quyền

a) Đối với trái phiếu có lãi suất danh nghĩa cố định, thanh toán lãi định kỳ và có các kỳ trả lãi bằng nhau

Lãi coupon tích gộp trong ngày giao dịch hưởng quyền được xác định theo công thức sau:

$$Cc = MG \times Rc \times \frac{E - Dn}{E}$$

Trong đó:

Cc: Lãi coupon tích gộp trong ngày giao dịch hưởng quyền.

MG: Mệnh giá trái phiếu.

$Rc = \frac{Lc}{k}$ trong đó Lc : Lãi suất danh nghĩa trái phiếu (%/năm); k : Số lần thanh toán lãi trong năm.

Dn : Số ngày từ ngày thanh toán của giao dịch đến ngày trả lãi danh nghĩa tiếp theo gần nhất hoặc từ ngày thanh toán của giao dịch đến ngày đáo hạn trái phiếu

E : Số ngày của kỳ trả lãi trái phiếu hiện tại

b) Đối với trái phiếu có lãi suất danh nghĩa cố định, thanh toán lãi định kỳ và có kỳ trả lãi đầu tiên ngắn hơn so với các kỳ trả lãi tiếp theo

- Xác định lãi coupon tích gộp trong ngày giao dịch hưởng quyền của kỳ trả lãi đầu tiên như sau:

$$Cc = MG \times Rc \times \frac{D1 - Dn}{E_2}$$

Trong đó:

D_1 : Số ngày từ ngày phát hành trái phiếu lần đầu đến ngày trả lãi danh nghĩa tiếp theo gần nhất;

E_2 : Số ngày trong kỳ trả lãi trái phiếu thông thường theo giả định có ngày thanh toán giao dịch diễn ra.

- Xác định lãi coupon tích gộp trong ngày giao dịch hưởng quyền của các kỳ trả lãi tiếp theo theo công thức tại điểm a khoản 1 Điều này.

c) Đối với trái phiếu có lãi suất danh nghĩa cố định, thanh toán lãi định kỳ và có kỳ trả lãi đầu tiên dài hơn so với các kỳ trả lãi tiếp theo

- Trường hợp ngày thanh toán của giao dịch diễn ra trước hoặc trùng với ngày trả lãi danh nghĩa thông thường theo giả định của kỳ trả lãi đầu tiên, lãi coupon tích gộp của kỳ trả lãi đầu tiên được xác định như sau:

$$Cc = MG \times Rc \times \frac{D_2 - D'_n}{E_1}$$

Trong đó:

D_2 : Số ngày từ ngày phát hành trái phiếu lần đầu đến ngày trả lãi danh nghĩa thông thường theo giả định tiếp theo gần nhất;

D'_n : Số ngày từ ngày thanh toán của giao dịch đến ngày trả lãi danh nghĩa thông thường theo giả định tiếp theo gần nhất

E_1 : Số ngày trong kỳ trả lãi trái phiếu thông thường theo giả định có ngày phát hành trái phiếu lần đầu diễn ra.

- Trường hợp ngày thanh toán của giao dịch diễn ra sau ngày trả lãi danh nghĩa thông thường theo giả định của kỳ trả lãi đầu tiên, lãi coupon tích gộp của kỳ trả lãi đầu tiên được xác định như sau:

0:
GI
IUNG
HA
KIEM

2
✓

$$Cc = MG \times Rc \times \left(\frac{D_2}{E_1} + \frac{E_2 - D_n}{E_2} \right)$$

Trong đó:

D_n : Số ngày từ ngày thanh toán đến ngày trả lãi danh nghĩa tiếp theo gần nhất;

E_2 : Số ngày trong kỳ trả lãi trái phiếu thông thường theo giả định có ngày thanh toán diễn ra.

- Xác định lãi coupon tích gộp trong ngày giao dịch hưởng quyền của các kỳ trả lãi tiếp theo theo công thức tại điểm a khoản 1 Điều này.

2. Xác định lãi coupon tích gộp trong ngày giao dịch không hưởng quyền

a) Đối với trái phiếu có lãi suất danh nghĩa cố định, thanh toán lãi định kỳ và có các kỳ trả lãi bằng nhau

Lãi coupon tích gộp trong ngày giao dịch không hưởng quyền được xác định theo công thức sau:

$$Cx = MG \times Rc \times \frac{Dn}{E}$$

Trong đó:

Cx : Lãi coupon tích gộp trong ngày giao dịch không hưởng quyền.

b) Đối với trái phiếu có lãi suất danh nghĩa cố định, thanh toán lãi định kỳ và có kỳ trả lãi đầu tiên ngắn hơn so với các kỳ trả lãi tiếp theo

- Xác định lãi coupon tích gộp trong ngày giao dịch không hưởng quyền của kỳ trả lãi đầu tiên như sau:

$$Cx = MG \times Rc \times \frac{Dn}{E_2}$$

- Xác định lãi coupon tích gộp trong ngày giao dịch không hưởng quyền của các kỳ trả lãi tiếp theo theo công thức tại điểm a khoản 2 Điều này.

c) Đối với trái phiếu có lãi suất danh nghĩa cố định, thanh toán lãi định kỳ và có kỳ trả lãi đầu tiên dài hơn so với các kỳ trả lãi tiếp theo

- Xác định lãi coupon tích gộp trong ngày giao dịch không hưởng quyền của kỳ trả lãi đầu tiên như sau:

$$Cx = MG \times Rc \times \frac{Dn}{E_2}$$

- Xác định lãi coupon tích gộp trong ngày giao dịch không hưởng quyền của các kỳ trả lãi tiếp theo theo công thức tại điểm a khoản 2 Điều này.

3. Xác định lãi coupon tích gộp trong trường hợp ngày thanh toán trùng với ngày trả lãi danh nghĩa

Trong trường hợp ngày thanh toán trùng với ngày trả lãi danh nghĩa, lãi coupon tích gộp được xác định bằng 0 (không).

Điều 36. Xác định giá gộp lãi

1. Đối với trái phiếu có phương thức thanh toán lãi vào cuối kỳ

a) Xác định giá gộp lãi trong ngày giao dịch hưởng quyền

Giá gộp lãi trong ngày giao dịch hưởng quyền được xác định theo công thức sau:

$$GG = G + Cc$$

Trong đó:

GG : Giá gộp lãi.

G : Giá yết.

Cc : Lãi coupon tích gộp trong ngày giao dịch hưởng quyền.

b) Xác định giá gộp lãi trong ngày giao dịch không hưởng quyền

Giá gộp lãi trong ngày giao dịch không hưởng quyền được xác định theo công thức sau:

$$GG = G - Cx$$

Trong đó:

Cx : Lãi coupon tích gộp trong ngày giao dịch không hưởng quyền.

c) Xác định giá gộp lãi trong trường hợp ngày thanh toán trùng với ngày trả lãi danh nghĩa

Giá gộp lãi trong trường hợp ngày thanh toán trùng với ngày trả lãi danh nghĩa được xác định theo công thức sau:

$$GG = G$$

2. Đối với trái phiếu có phương thức thanh toán lãi đầu kỳ

a) Xác định giá gộp lãi trong ngày giao dịch hưởng quyền

- Giá gộp lãi trong ngày giao dịch hưởng quyền được xác định theo công thức sau:

$$GG = G - Cx$$

Trong đó:

GG : Giá gộp lãi.

G : Giá yết.

Cx : Lãi coupon tích gộp trong ngày giao dịch không hưởng quyền.

- Đối với trái phiếu có lãi suất danh nghĩa cố định, thanh toán lãi định kỳ và có kỳ trả lãi đầu tiên dài hơn so với các kỳ trả lãi tiếp theo, và ngày thanh toán của giao dịch diễn ra trước hoặc trùng với ngày trả lãi danh nghĩa thông thường theo giả định của kỳ trả lãi đầu tiên, giá gộp lãi được xác định theo công thức sau:

$$GG = G - MG \times R_c \times \left(\frac{D'_1}{E_1} + 1 \right)$$

b) Xác định giá gộp lãi trong ngày giao dịch không hưởng quyền

- Giá gộp lãi trong ngày giao dịch không hưởng quyền được xác định theo công thức sau:

$$GG = G - Cx - MG \times Rc$$

- Đối với trái phiếu có lãi suất danh nghĩa cố định, thanh toán lãi định kỳ và có kỳ trả lãi đầu tiên ngắn hơn so với các kỳ trả lãi tiếp theo, và ngày thanh toán của giao dịch diễn ra trong kỳ trả lãi đầu tiên, giá gộp lãi được xác định theo công thức sau:

$$GG = G - Cx - MG \times Rc \times \frac{D_2}{E_2}$$

- Đối với trái phiếu có lãi suất danh nghĩa cố định, thanh toán lãi định kỳ và có kỳ trả lãi đầu tiên dài hơn so với các kỳ trả lãi tiếp theo, và ngày thanh toán của giao dịch diễn ra trong kỳ trả lãi đầu tiên, giá gộp lãi được xác định theo công thức sau:

$$GG = G - Cx - MG \times Rc \times \left(\frac{D_2}{E_1} + 1 \right)$$

c) Xác định giá gộp lãi trong trường hợp ngày thanh toán trùng với ngày trả lãi danh nghĩa

Giá gộp lãi trong trường hợp ngày thanh toán trùng với ngày trả lãi danh nghĩa được xác định theo công thức sau:

$$GG = G - MG \times Rc$$

Điều 37. Xác định giá thực hiện

1. Xác định giá thực hiện trong giao dịch mua bán thông thường, giao dịch vay trái phiếu và giao dịch bán kết hợp mua lại

a) Đối với trái phiếu thanh toán lãi định kỳ

$$GM = GG$$

Trong đó:

- GM: Giá thực hiện (làm tròn đến 01 đồng)
 - Đối với TPCP có kỳ hạn còn lại từ 01 năm trở lên, áp dụng quy tắc tính toán ngày thực tế/ngày thực tế.

- Đối với TPCP có kỳ hạn còn lại dưới 01 năm, áp dụng quy tắc tính toán ngày thực tế/365.

b) Đối với trái phiếu không thanh toán lãi định kỳ và tín phiếu

$$GM = G$$

- Đối với trái phiếu không thanh toán lãi định kỳ có kỳ hạn còn lại trên 01 năm, cách xác định ngày trong tính toán áp dụng quy tắc ngày thực tế/ngày thực tế.

- Đối với trái phiếu không thanh toán lãi định kỳ có kỳ hạn còn lại dưới 01 năm và tín phiếu, cách xác định ngày trong tính toán áp dụng quy tắc ngày thực tế/365.

2. Xác định giá thực hiện trong giao dịch mua bán lại

a) Đối với trái phiếu thanh toán lãi định kỳ

$$GM = GG(1 - H)$$

Trong đó:

GM : Giá thực hiện (làm tròn đến 01 đồng)

H : Tỷ lệ phòng vệ rủi ro được quy đổi sang số thập phân

b) Đối với trái phiếu không thanh toán lãi định kỳ và tín phiếu

$$GM = G(1 - H)$$

Mục 3

GIAO DỊCH MUA BÁN THÔNG THƯỜNG

Điều 38. Xác định giá trị thanh toán

Giá trị thanh toán TPCP trong giao dịch mua bán thông thường được xác định theo công thức sau:

$$V = GM \times KL$$

Trong đó:

V : Giá trị giao dịch

KL : Khối lượng TPCP giao dịch

Mục 4

GIAO DỊCH MUA BÁN LẠI

Điều 39. Thời hạn giao dịch mua bán lại

Thời hạn giao dịch mua bán lại tối thiểu là 02 ngày và tối đa là 180 ngày.

Điều 40. Xác định giá trị giao dịch lần một

Giá trị giao dịch lần một được xác định theo công thức sau:

$$V_1 = GM \times KL$$

Trong đó:

V_1 : Giá trị giao dịch lần một.

KL : Khối lượng TPCP giao dịch.

Điều 41. Xác định lãi mua bán lại

1. Trường hợp không thay đổi lãi suất mua bán lại và thời hạn giao dịch

Lãi mua bán lại được xác định theo công thức sau:

$$L = V_1 \times R \times \frac{T}{\text{Số ngày thực tế của năm}}$$

Trong đó:

L : Lãi mua bán lại

R : Lãi suất mua bán lại (%/năm)

T : Thời hạn giao dịch mua bán lại. Trường hợp thay đổi thời hạn giao dịch, T được tính theo số ngày thực tế từ ngày thanh toán của giao dịch lần một đến ngày thanh toán giao dịch lần hai mới.

Số ngày thực tế của năm: Là số ngày thực tế của năm có ngày thanh toán giao dịch lần 1.

2. Trường hợp thay đổi lãi suất mua bán lại và/hoặc thời hạn giao dịch

Lãi mua bán lại được xác định theo công thức sau:

$$L = \sum_{i=1}^{n+1} L_i$$

Trong đó:

n : Số lần sửa lãi suất mua bán lại hoặc thời hạn giao dịch. Nếu sửa đồng thời cả lãi suất mua bán lại và thời hạn giao dịch thì được tính là 01 lần sửa.

L_i : Lãi mua bán lại tính trong khoảng thời gian từ ngày sửa lần $i-1$ đến ngày sửa lần thứ i (L_1 : Lãi mua bán lại tính trong khoảng thời gian từ ngày thanh toán của giao dịch lần một đến ngày sửa lần thứ nhất; L_{n+1} : Lãi mua bán lại tính trong khoảng thời gian từ ngày sửa lần thứ n đến ngày thanh toán của giao dịch lần hai). L_i được tính theo công thức sau:

$$L_1 = V_1 \times R \times \frac{T_1}{\text{Số ngày thực tế của năm}} \quad (\text{với } i = 1)$$

$$L_i = \left(V_1 + \sum_{k=1}^{i-1} L_k \right) \times R_{i-1} \times \frac{T_i}{\text{Số ngày thực tế của năm}_{i-1}} \quad (\text{với } i \geq 2)$$

R_{i-1} : Lãi suất mua bán lại của lần sửa thứ $i-1$ (%/năm)

T_i : Số ngày thực tế từ ngày sửa lần thứ $i-1$ đến ngày sửa lần thứ i (T_1 : Số ngày thực tế từ ngày thanh toán của giao dịch lần một đến ngày sửa lần thứ nhất; T_{n+1} : Số ngày thực tế từ ngày sửa lần thứ n đến ngày thanh toán của giao dịch lần hai)

Số ngày thực tế của năm _{$i-1$} : Là số ngày thực tế của năm có ngày sửa lần thứ $i-1$

Điều 42. Xác định giá trị giao dịch lần hai

Giá trị giao dịch lần hai được xác định theo công thức sau:

$$V_2 = V_1 + L - CPN - RND - \text{Lãi phạt}$$

Trong đó:

V_2 : Giá trị giao dịch lần hai (làm tròn đến 01 đồng)

L : Lãi mua bán lại

CPN : Lãi coupon và lãi trên lãi coupon phát sinh trong thời hạn giao dịch (nếu có)

RND : Số tiền phát sinh từ việc làm tròn lô trái phiếu tương đương (nếu có)

$Lãi phạt$: Lãi phạt khi sử dụng trái phiếu tương đương (nếu có)

Mục 5

GIAO DỊCH VAY TRÁI PHIẾU

Điều 43. Thời hạn giao dịch vay trái phiếu

Thời hạn giao dịch vay trái phiếu tối thiểu là 01 ngày và tối đa là 180 ngày.

Điều 44. Vay trái phiếu để bán

1. Giao dịch vay trái phiếu để bán là giao dịch TPCP trong đó một bên thực hiện vay trái phiếu đồng thời với việc bán trái phiếu vừa vay cho một bên thứ ba.

2. Thành viên giao dịch đồng thời là thành viên đấu thầu TPCP được thực hiện giao dịch vay trái phiếu để bán theo quy định tại khoản 8, Điều 1 Thông tư 10/2017/TT-BTC.

3. Ngày thanh toán của giao dịch bán phải sau ngày thanh toán của giao dịch vay tối thiểu là 01 ngày làm việc.

4. SGĐCK quyết định điều chỉnh số ngày làm việc tối thiểu giữa ngày thanh toán của giao dịch bán trái phiếu và ngày thanh toán của giao dịch vay trái phiếu sau khi được UBCKNN chấp thuận.

Điều 45. Xác định giá trị trái phiếu vay

Giá trị trái phiếu vay được xác định theo công thức sau:

$$V = GM \times KL$$

Trong đó:

V : Giá trị trái phiếu vay

GM : Giá thực hiện của trái phiếu vay

KL : Khối lượng vay trái phiếu

Điều 46. Xác định lãi vay trái phiếu

1. Trường hợp không thay đổi lãi suất vay trái phiếu và thời hạn vay

Lãi vay trái phiếu được xác định theo công thức sau:

$$LV = V \times R_v \times \frac{T}{\text{Số ngày thực tế của năm}}$$

Trong đó:

LV : Lãi vay trái phiếu

R_v : Lãi suất vay trái phiếu (%/năm)

T : Thời hạn vay trái phiếu. Trường hợp thay đổi thời hạn giao dịch, T được tính theo số ngày thực tế từ ngày thanh toán của giao dịch lần một đến ngày thanh toán giao dịch lần hai mới.

Số ngày thực tế của năm: Là số ngày thực tế của năm có ngày thanh toán giao dịch lần 1.

2. Trường hợp thay đổi lãi suất vay trái phiếu và/hoặc thời hạn vay

$$LV = \sum_{i=1}^{n+1} LV_i$$

Trong đó:

n : Số lần sửa lãi suất vay trái phiếu hoặc thời hạn vay. Nếu sửa đồng thời cả lãi suất vay và thời hạn vay thì được tính là 01 lần sửa

LV_i : Lãi vay trái phiếu tính trong khoảng thời gian từ ngày sửa lần $i-1$ đến ngày sửa lần thứ i (LV_1 : Lãi vay trái phiếu tính trong khoảng thời gian từ ngày thanh toán của giao dịch lần một đến ngày sửa lần thứ nhất; LV_{n+1} : Lãi vay trái phiếu tính trong khoảng thời gian từ ngày sửa lần thứ n đến ngày thanh toán của giao dịch lần hai). LV_i được tính theo công thức sau:

$$LV_1 = v \times R_v \times \frac{T_1}{\text{Số ngày thực tế của năm}} \quad (\text{với } i = 1)$$

$$LV_i = v \times R_{v,i-1} \times \frac{T_i}{\text{Số ngày thực tế của năm}_{i-1}} \quad (\text{với } i \geq 2)$$

Trong đó:

$R_{v,i-1}$: Lãi suất vay trái phiếu của lần sửa thứ $i-1$ (%/năm)

T_i : Số ngày thực tế từ ngày sửa lần thứ $i-1$ đến ngày sửa lần thứ i (T_1 : Số ngày thực tế từ ngày thanh toán của giao dịch lần một đến ngày sửa lần thứ nhất; T_{n+1} : Số ngày thực tế từ ngày sửa lần thứ n đến ngày thanh toán của giao dịch lần hai)

Số ngày thực tế của năm _{$i-1$} : Là số ngày thực tế của năm có ngày sửa lần thứ $i-1$

Điều 47. Tài sản đảm bảo

1. Tài sản đảm bảo trong giao dịch vay trái phiếu là tiền.

2. Tỷ lệ tài sản đảm bảo trên giá trị vay là tỷ lệ giữa số tiền được dùng làm tài sản đảm bảo và giá trị trái phiếu vay do các bên trong giao dịch tự thỏa thuận.

3. Xác định giá trị tài sản đảm bảo

Giá trị tài sản đảm bảo được xác định theo công thức sau:

$$V_1 = V \times H$$

V_1 : Giá trị tài sản đảm bảo (làm tròn đến 01 đồng)

H : Tỷ lệ tài sản đảm bảo trên giá trị vay (%)

Điều 48. Xác định lãi phát sinh trên tài sản đảm bảo

1. Trường hợp không thay đổi lãi suất tính trên tài sản đảm bảo và thời hạn giao dịch

Lãi phát sinh trên tài sản đảm bảo được xác định theo công thức sau:

$$L = V_1 \times R \times \frac{T}{\text{Số ngày thực tế của năm}}$$

Trong đó:

L : Lãi phát sinh trên tài sản đảm bảo

R : Lãi suất tính trên tài sản đảm bảo (%/năm)

T : Thời hạn vay trái phiếu. Trường hợp thay đổi thời hạn giao dịch, T được tính theo số ngày thực tế từ ngày thanh toán của giao dịch lần một đến ngày thanh toán giao dịch lần hai mới.

Số ngày thực tế của năm: Là số ngày thực tế của năm có ngày thanh toán giao dịch lần 1.

2. Trường hợp thay đổi lãi suất tính trên tài sản đảm bảo và/hoặc thời hạn giao dịch

Lãi phát sinh trên tài sản đảm bảo được xác định theo công thức sau:

$$L = \sum_{i=1}^{n+1} L_i$$

Trong đó:

n : Số lần sửa lãi suất tính trên tài sản đảm bảo hoặc thời hạn giao dịch. Nếu sửa đồng thời cả lãi suất và thời hạn giao dịch thì được tính là 01 lần sửa

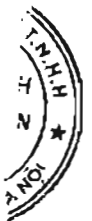
L_i : Lãi phát sinh trên tài sản đảm bảo tính trong khoảng thời gian từ ngày sửa lần $i-1$ đến ngày sửa lần thứ i (L_1 : Lãi phát sinh trên tài sản đảm bảo tính trong khoảng thời gian từ ngày thanh toán của giao dịch lần một đến ngày sửa lần thứ nhất; L_{n+1} : Lãi phát sinh trên tài sản đảm bảo tính trong khoảng thời gian từ ngày sửa lần thứ n đến ngày thanh toán của giao dịch lần hai). L_i được tính theo công thức sau:

$$L_1 = V_1 \times R \times \frac{T_1}{\text{Số ngày thực tế của năm}} \quad (\text{với } i = 1)$$

$$L_i = \left(V_1 + \sum_{k=1}^{i-1} L_k \right) \times R_{i-1} \times \frac{T_i}{\text{Số ngày thực tế của năm}_{i-1}} \quad (\text{với } i \geq 2)$$

R_{i-1} : Lãi suất tính trên tài sản đảm bảo của lần sửa thứ $i-1$ (%/năm)

T_i : Số ngày thực tế từ ngày sửa lần thứ $i-1$ đến ngày sửa lần thứ i (T_1 : Số ngày thực tế từ ngày thanh toán của giao dịch lần một đến ngày sửa lần thứ nhất;



T_{n+1} : Số ngày thực tế từ ngày sửa lần thứ n đến ngày thanh toán của giao dịch lần hai)

$Số\ ngày\ thực\ tế\ của\ năm_{i-1}$: Là số ngày thực tế của năm có ngày sửa lần thứ $i-1$

Điều 49. Xác định giá trị hoàn trả tài sản đảm bảo

Giá trị hoàn trả tài sản đảm bảo được xác định theo công thức sau:

$$V_2 = V_1 + L - LV - CPN - RND - Lãi\ phạt$$

Trong đó:

V_2 : Giá trị hoàn trả tài sản đảm bảo (làm tròn đến 01 đồng)

L : Lãi phát sinh trên tài sản đảm bảo

LV : Lãi vay trái phiếu

CPN : Lãi coupon và lãi trên lãi coupon phát sinh trong thời hạn giao dịch (nếu có)

RND : Số tiền phát sinh từ việc làm tròn lô trái phiếu tương đương (nếu có)

$Lãi\ phạt$: Lãi phạt khi sử dụng trái phiếu tương đương (nếu có)

Mục 6

GIAO DỊCH BÁN KẾT HỢP MUA LẠI

Điều 50. Giao dịch bán kết hợp mua lại

1. Giao dịch bán kết hợp mua lại bao gồm một giao dịch bán TPCP (giao dịch thông thường thứ nhất) kết hợp với một giao dịch mua lại cùng TPCP đó hoặc trái phiếu tương đương có thể chuyển giao theo thỏa thuận giữa các bên (giao dịch thông thường thứ hai) tại một thời điểm xác định trong tương lai. Các thông tin về giá, khối lượng, thời điểm thực hiện của giao dịch thông thường thứ hai phải được xác định trước tại thời điểm giao kết hai giao dịch.

2. Ngày thanh toán của giao dịch thông thường thứ hai phải sau ngày thanh toán của giao dịch thông thường thứ nhất tối thiểu là 01 ngày và tối đa là 180 ngày.

Điều 51. Xác định giá trị giao dịch lần một

Giá trị giao dịch lần một được xác định theo công thức sau:

$$V_1 = GM_1 \times KL$$

Trong đó:

V_1 : Giá trị giao dịch lần một

GM_1 : Giá thực hiện lần một

KL : Khối lượng TPCP giao dịch

Điều 52. Xác định giá trị giao dịch lần hai

Giá trị giao dịch lần hai được xác định theo công thức sau:

$$V_2 = GM_2 \times KL - RND - Lãi phạt$$

Trong đó:

V_2 : Giá trị giao dịch lần hai (làm tròn đến 01 đồng)

GM_2 : Giá thực hiện lần hai

RND : Số tiền phát sinh từ việc làm tròn lô trái phiếu tương đương (nếu có)

$Lãi phạt$: Lãi phạt khi sử dụng trái phiếu tương đương (nếu có)

Chương V CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 53. Đối tượng công bố thông tin

1. Đối tượng công bố thông tin là các thành viên giao dịch TPCP, không bao gồm KBNN.

2. Thành viên giao dịch TPCP khi thực hiện công bố thông tin phải đồng thời báo cáo UBCKNN và SGDCCK về nội dung thông tin công bố.

Điều 54. Thực hiện công bố thông tin

Việc thực hiện công bố thông tin của các đối tượng công bố thông tin phải tuân thủ quy định về công bố thông tin tại Thông tư 234/2012/TT-BTC, Thông tư 10/2017/TT-BTC và Thông tư 155/2015/TT-BTC Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành ngày 06/10/2015.

Điều 55. Người công bố thông tin

Việc công bố thông tin phải do người đại diện theo pháp luật của công ty hoặc người được ủy quyền công bố thông tin thực hiện theo quy định tại khoản 1, Điều 4 Thông tư 155/2015/TT-BTC và khoản 2, Điều 34 Thông tư 234/2012/TT-BTC.

Điều 56. Phương tiện và hình thức công bố thông tin

1. Phương tiện và hình thức công bố thông tin của các đối tượng công bố thông tin được thực hiện theo quy định tại Điều 35, Thông tư 234/2012/TT-BTC.

2. Thành viên giao dịch TPCP được thực hiện công bố thông tin thông qua Hệ thống thông tin thị trường trái phiếu.

3. Các tài liệu công bố thông tin gửi SGDCCK được thể hiện dưới hình thức văn bản và dữ liệu điện tử gồm:

a) Hình thức văn bản: 01 (một) bản chính có đầy đủ dấu và chữ ký hợp lệ theo quy định của pháp luật. Trường hợp thành viên chuyển văn bản qua đường

fax đồng thời chuyển bản chính qua đường bưu điện, thời điểm nhận thông tin được xác định theo thời gian vào Sổ công văn đến tại SGDCK.

b) Thông tin dữ liệu điện tử được cập nhật trên Hệ thống thông tin thị trường trái phiếu (Thực hiện theo hướng dẫn sử dụng phần mềm).

c) Nội dung thông tin công bố bằng văn bản và dữ liệu điện tử nhập vào Hệ thống thông tin thị trường trái phiếu của SGDCK phải thống nhất với nhau và thống nhất với nội dung thông tin thành viên công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng khác.

d) Thành viên phải thiết lập trang thông tin điện tử và thường xuyên cập nhật việc công bố thông tin trên trang thông tin điện tử.

Điều 57. Bảo quản, lưu trữ thông tin

Các đối tượng công bố thông tin thực hiện bảo quản, lưu trữ thông tin theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Thông tư 155/2015/TT-BTC.

Điều 58. Tạm hoãn công bố thông tin

Việc tạm hoãn công bố thông tin được thực hiện theo quy định tại Điều 6 Thông tư 155/2015/TT-BTC.

Chương VI TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 59. Điều khoản thi hành

1. Các đối tượng tham gia giao dịch TPCP tại SGDCK có trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

2. SGDCK chịu trách nhiệm ban hành các quy trình nghiệp vụ phù hợp với Quy chế này và giám sát việc tuân thủ Quy chế này của các thành viên giao dịch.

3. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Tổng Giám đốc SGDCK quyết định sau khi được sự chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và được Hội đồng quản trị SGDCK thông qua.

Điều 60. Điều khoản tham chiếu

Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Quy chế này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì thực hiện theo quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế. ✓

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC PHỤ TRÁCH**



Nguyễn Thị Hoàng Lan

Phụ lục I/TP

MẪU ĐƠN ĐĂNG KÝ THÀNH VIÊN GIAO DỊCH TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ

(Ban hành kèm theo Quy chế Giao dịch trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương)

1. ĐỐI VỚI CÔNG TY CHỨNG KHOÁN, NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm ...

**ĐƠN ĐĂNG KÝ
THÀNH VIÊN GIAO DỊCH TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ**

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Chúng tôi, Công ty chứng khoán/Ngân hàng thương mại/Chi nhánh ngân hàng:

Tên tiếng Việt:

Tên tiếng Anh:

Tên giao dịch:

được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số ... ngày ... do ... cấp, có nguyện vọng đăng ký làm thành viên giao dịch trái phiếu Chính phủ tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Sau khi tìm hiểu và nắm rõ nội dung của Thông tư 234/2012/TT-BTC về hướng dẫn Quản lý giao dịch trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương. Thông tư 10/2017/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 234/2012/TT-BTC và Quy chế Giao dịch trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương do SGDCKHN ban hành, thay mặt chủ sở hữu (hoặc các cổ đông) chúng tôi xin được đăng ký làm thành viên giao dịch trái phiếu Chính phủ của SGDCKHN.

Chúng tôi xin cung cấp các thông tin về Công ty/Ngân hàng/Chi nhánh ngân hàng như sau:

I. CÁC THÔNG TIN CHUNG:

1. Địa chỉ liên hệ:

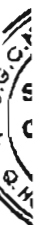
1.1. Trụ sở chính:

- Địa chỉ:
- Điện thoại:
- Fax:
- Email, Web Site (nếu có):

1.2. Các chi nhánh, phòng giao dịch trái phiếu (nếu có):

- Chi nhánh 1: Tên; Địa chỉ; Điện thoại; Fax;
- Chi nhánh 2: Tên; Địa chỉ; Điện thoại; Fax.

14
2



2. Vốn điều lệ:

- Vốn điều lệ;
- Vốn thực góp/Vốn được cấp.

3. Thiết bị máy tính phục vụ giao dịch trái phiếu Chính phủ:

- 3.1. Số lượng máy;
- 3.2. Loại máy;
- 3.3. Phần mềm sử dụng;
- 3.4. Số lượng nhân viên máy tính;

4. Thiết bị phục vụ công bố thông tin:**II. NHÂN SỰ:****1. Danh sách thành viên Hội đồng Quản trị/ Hội đồng thành viên và Ban kiểm soát (nếu có):**

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Chức vụ	Trình độ học vấn
1.					
2.					
...					

2. Danh sách Ban Giám đốc:

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Chức vụ	Trình độ học vấn	Kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính và chứng khoán
1.						
2.						

3. Sơ đồ tổ chức: (Các phòng ban, chức năng, nhiệm vụ của các phòng ban)**4. Danh sách các nhân viên và cán bộ phụ trách kinh doanh trái phiếu:**

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CMND	Ngày cấp CMND	Nơi cấp CMND	Chức vụ	Số CCHNCK*	Ngày cấp CCHNCK*
Cán bộ phụ trách kinh doanh trái phiếu									
1									
2									
Nhân viên kinh doanh trái phiếu									
1									
2									

(*): Áp dụng đối với công ty chứng khoán. Đối với ngân hàng thương mại, không áp dụng các yêu cầu này

5. Địa chỉ email nộp báo cáo của người có thẩm quyền ký báo cáo: ...

Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự xác thực của những thông tin trên đây.

Khi được chấp thuận làm thành viên giao dịch trái phiếu Chính phủ của SGDCKHN, chúng tôi cam kết:

1. Tuân thủ đầy đủ các quy định của Thông tư Quản lý giao dịch trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương do Bộ Tài chính ban hành, Quy chế giao dịch trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương do SGDCKHN ban hành và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Hoạt động kinh doanh trái phiếu theo đúng qui định áp dụng với thành viên giao dịch TPCP tại SGDCKHN và không có những hoạt động làm ảnh hưởng đến uy tín của SGDCKHN.

3. Chịu mọi hình thức kỷ luật của SGDCKHN khi không thực hiện đúng cam kết nêu trên.

**Tổng giám đốc/
Giám đốc điều hành**
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Chủ tịch Hội đồng Quản trị/
Hội đồng thành viên (nếu có)**
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

2. ĐỐI VỚI KHO BẠC NHÀ NƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm ...

ĐƠN ĐĂNG KÝ
GIAO DỊCH TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Chúng tôi, Kho bạc Nhà nước:

Tên tiếng Việt:

Tên tiếng Anh:

có nguyện vọng đăng ký giao dịch trái phiếu Chính phủ tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Sau khi tìm hiểu và nắm rõ nội dung của Thông tư 234/2012/TT-BTC về hướng dẫn Quản lý giao dịch trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương, Thông tư 10/2017/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 234/2012/TT-BTC và Quy chế Giao dịch trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương do SGDCKHN ban hành, chúng tôi xin được đăng ký giao dịch trái phiếu Chính phủ tại SGDCKHN.

Chúng tôi xin cung cấp các thông tin về Kho bạc Nhà nước như sau:

I. CÁC THÔNG TIN CHUNG

1. Địa chỉ liên hệ:

- Địa chỉ:
- Điện thoại:
- Fax:
- Email, Web Site (nếu có):

2. Thiết bị máy tính phục vụ giao dịch trái phiếu Chính phủ:

- 3.1. Số lượng máy:
- 3.2. Loại máy:
- 3.3. Phần mềm sử dụng:

II. NHÂN SỰ

1. Danh sách các nhân viên và cán bộ phụ trách kinh doanh trái phiếu:

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CMND	Ngày cấp CMND	Nơi cấp CMND	Chức vụ
Cán bộ phụ trách kinh doanh trái phiếu							
1							

2							
Nhân viên kinh doanh trái phiếu							
1							
2							

2. Địa chỉ email nộp báo cáo của người có thẩm quyền ký báo cáo: ...

Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự xác thực của những thông tin trên đây.

Khi được chấp thuận tham gia giao dịch trái phiếu Chính phủ tại SGDCKHN, chúng tôi cam kết:

1. Tuân thủ đầy đủ các quy định của Thông tư Quản lý giao dịch trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương do Bộ Tài chính ban hành, Quy chế giao dịch trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương do SGDCKHN ban hành và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Hoạt động kinh doanh trái phiếu theo đúng qui định áp dụng với Kho bạc Nhà nước và không có những hoạt động làm ảnh hưởng đến uy tín của SGDCKHN.

Tổng giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

5/2
m

Phụ lục II/TP

NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA PHIẾU LỆNH MUA/BÁN/SỬA/HỦY

(Ban hành kèm theo Quy chế Giao dịch trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương)

A. Giao dịch thông thường

I. Phiếu lệnh Mua/Bán

Nội dung cơ bản của phiếu lệnh Mua/Bán TPCP bao gồm:

1. Loại lệnh

- + Thỏa thuận điện tử: Lệnh thỏa thuận điện tử toàn thị trường, Lệnh yêu cầu chào giá và lệnh chào với cam kết chắc chắn
- + Lệnh thỏa thuận thông thường: Lệnh báo cáo giao dịch

2. Mua hoặc Bán

3. Tên khách hàng

4. Số tài khoản

5. Tài khoản đối ứng đối với hình thức giao dịch thỏa thuận thông thường (nếu có)
(*)

6. Thông tin đối tác đối với hình thức giao dịch thỏa thuận điện tử

7. Thời điểm giao kết giao dịch (**)

8. Thời điểm ký kết hợp đồng (**)

9. Ngày tháng đặt lệnh

10. Ngày bắt đầu giao dịch

11. Mã TPCP hoặc thông tin chung về mã TPCP

12. Khối lượng

13. Giá yết (**)

14. Tổng giá trị thanh toán (**)

15. Thời gian nhận lệnh

16. Số thứ tự vào lệnh

() Thông tin không bắt buộc khách hàng phải điền trên mẫu phiếu lệnh*

*(**) Thông tin không bắt buộc khách hàng phải điền trên mẫu phiếu lệnh đối với lệnh yêu cầu chào giá*

II. Phiếu lệnh Sửa

Nội dung cơ bản của phiếu lệnh Sửa TPCP bao gồm:

1. Loại lệnh:

- + Thỏa thuận điện tử: Lệnh thỏa thuận điện tử toàn thị trường, Lệnh yêu cầu chào giá và lệnh chào với cam kết chắc chắn
- + Thỏa thuận thông thường.

2. Tên khách hàng

3. Số Tài khoản

4. Tài khoản đối ứng đối với hình thức giao dịch thỏa thuận thông thường (*)

5. Thông tin đối tác đối với hình thức giao dịch thỏa thuận điện tử (nếu có) (lệnh gốc/ lệnh sửa)

6. Thời điểm giao kết giao dịch (**)

7. Thời điểm ký kết hợp đồng (**)

8. Ngày tháng đặt lệnh

9. Ngày bắt đầu giao dịch (lệnh gốc/ lệnh sửa)

10. Mua/Bán

11. Mã TPCP (lệnh gốc/ lệnh sửa)

12. Khối lượng (lệnh gốc/ lệnh sửa)

13. Giá yết (lệnh gốc/ lệnh sửa) (**)

14. Tổng giá trị thanh toán (lệnh gốc/lệnh sửa) (**)

15. Thời gian nhận lệnh sửa

16. Số thứ tự vào lệnh

() Thông tin không bắt buộc khách hàng phải điền trên mẫu phiếu lệnh*

*(**) Thông tin không bắt buộc khách hàng phải điền trên mẫu phiếu lệnh đối với lệnh yêu cầu chào giá*

III. Phiếu lệnh Huỷ

Nội dung cơ bản của phiếu lệnh Huỷ tương tự phiếu lệnh Mua/Bán

B. Giao dịch mua bán lại

I. Phiếu lệnh Mua/Bán

Nội dung cơ bản của phiếu lệnh Mua/Bán TPCP bao gồm:

1. Loại lệnh:

- + Thỏa thuận điện tử: Lệnh yêu cầu chào giá và lệnh chào với cam kết chắc chắn
- + Thỏa thuận thông thường: Lệnh báo cáo giao dịch

2. Mua hoặc Bán

3. Tên khách hàng

4. Số Tài khoản

5. Tài khoản đối ứng đối với hình thức giao dịch thỏa thuận thông thường (*)
 6. Thông tin đối tác đối với hình thức giao dịch thỏa thuận điện tử (nếu có)
 7. Thời điểm giao kết giao dịch (**)
 8. Thời điểm ký kết hợp đồng (**)
 9. Ngày tháng đặt lệnh
 10. (Các) Mã TPCP hoặc thông tin chung về (các) mã TPCP
 11. TPCP tương đương (*)
 - + (Các) mã TPCP tương đương
 - + Phương pháp xác định hệ số chuyển đổi
 - + Ngày tính toán
 - + Lợi suất TPCP gốc
 - + Lợi suất TPCP tương đương
 - + Khối lượng làm tròn
 - + Lãi suất phạt
 - + Lãi phạt
 - + Số tiền phát sinh từ việc làm tròn lô trái phiếu tương đương
 12. Khối lượng giao dịch hoặc giá trị giao dịch theo mệnh giá
 13. Giá yết (**)
 14. Thời hạn giao dịch mua bán lại
 15. Ngày bắt đầu giao dịch
 16. Lãi suất mua bán lại (**)
 17. Tỷ lệ phòng vệ rủi ro (**)
 18. Nhận lãi coupon
 19. Lãi suất trên lãi coupon (**)
 20. Thời gian nhận lệnh
 21. Số thứ tự vào lệnh
- (*) Thông tin không bắt buộc khách hàng phải điền trên mẫu phiếu lệnh
 (**) Thông tin không bắt buộc khách hàng phải điền trên mẫu phiếu lệnh đối với lệnh yêu cầu chào giá

II. Phiếu lệnh Sửa

Nội dung cơ bản của phiếu lệnh Sửa TPCP bao gồm:

1. Loại lệnh:
 - + Thỏa thuận điện tử: Lệnh yêu cầu chào giá và lệnh chào với cam kết chắc chắn
 - + Thỏa thuận thông thường: Lệnh báo cáo giao dịch

2. Mua hoặc Bán
 3. Tên khách hàng
 4. Số Tài khoản
 5. Tài khoản đối ứng đối với hình thức giao dịch thỏa thuận thông thường (*)
 6. Thông tin đối tác đối với hình thức giao dịch thỏa thuận điện tử (nếu có) (lệnh gốc/ lệnh sửa)
 7. Thời điểm giao kết giao dịch (lệnh gốc/ lệnh sửa) (**)
 8. Thời điểm ký kết hợp đồng (lệnh gốc/ lệnh sửa) (**)
 9. Ngày tháng đặt lệnh
 10. Ngày bắt đầu giao dịch
 11. (Các) Mã TPCP (lệnh gốc/ lệnh sửa)
 12. TPCP tương đương (*)
 - + (Các) mã TPCP tương đương
 - + Phương pháp xác định hệ số chuyển đổi
 - + Ngày tính toán
 - + Lợi suất TPCP gốc
 - + Lợi suất TPCP tương đương
 - + Khối lượng làm tròn
 - + Lãi suất phạt
 - + Lãi phạt
 - + Số tiền phát sinh từ việc làm tròn lô trái phiếu tương đương
 13. Khối lượng giao dịch hoặc giá trị giao dịch theo mệnh giá (lệnh gốc/ lệnh sửa)
 14. Giá yết (lệnh gốc/ lệnh sửa) (**)
 15. Thời hạn giao dịch mua bán lại (lệnh gốc/ lệnh sửa)
 16. Lãi suất mua bán lại (lệnh gốc/ lệnh sửa) (**)
 17. Tỷ lệ phòng vệ rủi ro (lệnh gốc/ lệnh sửa) (**)
 18. Nhận lãi coupon (lệnh gốc/ lệnh sửa) (**)
 19. Lãi suất trên lãi coupon (lệnh gốc/ lệnh sửa) (**)
 20. Thời gian nhận lệnh sửa
 21. Số thứ tự vào lệnh
- (*) Thông tin không bắt buộc khách hàng phải điền trên mẫu phiếu lệnh
- (**) Thông tin không bắt buộc khách hàng phải điền trên mẫu phiếu lệnh đối với lệnh yêu cầu chào giá

III. Phiếu lệnh Hủy

Nội dung cơ bản của phiếu lệnh Huỷ tương tự phiếu lệnh Mua/Bán

C. Giao dịch vay trái phiếu

1. Phiếu lệnh vay/cho vay

Nội dung cơ bản của phiếu lệnh vay/cho vay TPCP bao gồm:

1. Loại lệnh:

+ Thỏa thuận điện tử: Lệnh yêu cầu chào giá và lệnh chào với cam kết chắc chắn

+ Thỏa thuận thông thường: Lệnh báo cáo giao dịch

2. Vay hoặc Cho vay

3. Tên khách hàng

4. Số Tài khoản

5. Tài khoản đối ứng đối với hình thức giao dịch thỏa thuận thông thường (*)

6. Thông tin đối tác đối với hình thức giao dịch thỏa thuận điện tử (nếu có)

7. Thời điểm giao kết giao dịch (**)

8. Thời điểm ký kết hợp đồng (**)

9. Ngày tháng đặt lệnh

10. Mã TPCP hoặc thông tin chung về mã TPCP

11. TPCP tương đương (**)

+ (Các) mã TPCP tương đương

+ Phương pháp xác định hệ số chuyển đổi

+ Ngày tính toán

+ Lợi suất TPCP gốc

+ Lợi suất TPCP tương đương + Khối lượng làm tròn

+ Lãi suất phạt

+ Lãi phạt

+ Số tiền phát sinh từ việc làm tròn lô trái phiếu tương đương

12. Ngày bắt đầu giao dịch

13. Khối lượng giao dịch

14. Giá yết (**)

15. Thời hạn vay

16. Lãi suất vay (**)

17. Tỷ lệ tài sản đảm bảo trên giá trị vay (**)

18. Lãi suất trên giá trị tài sản đảm bảo (**)

19. Nhận lãi coupon (**)

20. Lãi suất trên lãi coupon (**)

21. Thời gian nhận lệnh

22. Số thứ tự vào lệnh

(*) Thông tin không bắt buộc khách hàng phải điền trên mẫu phiếu lệnh

(**) Thông tin không bắt buộc khách hàng phải điền trên mẫu phiếu lệnh đối với lệnh yêu cầu chào giá

II. Phiếu lệnh Sửa

Nội dung cơ bản của phiếu lệnh Sửa TPCP bao gồm:

1. Loại lệnh:

+ Thỏa thuận điện tử: Lệnh yêu cầu chào giá và lệnh chào với cam kết chắc chắn

+ Thỏa thuận thông thường: Lệnh báo cáo giao dịch

2. Vay hoặc Cho vay

3. Tên khách hàng

4. Số Tài khoản

5. Tài khoản đối ứng đối với hình thức giao dịch thỏa thuận thông thường (*)

6. Thông tin đối tác đối với hình thức giao dịch thỏa thuận điện tử (nếu có) (lệnh gốc/ lệnh sửa)

7. Thời điểm giao kết giao dịch (lệnh gốc/ lệnh sửa) (**)

8. Thời điểm ký kết hợp đồng (lệnh gốc/ lệnh sửa) (**)

9. Ngày tháng đặt lệnh

10. Mã TPCP hoặc thông tin chung về mã TPCP (lệnh gốc/ lệnh sửa)

11. TPCP tương đương (**)

+ (Các) mã TPCP tương đương

+ Phương pháp xác định hệ số chuyển đổi

+ Ngày tính toán

+ Lợi suất TPCP gốc

+ Lợi suất TPCP tương đương

+ Khối lượng làm tròn

+ Lãi suất phạt

+ Lãi phạt

+ Số tiền phát sinh từ việc làm tròn lô trái phiếu tương đương

12. Ngày bắt đầu giao dịch (lệnh gốc/ lệnh sửa)

13. Khối lượng giao dịch (lệnh gốc/ lệnh sửa)

14. Giá yết (lệnh gốc/ lệnh sửa) (**)

15. Thời hạn vay (lệnh gốc/ lệnh sửa)
16. Lãi suất vay (lệnh gốc/ lệnh sửa) (**)
17. Tỷ lệ tài sản đảm bảo trên giá trị vay (lệnh gốc/ lệnh sửa) (**)
18. Lãi suất trên giá trị tài sản đảm bảo (lệnh gốc/ lệnh sửa) (**)
19. Nhận lãi coupon (lệnh gốc/ lệnh sửa) (**)
20. Lãi suất trên lãi coupon (lệnh gốc/ lệnh sửa) (**)
21. Thời gian nhận lệnh sửa
22. Số thứ tự vào lệnh

(*) Thông tin không bắt buộc khách hàng phải điền trên mẫu phiếu lệnh

(**) Thông tin không bắt buộc khách hàng phải điền trên mẫu phiếu lệnh đối với lệnh yêu cầu chào giá

III. Phiếu lệnh Hủy

Nội dung cơ bản của phiếu lệnh Hủy tương tự phiếu lệnh Vay/Cho vay

D. Giao dịch bán kết hợp mua lại

I. Phiếu lệnh Mua/Bán

Nội dung cơ bản của phiếu lệnh Mua/Bán TPCP bao gồm:

1. Loại lệnh:

- + Thỏa thuận điện tử: Lệnh yêu cầu chào giá và lệnh chào với cam kết chắc chắn
- + Thỏa thuận thông thường: Lệnh báo cáo giao dịch

2. Mua hoặc Bán

3. Tên khách hàng

4. Số Tài khoản

5. Tài khoản đối ứng đối với hình thức giao dịch thỏa thuận thông thường (*)

6. Thông tin đối tác đối với hình thức giao dịch thỏa thuận điện tử (nếu có)

7. Thời điểm giao kết giao dịch ()**

8. Thời điểm ký kết hợp đồng ()**

9. Ngày tháng đặt lệnh

10. Mã TPCP hoặc thông tin chung về mã TPCP

11. TPCP tương đương (*)

- + (Các) mã TPCP tương đương
- + Phương pháp xác định hệ số chuyển đổi
- + Ngày tính toán
- + Lợi suất TPCP gốc

72 ✓

- + Lợi suất TPCP tương đương
- + Khối lượng làm tròn
- + Lãi suất phạt
- + Lãi phạt
- + Số tiền phát sinh từ việc làm tròn lô trái phiếu tương đương

12. Khối lượng giao dịch

13. Giá yết lần 1(**)

14. Giá yết lần 2 (**)

15. Ngày bắt đầu giao dịch

16. Ngày kết thúc giao dịch

17. Thời gian nhận lệnh

18. Số thứ tự vào lệnh

(*) Thông tin không bắt buộc khách hàng phải điền trên mẫu phiếu lệnh

(**) Thông tin không bắt buộc khách hàng phải điền trên mẫu phiếu lệnh đối với lệnh yêu cầu chào giá

II. Phiếu lệnh Sửa

Nội dung cơ bản của phiếu lệnh Sửa TPCP bao gồm:

1. Loại lệnh:

- + Thỏa thuận điện tử: Lệnh yêu cầu chào giá và lệnh chào với cam kết chắc chắn
- + Thỏa thuận thông thường: Lệnh báo cáo giao dịch

2. Mua hoặc Bán

3. Tên khách hàng

4. Số Tài khoản

5. Tài khoản đối ứng đối với hình thức giao dịch thỏa thuận thông thường (lệnh gốc/ lệnh sửa) (*)

6. Thông tin đối tác đối với hình thức giao dịch thỏa thuận điện tử (nếu có) (lệnh gốc/ lệnh sửa)

7. Thời điểm giao kết giao dịch (lệnh gốc/ lệnh sửa) (**)

8. Thời điểm ký kết hợp đồng (lệnh gốc/ lệnh sửa) (**)

9. Ngày tháng đặt lệnh

10. Mã TPCP hoặc thông tin chung về trái phiếu (lệnh gốc/ lệnh sửa)

11. TPCP tương đương (lệnh gốc/ lệnh sửa) (*)

- + (Các) mã TPCP tương đương
- + Phương pháp xác định hệ số chuyển đổi

- + Ngày tính toán
 - + Lợi suất TPCP gốc
 - + Lợi suất TPCP tương đương + Khối lượng làm tròn
 - + Lãi suất phạt
 - + Lãi phạt
 - + Số tiền phát sinh từ việc làm tròn lô trái phiếu tương đương
12. Khối lượng giao dịch (lệnh gốc/ lệnh sửa)
 13. Giá yết lần 1 (lệnh gốc/ lệnh sửa) (**)
 14. Giá yết lần 2 (lệnh gốc/ lệnh sửa) (**)
 15. Ngày bắt đầu giao dịch (lệnh gốc/ lệnh sửa)
 16. Ngày kết thúc giao dịch (lệnh gốc/ lệnh sửa)
 17. Thời gian nhận lệnh
 18. Số thứ tự vào lệnh

III. Phiếu lệnh Huỷ

Nội dung cơ bản của phiếu lệnh Huỷ tương tự phiếu lệnh Mua/Bán

Phụ lục III/TP

NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA PHIẾU XÁC NHẬN KẾT QUẢ GIAO DỊCH

(Ban hành kèm theo Quy chế Giao dịch trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương và tín phiếu Kho bạc Nhà nước)

A. Giao dịch thông thường

Nội dung cơ bản của phiếu xác nhận kết quả giao dịch trái phiếu bao gồm:

1. Tên khách hàng
2. Số Tài khoản
3. Mã TPCP
4. Mua hoặc Bán
5. Giá yết
6. Giá thực hiện
7. Khối lượng
8. Giá trị giao dịch
9. Ngày bắt đầu giao dịch
10. Ngày thanh toán

B. Giao dịch mua bán lại

I. Nội dung cơ bản của phiếu xác nhận kết quả giao dịch trái phiếu trong ngày gồm có:

1. Tên khách hàng
2. Số Tài khoản
3. (Các) Mã TPCP
4. TPCP tương đương
 - + (Các) mã TPCP tương đương
 - + Phương pháp xác định hệ số chuyển đổi
 - + Ngày tính toán
 - + Lợi suất TPCP gốc
 - + Lợi suất TPCP tương đương + Hệ số chuyển đổi
 - + Khối lượng làm tròn
 - + Lãi suất phạt
 - + Lãi phạt
 - + Số tiền phát sinh từ việc làm tròn lô trái phiếu tương đương
 - + Giá trị thanh toán lần hai khi sử dụng trái phiếu tương đương

5. Mua hoặc Bán
6. Giá yết
7. Ngày bắt đầu giao dịch
8. Tỷ lệ phòng vệ rủi ro
9. Giá thực hiện
10. Khối lượng giao dịch hoặc giá trị giao dịch theo mệnh giá
11. Giá trị giao dịch lần một
12. Ngày thanh toán lần một
13. Thời hạn giao dịch mua bán lại
14. Lãi suất giao dịch mua bán lại
15. Ngày kết thúc giao dịch
16. Ngày thanh toán lần hai
17. Lãi mua bán lại
18. Lãi suất trên lãi coupon (nếu có)
19. Lãi trên lãi coupon (nếu có)
20. Giá trị giao dịch lần hai

II- Nội dung cơ bản của phiếu xác nhận kết quả sửa giao dịch trái phiếu đã thực hiện gồm có:

1. Tên khách hàng
2. Số Tài khoản
3. Mua hoặc Bán
4. (Các) Mã TPCP
5. (Các) Mã TPCP hoàn trả
 - + Mã TPCP hoàn trả
 - + Khối lượng
 - + Lãi suất phạt
 - + Lãi phạt
 - + Số tiền phát sinh từ việc làm tròn lô trái phiếu tương đương
 - + Giá trị thanh toán lần hai khi sử dụng trái phiếu tương đương
6. TPCP tương đương
 - + (Các) mã TPCP tương đương
 - + Phương pháp xác định hệ số chuyển đổi
 - + Ngày tính toán
 - + Lợi suất TPCP gốc

- + Lợi suất TPCP tương đương
- + Hệ số chuyển đổi
- + Khối lượng làm tròn
- + Lãi suất phạt
- + Lãi phạt
- + Số tiền phát sinh từ việc làm tròn lô trái phiếu tương đương
- + Giá trị thanh toán lần hai khi sử dụng trái phiếu tương đương

7. Giá yết

8. Giá thực hiện

9. Tỷ lệ phòng vệ rủi ro

10. Khối lượng giao dịch hoặc giá trị giao dịch theo mệnh giá (Giao dịch gốc)

11. Giá trị giao dịch lần một

12. Ngày thanh toán lần một

13. Ngày sửa giao dịch

14. Thời hạn giao dịch mua bán lại

- Giao dịch gốc

- Giao dịch sửa

15. Lãi suất giao dịch mua bán lại

- Giao dịch gốc

- Giao dịch sửa

16. Ngày kết thúc giao dịch

- Giao dịch gốc

- Giao dịch sửa

17. Giá trị giao dịch tại thời điểm sửa

18. Ngày thanh toán lần hai

- Giao dịch gốc

- Giao dịch sửa

19. Lãi mua bán lại

- Giao dịch gốc

- Giao dịch sửa

20. Lãi suất trên lãi coupon (nếu có)

- Giao dịch gốc

- Giao dịch sửa

21. Lãi trên lãi coupon (nếu có)

- Giao dịch gốc

- Giao dịch sửa

22. Giá trị giao dịch lần hai

- Giao dịch gốc

- Giao dịch sửa

Lưu ý:

- Với giao dịch mua bán lại được sửa đổi kỳ hạn nhiều lần: thông tin về giao dịch sửa sẽ bao gồm chi tiết lần sửa mới nhất và giao dịch gốc. - Các thông tin yêu cầu là thông tin tối thiểu phải có trên các phiếu lệnh, phiếu kết quả

- Thông tin (*) chỉ có trong trường hợp các bên thống nhất thanh toán bằng trái phiếu tương đương tại ngày kết thúc giao dịch

C. Giao dịch vay trái phiếu

I. Nội dung cơ bản của phiếu xác nhận kết quả giao dịch trái phiếu trong ngày gồm có:

1. Tên khách hàng

2. Số Tài khoản

3. Vay hoặc Cho vay

4. Mã TPCP

5. TPCP tương đương

+ (Các) mã TPCP tương đương

+ Phương pháp xác định hệ số chuyển đổi

+ Ngày tính toán

+ Lợi suất TPCP gốc

+ Lợi suất TPCP tương đương

+ Hệ số chuyển đổi

+ Khối lượng làm tròn

+ Lãi suất phạt

+ Lãi phạt

+ Số tiền phát sinh từ việc làm tròn lô trái phiếu tương đương

+ Giá trị giao dịch hoàn trả khi sử dụng trái phiếu tương đương

6. Ngày bắt đầu giao dịch

7. Khối lượng giao dịch

8. Giá yết

9. Giá thực hiện

10. Giá trị trái phiếu vay

11. Tỷ lệ tài sản đảm bảo trên giá trị vay
12. Giá trị tài sản đảm bảo
13. Ngày thanh toán lần một
14. Thời hạn vay
15. Lãi suất vay
16. Ngày kết thúc giao dịch
17. Ngày thanh toán lần hai
18. Lãi vay trái phiếu
19. Nhận lãi coupon
20. Lãi suất trên lãi coupon (nếu có)
21. Lãi suất trên tài sản đảm bảo
22. Lãi trên lãi coupon (nếu có)
23. Lãi trên tài sản đảm bảo
24. Giá trị hoàn trả tài sản đảm bảo

II- Nội dung cơ bản của phiếu xác nhận kết quả sửa giao dịch trái phiếu đã thực hiện gồm có

1. Tên khách hàng
2. Số Tài khoản
3. Vay hoặc Cho vay
4. Ngày sửa giao dịch
5. Mã TPCP
6. Mã TPCP hoàn trả (*)
 - + Mã TPCP hoàn trả
 - + Khối lượng
 - + Lãi suất phạt
 - + Lãi phạt
 - + Số tiền phát sinh từ việc làm tròn lô trái phiếu tương đương
 - + Giá trị giao dịch hoàn trả khi sử dụng trái phiếu tương đương
7. TPCP tương đương
 - + (Các) mã TPCP tương đương
 - + Phương pháp xác định hệ số chuyển đổi
 - + Ngày tính toán
 - + Lợi suất TPCP gốc
 - + Lợi suất TPCP tương đương

- + Hệ số chuyển đổi
- + Khối lượng làm tròn
- + Lãi suất phạt
- + Lãi phạt
- + Số tiền phát sinh từ việc làm tròn lô trái phiếu tương đương
- + Giá trị thanh toán lần hai khi sử dụng trái phiếu tương đương

8. Ngày bắt đầu giao dịch
9. Khối lượng giao dịch
10. Giá yết
11. Giá thực hiện
12. Giá trị trái phiếu vay
13. Tỷ lệ tài sản đảm bảo trên giá trị vay
14. Giá trị tài sản đảm bảo
15. Giá trị tài sản đảm bảo tại thời điểm sửa
16. Ngày thanh toán lần một
17. Thời hạn vay
 - Giao dịch gốc
 - Giao dịch sửa
18. Lãi suất vay
 - Giao dịch gốc
 - Giao dịch sửa
19. Ngày kết thúc giao dịch
 - Giao dịch gốc
 - Giao dịch sửa
20. Ngày thanh toán lần hai
 - Giao dịch gốc
 - Giao dịch sửa
21. Lãi vay trái phiếu tại thời điểm sửa
22. Lãi vay trái phiếu
 - Giao dịch gốc
 - Giao dịch sửa
23. Nhận lãi coupon
 - Giao dịch gốc
 - Giao dịch sửa

24. Lãi suất trên lãi coupon (nếu có)

- Giao dịch gốc
- Giao dịch sửa

25. Lãi trên lãi coupon (nếu có)

- Giao dịch gốc
- Giao dịch sửa

26. Lãi suất trên tài sản đảm bảo

- Giao dịch gốc
- Giao dịch sửa

27. Lãi trên tài sản đảm bảo

- Giao dịch gốc
- Giao dịch sửa

28. Giá trị hoàn trả tài sản đảm bảo

- Giao dịch gốc
- Giao dịch sửa

Lưu ý:

- Với giao dịch vay trái phiếu được sửa đổi kỳ hạn nhiều lần: thông tin về giao dịch sửa sẽ bao gồm chi tiết lần sửa mới nhất và giao dịch gốc.- Các thông tin yêu cầu là thông tin tối thiểu phải có trên các phiếu lệnh, phiếu kết quả

- Thông tin (*) chỉ có trong trường hợp các bên thống nhất thanh toán bằng trái phiếu tương đương tại ngày kết thúc giao dịch

D. Giao dịch bán kết hợp mua lại

I. Nội dung cơ bản của phiếu xác nhận kết quả giao dịch trái phiếu trong ngày gồm có:

1. Tên khách hàng
2. Số Tài khoản
3. Mua hoặc Bán
4. Ngày bắt đầu giao dịch
5. Mã TPCP
6. TPCP tương đương
 - + (Các) mã TPCP tương đương
 - + Phương pháp xác định hệ số chuyển đổi
 - + Ngày tính toán
 - + Lợi suất TPCP gốc
 - + Lợi suất TPCP tương đương

- + Hệ số chuyển đổi
- + Khối lượng làm tròn
- + Lãi suất phạt
- + Lãi phạt
- + Số tiền phát sinh từ việc làm tròn lô trái phiếu tương đương
- + Giá trị thanh toán lần hai khi sử dụng trái phiếu tương đương

7. Khối lượng giao dịch

8. Giá yết lần 1

9. Giá yết lần 2

10. Giá thực hiện lần 1

11. Giá thực hiện lần 2

12. Ngày bắt đầu giao dịch

13. Ngày kết thúc giao dịch

14. Giá trị thanh toán lần 1

15. Giá trị thanh toán lần 2

II. Nội dung cơ bản của phiếu xác nhận kết quả sửa giao dịch trái phiếu đã thực hiện gồm có

1. Tên khách hàng

2. Số Tài khoản

3. Mua hoặc Bán

4 Ngày bắt đầu giao dịch

5. Mã TPCP

6. Mã TPCP hoàn trả (*)

- + Mã TPCP hoàn trả

- + Khối lượng

- + Lãi suất phạt

- + Lãi phạt

- + Số tiền phát sinh từ việc làm tròn lô trái phiếu tương đương

- + Giá trị thanh toán lần hai khi sử dụng trái phiếu tương đương

7. TPCP tương đương

- + (Các) mã TPCP tương đương

- + Phương pháp xác định hệ số chuyển đổi

- + Hệ số chuyển đổi

- + Khối lượng làm tròn

- + Lãi suất phạt
- + Lãi phạt
- + Số tiền phát sinh từ việc làm tròn lô trái phiếu tương đương
- + Giá trị thanh toán lần hai khi sử dụng trái phiếu tương đương

8. Khối lượng giao dịch

9. Giá yết lần 1

10. Giá yết lần 2

- Giao dịch gốc
- Giao dịch sửa

11. Giá thực hiện lần 1

12. Giá thực hiện lần 2

- Giao dịch gốc
- Giao dịch sửa

13. Ngày bắt đầu giao dịch

14. Ngày kết thúc giao dịch

- Giao dịch gốc
- Giao dịch sửa

15. Giá trị thanh toán lần 1

16. Giá trị thanh toán lần 2

- Giao dịch gốc
- Giao dịch sửa

Lưu ý:

- () Thông tin chỉ có trong trường hợp các bên thống nhất thanh toán bằng trái phiếu tương đương tại ngày kết thúc giao dịch*

Phụ lục IV/TP

MẪU GIẤY ỦY QUYỀN THỰC HIỆN PHÊ DUYỆT BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TPCP

(Ban hành kèm theo Quy chế Giao dịch trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương)

Tên thành viên

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngày ... tháng ... năm ...

GIẤY ỦY QUYỀN
THỰC HIỆN PHÊ DUYỆT BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TPCP

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

I/ Bên ủy quyền (Bên A):

- Ông (Bà):
- Số CMTND (hoặc số hộ chiếu): Ngày cấp..... Nơi cấp.....
- Địa chỉ thường trú:.....
- Chức vụ tại đơn vị:.....

II/ Bên được ủy quyền (Bên B):

- Ông (Bà):
- Số CMTND (hoặc số hộ chiếu): Ngày cấp..... Nơi cấp.....
- Địa chỉ thường trú:.....
- Chức vụ tại đơn vị:.....

III/ Nội dung ủy quyền:

- Bên A ủy quyền cho Bên B làm “Người thực hiện phê duyệt báo cáo hoạt động kinh doanh TPCP” của (*Tên thành viên*).

- Bên B có trách nhiệm thay mặt bên A thực hiện nghĩa vụ phê duyệt báo cáo hoạt động kinh doanh TPCP điện tử trên hệ thống của Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội đầy đủ, chính xác và kịp thời theo quy định pháp luật.

Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày.....và cho đến khi có thông báo hủy bỏ bằng văn bản của (*Tên thành viên*).

BÊN A

TỔNG GIÁM ĐỐC/GIÁM ĐỐC

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

BÊN B

(Ký, ghi rõ họ tên)

Tài liệu đính kèm:

- Sơ yếu lý lịch của người được ủy quyền phê duyệt báo cáo hoạt động kinh doanh TPCP điện tử.

Phụ lục V/TP

MẪU GIẤY ỦY QUYỀN THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN

(Ban hành kèm theo Quy chế Giao dịch trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương)

Tên ngân hàng

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ỦY QUYỀN

THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

Tên giao dịch của ngân hàng/Chi nhánh Ngân hàng Thương mại :-----

Địa chỉ liên lạc:-----

Điện thoại :-----Fax:-----

Email:Website:.....

(Tên nhân viên)

Sau đây chứng nhận: Ông (Bà)-----

Số CMTND (hoặc số hộ chiếu): -----

Địa chỉ thường trú:-----

Chức vụ tại ngân hàng:-----

(Tên ngân hàng/Chi nhánh Ngân hàng Thương mại)

Là người được :----- ủy quyền làm “ Người công bố thông

tin” của ----- *(Tên ngân hàng/Chi nhánh Ngân hàng Thương mại)*

Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày.....và cho đến khi có thông báo huỷ bỏ bằng văn

bản của ----- *(Tên ngân hàng/Chi nhánh Ngân hàng Thương mại)*

Ngày ... tháng... năm...

Người đại diện theo pháp luật

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Tài liệu đính kèm:

- Sơ yếu lý lịch của người được ủy quyền công bố thông tin
- Danh sách người có liên quan với người được ủy quyền công bố thông tin

1/2

2. ĐỐI VỚI KHO BẠC NHÀ NƯỚC

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Số:.....(số công văn)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm

ĐƠN ĐĂNG KÝ ĐẠI DIỆN GIAO DỊCH TPCP

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Chúng tôi, Kho bạc Nhà nước:

Địa chỉ:

đăng ký những nhân viên có tên dưới đây là đại diện giao dịch TPCP tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Chúng tôi cam kết chịu trách nhiệm về hoạt động của những nhân viên này trong thời gian là đại diện giao dịch:

- | | | |
|-------|-----------|------------|
| 1. | Họ tên | Giới tính: |
| | Sinh ngày | |
| | CMND số: | Cấp tại: |
| 2. | Họ tên | Giới tính: |
| | Sinh ngày | |
| | CMND số: | Cấp tại: |
| 3.... | | |

Đại diện theo pháp luật của KBNN
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Phụ lục VII/TP

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHẤM DỨT TƯ CÁCH ĐẠI DIỆN GIAO DỊCH TPCP

(Ban hành kèm theo Quy chế Giao dịch trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương)

1. ĐỐI VỚI CÔNG TY CHỨNG KHOÁN, NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

Tên CTCK/NHTM
Số:.....(số công văn)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CHẤM DỨT TƯ CÁCH ĐẠI DIỆN GIAO DỊCH TPCP**

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Chúng tôi, Công ty chứng khoán/Ngân hàng/Chi nhánh ngân hàng:

Tên giao dịch của công ty:

Địa chỉ:

được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số ..., ngày ... do ... cấp, làm thành viên giao dịch trái phiếu Chính phủ của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số ... do Tổng Giám đốc SGDCCKHN cấp ngày ..., đề nghị SGDCCKHN chấm dứt tư cách đại diện giao dịch TPCP của những nhân viên có tên dưới đây:

1. Họ tên
 - Mã đại diện giao dịch
 - Số quyết định công nhận ĐDGD
 - Ngày quyết định
 - Lý do:
2. Họ tên
 - Mã đại diện giao dịch
 - Số quyết định công nhận ĐDGD
 - Ngày quyết định
 - Lý do:

3....

Đại diện theo pháp luật của công ty
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

2. ĐỐI VỚI KHO BẠC NHÀ NƯỚC

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Số:.....(số công văn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHẤM DỨT TƯ CÁCH ĐẠI DIỆN GIAO DỊCH TPCP

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Chúng tôi, Kho bạc Nhà nước:

Địa chỉ:

đề nghị SGDCKHN chấm dứt tư cách đại diện giao dịch TPCP của những nhân viên có tên dưới đây:

1. Họ tên
 - Mã đại diện giao dịch
 - Số quyết định công nhận ĐDGD
 - Ngày quyết định
 - Lý do:
2. Họ tên
 - Mã đại diện giao dịch
 - Số quyết định công nhận ĐDGD
 - Ngày quyết định
 - Lý do:

3....

Đại diện theo pháp luật của KBNN
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Phụ lục VIII/TP

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHẤM DỨT TƯ CÁCH THÀNH VIÊN GIAO DỊCH TPCP

(Ban hành kèm theo Quy chế Giao dịch trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương)

1. ĐỐI VỚI CÔNG TY CHỨNG KHOÁN, NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CHẤM DỨT TƯ CÁCH THÀNH VIÊN GIAO DỊCH TPCP**

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên Thành viên
2. Tên viết tắt:.....
3. Mã thành viên
4. Trụ sở chính:
5. Điện thoại: Fax
6. Giấy phép thành lập và hoạt động số ngày do cấp
7. Quyết định công nhận thành viên giao dịch TPCP số ngày tháng năm do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp.

Đề nghị được chấm dứt tư cách thành viên giao dịch TPCP của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Lý do xin chấm dứt tư cách thành viên:.....

Chúng tôi cam kết hoàn tất các thủ tục theo quy định của pháp luật trước khi được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận chấm dứt tư cách thành viên và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung trong đơn và các tài liệu kèm theo.

**Tổng giám đốc/
Giám đốc điều hành**
(Chữ ký, họ tên)

**Chủ tịch Hội đồng Quản trị/
Hội đồng thành viên (nếu có)**
(Chữ ký, họ tên, đóng dấu)

2. ĐỐI VỚI KHO BẠC NHÀ NƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CHẤM DỨT THAM GIA GIAO DỊCH TPCP

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Kho bạc Nhà nước
2. Trụ sở chính:
3. Điện thoại: Fax
4. Quyết định chấp thuận đăng ký giao dịch TPCP số ngày tháng năm do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp.

Đề nghị được chấm dứt tham gia giao dịch TPCP tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Lý do xin chấm dứt:

Chúng tôi cam kết hoàn tất các thủ tục theo quy định của pháp luật trước khi được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận chấm dứt tham gia giao dịch TPCP và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung trong đơn và các tài liệu kèm theo.

Tổng giám đốc
(Chữ ký, họ tên)

2/2
✓

Phụ lục IX/TP

NGUYÊN TẮC LÀM TRÒN SỐ TRÊN HỆ THỐNG GIAO DỊCH TPCP

(Ban hành kèm theo Quy chế Giao dịch trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương)

1. Nguyên tắc làm tròn số trên hệ thống giao dịch TPCP

- Hệ thống không làm tròn số tại các bước tính toán trung gian, chỉ làm tròn số tại bước tính kết quả cuối cùng.
- Đối với kết quả của các bước tính trung gian, khi hiển thị trên màn hình hệ thống (form lệnh, sổ lệnh, báo cáo, ...) hoặc trong các phụ lục tính giá của Quy chế này, hệ thống hiển thị số làm tròn cho dễ theo dõi.

2. Giao dịch mua bán thông thường

2.1. Các giá trị không làm tròn số khi tính toán

- Lãi coupon tích gộp
- Giá gộp lãi

2.2. Các giá trị được làm tròn

- Giá thực hiện: Làm tròn đến 01 đồng

3. Giao dịch mua bán lại

3.1. Các giá trị không làm tròn số khi tính toán

- Lãi coupon tích gộp
- Giá gộp lãi
- Lãi mua bán lại
- Lãi trên lãi coupon (nếu có)
- Lãi phạt khi sử dụng trái phiếu tương đương (nếu có)
- Số tiền phát sinh do làm tròn lô trái phiếu tương đương (nếu có)

3.2. Các giá trị được làm tròn

- Giá thực hiện: Làm tròn đến 01 đồng
- Giá trị thanh toán lần 2: Làm tròn đến 01 đồng

4. Giao dịch vay trái phiếu

4.1. Các giá trị không làm tròn số khi tính toán

- Lãi coupon tích gộp
- Giá gộp lãi của trái phiếu vay
- Lãi vay trái phiếu
- Lãi trên lãi coupon (nếu có)

- Lãi trên tài sản đảm bảo (nếu có)
- Lãi phạt khi sử dụng trái phiếu tương đương (nếu có)
- Số tiền phát sinh do làm tròn lô trái phiếu tương đương (nếu có)

4.2. Các giá trị được làm tròn

- Giá thực hiện của trái phiếu vay: Làm tròn đến 01 đồng
- Giá trị tài sản đảm bảo: Làm tròn đến 01 đồng
- Giá trị hoàn trả tài sản đảm bảo: Làm tròn đến 01 đồng

5. Giao dịch bán kết hợp mua lại

5.1. Các giá trị không làm tròn số khi tính toán

- Lãi coupon tích gộp
- Giá gộp lãi
- Lãi phạt khi sử dụng trái phiếu tương đương (nếu có)
- Số tiền phát sinh do làm tròn lô trái phiếu tương đương (nếu có)

5.2. Các giá trị được làm tròn

- Giá thực hiện lần 1: Làm tròn đến 01 đồng
- Giá thực hiện lần 2: Làm tròn đến 01 đồng
- Giá trị giao dịch lần 2: Làm tròn đến 01 đồng

6. Trái phiếu tương đương

6.1. Các giá trị không làm tròn số khi tính toán

- Lãi coupon tích gộp của trái phiếu gốc và trái phiếu tương đương
- Lãi coupon tích gộp của tương đương
- Giá gộp lãi của trái phiếu gốc
- Giá gộp lãi của trái phiếu tương đương
- Lãi phạt khi sử dụng trái phiếu tương đương
- Số tiền phát sinh do làm tròn lô trái phiếu tương đương

6.2. Các giá trị được làm tròn

- Hệ số chuyển đổi: Làm tròn sau dấu phẩy 6 số
- Khối lượng trái phiếu tương đương: Làm tròn đến 1 trái phiếu



Phụ lục X/TP

GIAO DỊCH MUA BÁN THÔNG THƯỜNG

(Ban hành kèm theo Quy chế Giao dịch trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương)

I. Trái phiếu trả lãi sau

1. Giao dịch hưởng quyền

1.1. Trái phiếu thanh toán lãi định kỳ và có các kỳ trả lãi bằng nhau

Thông tin trái phiếu giao dịch: TD1525278.

Trái phiếu TD1525278 có kỳ hạn 10 năm, phát hành ngày 31/01/2015, đáo hạn ngày 31/01/2025. Mệnh giá 100.000 đồng.

Trả lãi cuối kỳ vào ngày 31/01 hàng năm (1 lần/năm, k=1), lãi suất coupon $L_c=6,5\%$.

Thông tin trả lãi trái phiếu TD1525278 năm 2017:

Ngày trả lãi danh nghĩa năm 2017: 31/01/2017.

Ngày thực thanh toán lãi trái phiếu năm 2017: 03/02/2017.

Ngày đăng ký cuối cùng cho việc trả lãi trái phiếu năm 2017: 23/01/2017.

Thông tin giao dịch:

Ngày giao dịch: 04/10/2016.

Thời hạn thanh toán T+1.

Ngày thanh toán: 05/10/2016.

Giá yết $G = 102.000$ đồng.

Khối lượng giao dịch 10.000 trái phiếu.

Thông tin tính toán:

- Số ngày thực tế của Kỳ trả lãi trái phiếu hiện tại (Từ ngày 31/01/2016 đến 31/01/2017): $E=366$.

- Số ngày thực tế từ ngày thanh toán (05/10/2016) đến ngày trả lãi trái phiếu tiếp theo (31/01/2017): $D_n= 118$.

- Lãi coupon tích gộp:

$$C_c = MG \times R_c \times \frac{E-D_n}{E} = 100.000 \times 6,5\% \times \frac{366-118}{366} = 4.404 \text{ đồng} (*)$$

- Giá gộp lãi:

$$GG = G + Cc = 102.000 + 4.404 = 106.404 \text{ đồng (*)}$$

- Giá thực hiện:

$$GM = GG = 106.404 \text{ đồng}$$

- Giá trị giao dịch:

$$V = GM \times KL = 106.404 \times 10.000 = 1.064.040.000 \text{ đồng}$$

Lưu ý: (*) thể hiện kết quả các bước trung gian hiển thị số làm tròn để dễ theo dõi.

1.2. Trái phiếu thanh toán lãi định kỳ và có kỳ trả lãi đầu tiên ngắn hơn so với các kỳ trả lãi còn lại

Thông tin trái phiếu giao dịch CP1626111

Trái phiếu CP1626111 có kỳ hạn 10 năm, phát hành ngày 01/06/2016, đáo hạn ngày 01/04/2026. Mệnh giá 100.000 đồng.

Trả lãi định kỳ cuối kỳ (1 lần/năm, $k=1$), lãi suất coupon $L_c=7,5\%$.

Thông tin trả lãi trái phiếu CP1626111 năm 2017:

Ngày trả lãi danh nghĩa năm 2017: 01/04/2017.

Ngày thực thanh toán lãi trái phiếu năm 2017: 01/04/2017.

Ngày đăng ký cuối cùng cho việc trả lãi trái phiếu năm 2017: 28/03/2017.

Thông tin giao dịch

Ngày giao dịch: 04/10/2016.

Thời hạn thanh toán T+1.

Ngày thanh toán: 05/10/2016.

Giá yết $G = 101.000$ đồng.

Khối lượng giao dịch 10.000 trái phiếu.

Thông tin tính toán:

- Số ngày thực tế từ ngày phát hành trái phiếu lần đầu đến ngày trả lãi danh nghĩa tiếp theo gần nhất (Từ ngày 01/06/2016 đến 01/04/2017): $D_1 = 304$.

- Số ngày trong kỳ trả lãi thông thường theo giá định có ngày thanh toán giao dịch diễn ra (Từ ngày 01/04/2016 đến 01/04/2017) : $E_2 = 365$.

0
3 GI
LÚN
HÀ
KIẾ

26

- Số ngày thực tế từ ngày thanh toán (05/10/2016) đến ngày trả lãi danh nghĩa tiếp theo (01/04/2017): $D_n = 178$.

- Lãi coupon tích gộp:

$$C_c = MG \times R_c \times \frac{D_1 - D_0}{E_2}$$
$$= 100.000 \times 7,5\% \times \frac{304 - 178}{365} = 2.589 \text{ đồng (*)}$$

- Giá gộp lãi:

$$GG = G + C_c = 101.000 + 2.589 = 103.589 \text{ đồng (*)}$$

- Giá thực hiện:

$$GM = GG = 103.589 \text{ đồng}$$

- Giá trị giao dịch:

$$V = GM \times KL = 103.589 \times 10.000 = 1.035.890.000 \text{ đồng}$$

Lưu ý: () thể hiện kết quả các bước trung gian hiển thị số làm tròn để dễ theo dõi.*

1.3. Trái phiếu thanh toán lãi định kỳ và có kỳ trả lãi đầu tiên dài hơn so với các kỳ trả lãi còn lại

Thông tin trái phiếu giao dịch TD1621473

Trái phiếu TD1621473 có kỳ hạn 5 năm, phát hành ngày 25/05/2016, đáo hạn ngày 04/07/2021. Mệnh giá 100.000 đồng.

Trả lãi định kỳ cuối kỳ (1 lần/năm, $k=1$), lãi suất coupon $L_c = 6,1\%$.

Thông tin trả lãi trái phiếu TD1621473 năm 2017:

Ngày trả lãi danh nghĩa năm 2017: 04/07/2017.

Ngày thực thanh toán lãi trái phiếu năm 2017: 04/07/2017.

Ngày đăng ký cuối cùng cho việc trả lãi trái phiếu năm 2017: 28/06/2017.

a) Ngày thanh toán diễn ra trước ngày trả lãi danh nghĩa thông thường theo giá định của kỳ trả lãi đầu tiên

Thông tin giao dịch

Ngày giao dịch: 09/06/2016.

Thời hạn thanh toán T+1.

Ngày thanh toán: 10/06/2016.

Giá yết $G = 99.500$ đồng.

Khối lượng giao dịch 10.000 trái phiếu.

Thông tin tính toán:

- Số ngày từ ngày phát hành trái phiếu lần đầu đến ngày trả lãi danh nghĩa thông thường theo giá định tiếp theo gần nhất (Từ ngày 25/05/2016 đến 04/07/2016): $D_2 = 40$.

- Số ngày trong kỳ trả lãi trái phiếu thông thường theo giá định có ngày phát hành trái phiếu lần đầu diễn ra. (Từ ngày 04/07/2015 đến 04/07/2016) : $E_1 = 366$

- Số ngày từ ngày thanh toán của giao dịch (10/6/2016) đến ngày trả lãi danh nghĩa thông thường theo giá định tiếp theo gần nhất (04/07/2016) : $D_n' = 24$.

- Lãi coupon tích gộp:

$$C_c = MG \times R_c \times \left(\frac{D_2 - D_n'}{E_1} \right)$$
$$= 100.000 \times 6,1\% \times \left(\frac{40 - 24}{366} \right) = 267 \text{ đồng (*)}$$

- Giá gộp lãi:

$$GG = G + C_c - 99.500 + 267 = 99.767 \text{ đồng (*)}$$

- Giá thực hiện:

$$GM = GG = 99.767 \text{ đồng}$$

- Giá trị giao dịch:

$$V = GM \times KL = 99.767 \times 10.000 = 997.670.000 \text{ đồng}$$

b) Ngày thanh toán diễn ra sau ngày trả lãi danh nghĩa thông thường theo giá định của kỳ trả lãi đầu tiên

Thông tin giao dịch

Ngày giao dịch: 02/08/2016.

Thời hạn thanh toán T+1.

Ngày thanh toán: 03/08/2016.

Giá yết $G = 99.000$ đồng.

Khối lượng giao dịch 10.000 trái phiếu.

Thông tin tính toán:

- Số ngày từ ngày phát hành trái phiếu lần đầu đến ngày trả lãi danh nghĩa thông thường theo giả định tiếp theo gần nhất (Từ ngày 25/05/2016 đến 04/07/2016): $D_2 = 40$

- Số ngày trong kỳ trả lãi trái phiếu thông thường theo giả định có ngày phát hành trái phiếu lần đầu diễn ra. (Từ ngày 04/07/2015 đến 04/07/2016) : $E_1 = 366$

- Số ngày trong kỳ trả lãi thông thường theo giả định có ngày thanh toán giao dịch diễn ra (Từ ngày 04/07/2016 đến 04/07/2017) : $E_2 = 365$

- Số ngày thực tế từ ngày thanh toán (03/08/2016) đến ngày trả lãi trái phiếu tiếp theo (04/07/2017): $D_n = 335$.

- Lãi coupon tích gộp:

$$C_c = MG \times R_c \times \left(\frac{D_2}{E_1} + \frac{E_2 - D_n}{E_1} \right) = 100.000 \times 6,1\% \times \left(\frac{40}{366} + \frac{365 - 335}{365} \right) = 1.168 \text{ đồng (*)}$$

- Giá gộp lãi:

$$GG = G + C_c = 99.000 + 1.168 = 100.168 \text{ đồng (*)}$$

- Giá thực hiện:

$$GM = GG = 100.168 \text{ đồng}$$

- Giá trị giao dịch:

$$V = GM \times KL = 100.168 \times 10.000 = 1.001.680.000 \text{ đồng}$$

Lưu ý: (*) thể hiện kết quả các bước trung gian hiển thị số làm tròn để dễ theo dõi.

2. Giao dịch không hưởng quyền

Thông tin trái phiếu giao dịch: TD1525278.

Trái phiếu TD1525278 có kỳ hạn 10 năm, phát hành ngày 31/01/2015, đáo hạn ngày 31/01/2025. Mệnh giá 100.000 đồng.

Trả lãi cuối kỳ vào ngày 31/01 hàng năm (1 lần/năm, $k=1$), lãi suất coupon $L_c=6,5\%$.

Thông tin trả lãi trái phiếu TD1525278 năm 2017:

Ngày trả lãi danh nghĩa năm 2017: 31/01/2017.

Ngày thực thanh toán lãi trái phiếu năm 2017: 03/02/2017.

Ngày đăng ký cuối cùng cho việc trả lãi trái phiếu năm 2017: 23/01/2017.

Thông tin giao dịch:

Ngày giao dịch: 20/01/2017.

Thời hạn thanh toán T+1

Ngày thanh toán: 23/01/2017.

Giá yết G = 101.000 đồng

Khối lượng giao dịch 10.000 trái phiếu.

Thông tin tính toán:

- Số ngày thực tế của Kỳ trả lãi trái phiếu hiện tại (Từ ngày 31/01/2016 đến 31/01/2017): E=366.

- Số ngày thực tế từ ngày thanh toán (23/01/2017) đến ngày trả lãi trái phiếu tiếp theo (31/01/2017): Dn= 8.

- Lãi coupon tích gộp:

$$C_x = MG \times R_c \times \frac{Dn}{E} = 100.000 \times 6,5\% \times \frac{8}{366} = 142 \text{ đồng (*)}$$

- Giá gộp lãi:

$$GG = G - C_x = 101.000 - 142 = 100.858 \text{ đồng (*)}$$

- Giá thực hiện:

$$GM = GG = 100.858 \text{ đồng}$$

- Giá trị giao dịch:

$$V = GM \times KL = 100.858 \times 10.000 = 1.008.580.000 \text{ đồng}$$

Lưu ý: (*) thể hiện kết quả các bước trung gian hiển thị số làm tròn để dễ theo dõi.

II. Trái phiếu trả lãi trước

1. Giao dịch có hưởng quyền

Thông tin trái phiếu giao dịch: CP4A0203.

Trái phiếu CP4A0203 là trái phiếu thanh toán lãi định kỳ và có các kỳ trả lãi bằng nhau, kỳ hạn 15 năm, phát hành ngày 25/02/2003, đáo hạn ngày 25/02/2018. Mệnh giá 100.000 đồng.

Trả lãi đầu kỳ vào ngày 25/02 hàng năm (1 lần/năm, k=1), lãi suất coupon Lc=9,18%.

Thông tin trả lãi trái phiếu CP4A0203 năm 2017:

Ngày trả lãi danh nghĩa năm 2017: 25/02/2017.

Ngày thực thanh toán lãi trái phiếu năm 2017: 27/02/2017.

Ngày đăng ký cuối cùng cho việc trả lãi trái phiếu năm 2017: 21/02/2017.

Thông tin giao dịch:

Ngày giao dịch: 01/06/2016.

Thời hạn thanh toán T+1.

Ngày thanh toán: 02/06/2016.

Giá yết = 102.000 đồng

Khối lượng giao dịch: 10.000 trái phiếu

Thông tin tính toán:

- Số ngày thực tế của kỳ trả lãi trái phiếu hiện tại (Từ ngày 25/02/2016 đến 25/02/2017): $E=366$.

- Số ngày thực tế từ ngày thanh toán (02/06/2016) đến ngày trả lãi trái phiếu tiếp theo (25/02/2017): $Dn= 268$.

- *Lãi coupon tích gộp trong trường hợp ngày giao dịch hưởng quyền:*

$$Cx = MG \times Rc \times \frac{Dn}{E}$$

$$= 100.000 \times 9,18\% \times \frac{268}{366} = 6.722 \text{ đồng (*)}$$

- *Giá gộp lãi:*

$$GG = G - Cx = 102.000 - 6.722 = 95.278 \text{ đồng (*)}$$

- *Giá thực hiện:*

$$GM = GG = 95.278 \text{ đồng}$$

- *Giá trị giao dịch:*

$$V = GM \times KL = 95.278 \times 10.000 = 952.780.000 \text{ đồng}$$

Lưu ý: () thể hiện kết quả các bước trung gian hiển thị số làm tròn để dễ theo dõi.*

2. Giao dịch không hưởng quyền

Thông tin trái phiếu giao dịch: CP4A0203.

Trái phiếu CP4A0203 là trái phiếu thanh toán lãi định kỳ và có các kỳ trả lãi bằng nhau, kỳ hạn 15 năm, phát hành ngày 25/02/2003, đáo hạn ngày 25/02/2018. Mệnh giá 100.000 đồng.

7/6/2017

Trả lãi đầu kỳ vào ngày 25/02 hàng năm (1 lần/năm, $k=1$), lãi suất coupon $L_c=9,18\%$.

Thông tin trả lãi trái phiếu CP4A0203 năm 2017:

Ngày trả lãi danh nghĩa năm 2017: 25/02/2017.

Ngày thực thanh toán lãi trái phiếu năm 2017: 27/02/2017.

Ngày đăng ký cuối cùng cho việc trả lãi trái phiếu năm 2017: 21/02/2017.

Thông tin giao dịch:

Ngày giao dịch: 21/02/2017.

Thời hạn thanh toán T+1.

Ngày thanh toán: 22/02/2017.

Giá yết = 102.000 đồng.

Khối lượng giao dịch: 10.000 trái phiếu.

Thông tin tính toán:

- Số ngày thực tế của kỳ trả lãi trái phiếu hiện tại (Từ ngày 25/02/2016 đến 25/02/2017): $E=366$.

- Số ngày thực tế từ ngày thanh toán (22/02/2017) đến ngày trả lãi trái phiếu tiếp theo (25/02/2017): $D_n=3$.

- *Lãi coupon tích góp trong ngày giao dịch không hưởng quyền:*

$$C_x = MG \times R_c \times \frac{D_n}{E} = 100.000 \times 9,18\% \times \frac{3}{366} = 75 \text{ đồng (*)}$$

- *Giá góp lãi:*

$$GG = G - C_x - MG \times R_c$$

$$= 102.000 - 75 - 100.000 \times 9,18\% = 92.745 \text{ đồng (*)}$$

- *Giá thực hiện:*

$$GM - GG = 92.745 \text{ đồng}$$

- *Giá trị giao dịch:*

$$V = GM \times KL - 92.745 \times 10.000 = 927.450.000 \text{ đồng}$$

Lưu ý: () thể hiện kết quả các bước trung gian hiện thị số làm tròn để dễ theo dõi.*

III. Trái phiếu không trả lãi định kỳ

Thông tin trái phiếu giao dịch: TD1518361.

Trái phiếu TD1518361 có kỳ hạn 3 năm, phát hành ngày 28/12/2015, đáo hạn ngày 28/12/2018. Mệnh giá 100.000 đồng.

Thông tin giao dịch:

Ngày giao dịch: 20/10/2016.

Thời hạn thanh toán T+1.

Ngày thanh toán: 21/10/2016.

Giá yết $G = 99.000$ đồng.

Khối lượng giao dịch 100.000 trái phiếu.

Thông tin tính toán:

- Giá thực hiện:

$$GM = G = 99.000 \text{ đồng}$$

- Giá trị giao dịch:

$$V = GM \times KL = 99.000 \times 100.000 = 9.900.000.000 \text{ đồng}$$

IV. Tín phiếu

Thông tin tín phiếu giao dịch: TPKB16023.

Tín phiếu TPKB16023 có kỳ hạn 273 ngày, phát hành ngày 23/02/2016, đáo hạn ngày 22/11/2016. Mệnh giá 100.000 đồng.

Thông tin giao dịch:

Ngày giao dịch: 20/10/2016.

Thời hạn thanh toán T+1.

Ngày thanh toán: 21/10/2016.

Giá yết $G = 95.000$ đồng.

Khối lượng giao dịch 100.000 tín phiếu.

Thông tin tính toán:

- Giá thực hiện:

$$GM = G = 95.000 \text{ đồng}$$

- Giá trị giao dịch:

$$V = GM \times KL = 95.000 \times 100.000 = 9.500.000.000 \text{ đồng.}$$

Phụ lục XI/TP
GIAO DỊCH MUA BÁN LẠI

(Ban hành kèm theo Quy chế Giao dịch trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương)

I. Giao dịch mua bán lại

1. Trái phiếu sử dụng trong giao dịch không phát sinh thu nhập trong thời hạn giao dịch mua bán lại

Thông tin trái phiếu giao dịch: TD1525280.

Trái phiếu TD1525280 có kỳ hạn 10 năm, phát hành ngày 15/03/2015, đáo hạn ngày 15/03/2025. Mệnh giá 100.000 đồng.

Trả lãi cuối kỳ vào ngày 15/03 hàng năm (1 lần/năm, $k=1$), lãi suất coupon $L_c=6,3\%$.

Thông tin trả lãi trái phiếu TD1525280 năm 2017:

Ngày trả lãi danh nghĩa năm 2017: 15/03/2017.

Ngày thực thanh toán lãi trái phiếu năm 2017: 15/03/2017.

Ngày đăng ký cuối cùng cho việc trả lãi trái phiếu năm 2017: 09/03/2017.

Thông tin giao dịch:

Ngày giao dịch: 01/6/2016.

Giá yết $G = 102.000$ đồng.

Khối lượng giao dịch 10.000 trái phiếu tương đương với giá trị theo mệnh giá là 1 tỷ đồng.

Thời hạn thanh toán $T+1$.

Ngày thanh toán lần 1: 02/6/2016.

Thời hạn giao dịch mua bán lại $T = 61$ ngày.

Ngày thanh toán lần 2: 02/08/2016.

Ngày giao dịch lần 2: 01/08/2016.

Lãi suất mua bán lại $R=12\%/năm$.

Tỷ lệ phòng vệ rủi ro $H=5\%$.

Thông tin tính toán:

14 ✓

Số ngày thực tế của kỳ trả lãi trái phiếu có ngày thanh toán lần 1 (Từ ngày 15/03/2016 đến 15/03/2017): $E=365$.

Số ngày thực tế từ ngày thanh toán (02/06/2016) đến ngày trả lãi trái phiếu tiếp theo (15/03/2017): $D_n=286$.

Số ngày thực tế của năm mà ngày thanh toán lần 1 được xác định (năm 2016): 366 ngày.

Ngày thanh toán lần 1 (2/6/2016)

- Lãi coupon tích góp:

$$C_c = MG \times R_c \times \frac{E - D_n}{E}$$
$$= 100.000 \times 6,3\% \times \frac{365 - 286}{365} = 1.364 \text{ đồng (*)}$$

- Giá gộp lãi:

$$G_G = G + C_c = 102.000 + 1.364 = 103.364 \text{ đồng (*)}$$

- Giá thực hiện:

$$G_M = G_G(1 - H) = 103.364 \times (1 - 0,05) = 98.195 \text{ đồng}$$

- Giá trị giao dịch lần 1:

$$V_1 = G_M \times KL = 98.195 \times 10.000 = 981.950.000 \text{ đồng}$$

Ngày thanh toán lần 2 (2/8/2016)

- Lãi mua bán lại:

$$L = V_1 \times R \times \frac{T}{\text{Số ngày thực tế của năm}}$$
$$= 981.950.000 \times 12\% \times \frac{61}{366} = 19.639.000 \text{ đồng}$$

- Giá trị giao dịch lần 2

$$V_2 = V_1 + L = 981.950.000 + 19.639.000 = 1.001.589.000 \text{ đồng}$$

Lưu ý: (*) thể hiện kết quả các bước trung gian hiển thị số làm tròn để dễ theo dõi.

2. Trái phiếu sử dụng trong giao dịch phát sinh thu nhập trong thời hạn giao dịch mua bán lại, hai bên thống nhất thanh toán lãi coupon bên ngoài hệ thống

Thông tin trái phiếu giao dịch: TD1525280.

Trái phiếu TD1525280 có kỳ hạn 10 năm, phát hành ngày 15/03/2015, đáo hạn ngày 15/03/2025. Mệnh giá 100.000 đồng.

Trả lãi cuối kỳ vào ngày 15/03 hàng năm (1 lần/năm, $k=1$), lãi suất coupon $L_c=6,3\%$.

Thông tin giao dịch:

Ngày giao dịch: 01/11/2016.

Giá yết $G = 102.000$ đồng.

Khối lượng giao dịch 10.000 trái phiếu tương đương với giá trị theo mệnh giá là 1 tỷ đồng.

Thời hạn thanh toán $T+1$.

Ngày thanh toán lần 1: 02/11/2016.

Thời hạn giao dịch mua bán lại $T = 138$ ngày.

Ngày thanh toán lần 2: 20/03/2017.

Ngày giao dịch lần 2: 17/03/2017.

Lãi suất mua bán lại $R=12\%/năm$.

Bên Mua và bên Bán không tích nhận lãi coupon trên Hệ thống giao dịch TPCP.

Tỷ lệ phòng vệ rủi ro $H=5\%$.

Thông tin tính toán:

Số ngày thực tế của kỳ trả lãi trái phiếu có ngày thanh toán lần 1 (Từ ngày 15/03/2016 đến 15/03/2017): $E=365$.

Số ngày thực tế từ ngày thanh toán lần 1 (02/11/2016) đến ngày trả lãi trái phiếu tiếp theo (15/03/2017): $D_n= 133$.

Số ngày thực tế của năm mà ngày thanh toán lần 1 được xác định (năm 2016): 366 ngày.

Ngày thanh toán lần 1 (02/11/2016)

- Lãi coupon tích gộp:

$$Cc = MG \times Rc \times \frac{E-D_n}{E}$$

$$-100.000 \times 6,3\% \times \frac{365 - 133}{365} = 4.004 \text{ đồng (*)}$$

3/

- Giá gộp lãi:

$$GG = G + Cc = 102.000 + 4.004 = 106.004 \text{ đồng (*)}$$

- Giá thực hiện:

$$GM = GG(1 - H) = 106.004 \times (1 - 0,05) = 100.704 \text{ đồng}$$

- Giá trị giao dịch lần 1:

$$V_1 = GM \times KL = 100.704 \times 10.000 = 1.007.040.000 \text{ đồng}$$

Ngày thanh toán lần 2 (20/03/2017)

- Lãi mua bán lại:

$$L = V_1 \times R \times \frac{T}{\text{Số ngày thực tế của năm}}$$

$$= 1.007.040.000 \times 12\% \times \frac{138}{366} = 45.564.433 \text{ đồng (*)}$$

- Giá trị giao dịch lần 2: Trong trường hợp này, người mua được nhận lãi coupon vào ngày 15/03. Tuy nhiên do 2 bên thống nhất thanh toán lãi coupon bên ngoài hệ thống nên khoản lãi coupon và lãi trên lãi coupon sẽ không được tính toán vào giá trị giao dịch lần 2.

$$V_2 = V_1 + L = 1.007.040.000 + 45.564.433 = 1.052.604.433 \text{ đồng.}$$

Lưu ý: (*) thể hiện kết quả các bước trung gian hiển thị số làm tròn để dễ theo dõi.

3. Trái phiếu sử dụng trong giao dịch phát sinh thu nhập trong thời hạn giao dịch mua bán lại. Bên mua nhận lãi coupon vào thời điểm trước khi giao dịch mua bán lại kết thúc và hai bên thỏa thuận thanh toán lãi qua hệ thống

Thông tin trái phiếu giao dịch: TD1525280.

Trái phiếu TD1525280 có kỳ hạn 10 năm, phát hành ngày 15/03/2015, đáo hạn ngày 15/03/2025. Mệnh giá 100.000 đồng.

Trả lãi cuối kỳ vào ngày 15/03 hàng năm (1 lần/năm, k=1), lãi suất coupon $L_c=6,3\%$.

Thông tin giao dịch:

Ngày giao dịch: 01/11/2016.

Giá yết $G = 102.000$ đồng.

Khối lượng giao dịch 10.000 trái phiếu tương đương với giá trị theo mệnh giá là 1 tỷ đồng.

Thời hạn thanh toán T+1.

Ngày thanh toán lần 1: 02/11/2016.

Thời hạn giao dịch mua bán lại T = 138 ngày.

Ngày thanh toán lần 2: 20/03/2017

Ngày giao dịch lần 2: 17/03/2017

Lãi suất mua bán lại R=12%/năm.

Lãi suất trên lãi coupon R'=10%/năm.

Tỷ lệ phòng vệ rủi ro H=5%.

Thông tin tính toán:

Số ngày thực tế của kỳ trả lãi trái phiếu có ngày thanh toán lần 1 (Từ ngày 15/03/2016 đến 15/03/2017): E=365.

Số ngày thực tế từ ngày thanh toán lần 1 (02/11/2016) đến ngày trả lãi trái phiếu tiếp theo (15/03/2017): Dn= 133.

Số ngày thực tế của năm mà ngày thanh toán lần 1 được xác định (năm 2016): 366 ngày.

Số ngày thực tế của năm có ngày thanh toán lãi coupon (năm 2017): 365 ngày.

Ngày thanh toán lần 1 (02/11/2016)

- Lãi coupon tích gộp:

$$Cc = MG \times Rc \times \frac{E-Dn}{E}$$
$$= 100.000 \times 6,3\% \times \frac{365-133}{365} = 4.004 \text{ đồng (*)}$$

- Giá gộp lãi:

$$GG = G + Cc = 102.000 + 4.004 = 106.004 \text{ đồng (*)}$$

- Giá thực hiện:

$$GM = GG \times (1 - H)$$
$$= 106.004 \times (1 - 0,05) = 100.704 \text{ đồng}$$

- Giá trị giao dịch lần 1:

$$V_1 = GM \times KL = 100.704 \times 10.000 = 1.007.040.000 \text{ đồng}$$

Ngày thanh toán lần 2 (20/3/2017)

- Lãi mua bán lại:

$$L = V_1 \times R \times \frac{T}{\text{Số ngày thực tế của năm}} =$$
$$= 1.007.040.000 \times 12\% \times \frac{138}{366} = 45.564.433 \text{ đồng. (*)}$$

- Lãi coupon phát sinh trong kỳ hạn mua bán lại :

$$GL = Rc \times MG \times KL = 6,3\% \times 100.000 \times 10.000 = 63.000.000 \text{ đồng}$$

- Trong trường hợp này, người mua được nhận lãi coupon vào ngày 15/3/2017. Người mua sẽ trả lại lãi coupon cho người bán vào ngày thanh toán lần 2 (ngày 20/03/2017) bằng cách khấu trừ cho người bán vào giá trị giao dịch lần 2. Tuy nhiên do ngày thanh toán lần 2 diễn ra sau ngày thực thanh toán lãi trái phiếu, nên người mua sẽ khấu trừ cho người bán thêm phần lãi trên lãi coupon trong 05 ngày từ ngày 15/3/2017 đến ngày 20/3/2017.

- Lãi coupon và lãi trên lãi coupon phát sinh trong kỳ hạn mua bán lại:

$$CPN - GL + GL \times R \times \frac{\text{Ngày thanh toán lần 2} - \text{Ngày thực thanh toán lãi trái phiếu}}{\text{Số ngày thực tế của năm}}$$
$$= 63.000.000 + 63.000.000 \times 10\% \times \frac{05}{365} = 63.086.301 \text{ đồng (*)}$$

- Giá trị giao dịch lần 2:

$$V_2 = V_1 + L - CPN$$

$$= 1.007.040.000 + 45.564.433 - 63.086.301 = 989.518.131 \text{ đồng}$$

Lưu ý: (*) thể hiện kết quả các bước trung gian hiển thị số làm tròn để dễ theo dõi.

4. Trái phiếu sử dụng trong giao dịch phát sinh thu nhập trong thời hạn giao dịch mua bán lại. Bên mua nhận lãi coupon vào thời điểm sau khi giao dịch mua bán lại kết thúc và hai bên thỏa thuận thanh toán lãi qua hệ thống

Thông tin trái phiếu giao dịch: TD1525280.

Trái phiếu TD1525280 có kỳ hạn 10 năm, phát hành ngày 15/03/2015, đáo hạn ngày 15/03/2025. Mệnh giá 100.000 đồng.

Trả lãi cuối kỳ vào ngày 15/03 hàng năm (1 lần/năm, k=1), lãi suất coupon $L_c=6,3\%$.

Thông tin giao dịch:

Ngày giao dịch: 01/11/2016.

Giá yết $G = 102.000$ đồng.

Khối lượng giao dịch 10.000 trái phiếu tương đương với giá trị theo mệnh giá là 1 tỷ đồng.

Thời hạn thanh toán $T+1$.

Ngày thanh toán lần 1: 02/11/2016.

Thời hạn giao dịch mua bán lại $T = 128$ ngày.

Ngày thanh toán lần 2: 10/03/2017.

Ngày giao dịch lần 2: 09/03/2017.

Lãi suất mua bán lại $R=12\%/năm$.Lãi suất trên lãi coupon $R'=10\%/năm$.Tỷ lệ phòng vệ rủi ro $H=5\%$.**Thông tin tính toán:**Số ngày thực tế của kỳ trả lãi trái phiếu có ngày thanh toán lần 1 (Từ ngày 15/03/2016 đến 15/03/2017): $E=365$.Số ngày thực tế từ ngày thanh toán lần 1 (02/11/2016) đến ngày trả lãi trái phiếu tiếp theo (15/03/2017): $Dn= 133$.

Số ngày thực tế của năm mà ngày thanh toán lần 1 được xác định (năm 2016): 366 ngày.

Số ngày thực tế của năm có ngày thanh toán lãi coupon (năm 2017): 365 ngày.

Ngày thanh toán lần 1 (02/11/2016)*- Lãi coupon tích gộp:*

$$Cc = MG \times Rc \times \frac{E-Dn}{E}$$

$$= 100.000 \times 6,3\% \times \frac{365-133}{365} = 4.004 \text{ đồng (*)}$$

- Giá gộp lãi:

$$GG = G + Cc - 102.000 + 4.004 = 106.004 \text{ đồng (*)}$$

- Giá thực hiện:

$$GM = GG(1 - H) = 106.004 \times (1 - 0,05) = 100.704 \text{ đồng}$$

7/2/2

- Giá trị giao dịch lần 1:

$$V_1 = GM \times KL = 100.704 \times 10.000 = 1.007.040.000 \text{ đồng}$$

Ngày thanh toán lần 2 (10/03/2017)

- Lãi mua bán lại:

$$L = V_1 \times R \times \frac{T}{\text{Số ngày thực tế của năm}}$$
$$= 1.007.040.000 \times 12\% \times \frac{128}{366} = 42.262.662 \text{ đồng (*)}$$

- Lãi coupon phát sinh trong kỳ hạn mua bán lại :

$$GL = Rc \times MG \times KL = 6,3\% \times 100.000 \times 10.000 = 63.000.000 \text{ đồng}$$

- Trong trường hợp này, người mua được nhận lãi coupon vào ngày 15/3/2017. Người mua sẽ trả lại lãi coupon nhận được cho người bán vào ngày thanh toán lần 2 (ngày 10/3) bằng cách khấu trừ cho người bán vào giá trị giao dịch lần 2. Tuy nhiên do ngày thanh toán lần 2 diễn ra trước ngày thực thanh toán lãi trái phiếu, nên người mua sẽ được nhận phần lãi trên lãi coupon này trong thời gian 05 ngày từ ngày 10/3/2017 đến ngày 15/3/2017.

- Lãi coupon và lãi trên lãi coupon phát sinh trong kỳ hạn mua bán lại:

$$CPN = GL + GL \times R \times \frac{\text{Ngày thanh toán lần 2} - \text{Ngày thực thanh toán lãi trái phiếu}}{\text{Số ngày thực tế của năm}}$$
$$= 63.000.000 + 63.000.000 \times 10\% \times \left(\frac{-05}{365}\right) = 62.913.699 \text{ đồng (*)}$$

- Giá trị giao dịch lần 2:

$$V_2 = V_1 + L - CPN$$
$$= 1.007.040.000 + 42.262.662 - 62.913.699 = 986.388.964 \text{ đồng}$$

Lưu ý: (*) thể hiện kết quả các bước trung gian hiển thị số làm tròn để dễ theo dõi.

II. Sửa giao dịch mua bán lại

1. Giao dịch mua bán lại gốc

Giao dịch mua bán lại gốc là giao dịch của mục 3 phần I nói trên

2. Giao dịch mua bán lại sửa đổi

Giao dịch mua bán lại gốc đã thực hiện được sửa đổi kỳ hạn và lãi suất mua bán lại với thông tin sửa như sau:

Thông tin sửa giao dịch mua bán lại:

Ngày sửa giao dịch mua bán lại lần 2: 20/02/2017.

Ngày thanh toán lần 2 mới: 31/03/2017.

Ngày giao dịch lần 2 mới: 30/03/2017.

Thời hạn giao dịch mua bán lại tính từ thời điểm thanh toán lần 1(02/11/2016) đến thời điểm sửa giao dịch mua bán lại (20/02/2017): $T_1= 110$ ngày

Thời hạn giao dịch mua bán lại tính từ thời điểm sửa giao dịch (20/02/2017) tới khi kết thúc giao dịch mua bán lại mới (31/03/2017): $T_2=39$ ngày

Lãi suất mua bán lại mới: $R_1=15\%/năm$.

Thông tin tính toán:

Ngày sửa giao dịch mua bán lại (20/02/2017)

- Thời hạn giao dịch mua bán lại tính từ thời điểm thanh toán lần 1(02/11/2016) đến thời điểm sửa giao dịch mua bán lại (20/02/2017): $T_1= 110$ ngày.

- Lãi mua bán lại tính tới thời điểm bắt đầu sửa:

$$L_1 = V_1 \times R \times \frac{T_1}{\text{Số ngày thực tế của năm}}$$
$$= 1.007.040.000 \times 12\% \times \frac{110}{366} = 36.319.475 \text{ đồng (*)}$$

- Giá trị giao dịch tính tới thời điểm sửa đổi thời hạn mua bán lại:

$$V_{1.1} = V_1 + L_1 =$$

$$1.007.040.000 + 36.319.475 = 1.043.359.475 \text{ đồng. (*)}$$

Ngày thanh toán lần 2 (31/03/2017)

- Thời hạn giao dịch mua bán lại tính từ thời điểm sửa đổi kỳ hạn mua bán lại (20/02/2017) tới khi kết thúc giao dịch mua bán lại mới (31/03/2017): $T_2=39$ ngày.

- Số ngày thực tế của năm mà ngày sửa giao dịch mua bán lại được xác định (năm 2017): 365 ngày.

- Lãi mua bán lại mới:

$$L_2 = (V_1 + L_1) \times R_1 \times \frac{T_2}{\text{Số ngày thực tế của năm}_1}$$
$$= 1.043.359.475 \times 15\% \times \frac{39}{365} = 16.722.337 \text{ đồng. (*)}$$

- Lãi mua bán lại:

$$L = L_1 + L_2 = 36.319.475 + 16.722.337 = 53.041.812 \text{ đồng (*)}$$

- Lãi coupon phát sinh trong kỳ hạn mua bán lại :

$$GL = Rc \times MG \times KL = 6,3\% \times 100.000 \times 10.000 = 63.000.000 \text{ đồng}$$

- Trong trường hợp này người mua được nhận lãi coupon vào ngày 15/03/2017. Người mua sẽ trả lại lãi coupon cho người bán vào ngày thanh toán lần 2 (ngày 31/03/2017) bằng cách khấu trừ cho người bán vào giá trị giao dịch lần 2. Tuy nhiên do ngày thanh toán lần 2 diễn ra sau ngày thực thanh toán lãi trái phiếu, nên người mua sẽ khấu trừ cho người bán thêm phần lãi trên lãi coupon trong 16 ngày từ ngày 15/03/2017 đến ngày 31/03/2017.

- Lãi coupon và lãi trên lãi coupon phát sinh trong kỳ hạn mua bán lại:

$$\begin{aligned} \text{CPN} &= GL + GL \times R \times \frac{\text{Ngày thanh toán lần 2} - \text{Ngày thực thanh toán lãi trái phiếu}}{\text{Số ngày thực tế của năm}} \\ &= 63.000.000 + 63.000.000 \times 10\% \times \frac{16}{365} = 63.276.164 \text{ đồng (*)} \end{aligned}$$

- Giá trị giao dịch lần 2:

$$V_2 = V_1 + L - \text{CPN}$$

$$-1.007.040.000 + 53.041.812 - 63.276.164 = -996.805.648 \text{ đồng.}$$

Lưu ý: (*) thể hiện kết quả các bước trung gian hiển thị số làm tròn để dễ theo dõi.

III. Sử dụng trái phiếu tương đương trong giao dịch mua bán lại

Thông tin trái phiếu gốc: TD1621446

Trái phiếu TD1621446 có kỳ hạn 5 năm, phát hành ngày 07/01/2016, đáo hạn ngày 07/01/2021. Mệnh giá 100.000 đồng.

Trái phiếu thanh toán lãi định kỳ tiêu chuẩn, trả lãi cuối kỳ vào ngày 07/01 hàng năm (1 lần/năm, $k=1$), lãi suất coupon $L_c = 6,5\%$

Thông tin trả lãi trái phiếu năm 2017:

Ngày trả lãi danh nghĩa năm 2017: 07/01/2017.

Ngày thực thanh toán lãi trái phiếu năm 2017: 09/01/2017.

Ngày đăng ký cuối cùng cho việc trả lãi trái phiếu năm 2017: 03/01/2017

Thông tin giao dịch:

Ngày giao dịch: 22/01/2016

Giá yết: 103.791 đồng

Khối lượng giao dịch: 1.000.000 trái phiếu tương đương với giá trị theo mệnh giá là 100 tỷ đồng

Thời hạn thanh toán: T+1

Ngày thanh toán lần 1: 25/01/2016

Thời hạn giao dịch mua bán lại T = 129 ngày

Ngày thanh toán lần 2: 02/06/2016

Ngày giao dịch lần 2: 01/06/2016

Lãi suất mua bán lại: R = 10%

Tỷ lệ phòng vệ rủi ro H = 5%

Thông tin tính toán:

- Số ngày thực tế của kỳ trả lãi trái phiếu có ngày thanh toán lần 1 (Từ ngày 07/01/2016 đến 07/01/2017): E= 366.

- Số ngày thực tế từ ngày thanh toán lần 1 (25/01/2016) đến ngày trả lãi trái phiếu tiếp theo (07/01/2017): Dn= 348.

- Số ngày thực tế của năm mà ngày thanh toán lần 1 được xác định (năm 2016): 366 ngày.

Ngày thanh toán lần 1

- Lãi coupon tích gộp:

$$Cc = MG \times Rc \times \frac{E - Dn}{E}$$

$$= 100.000 \times 6,5\% \times \frac{366 - 348}{366} = 320 \text{ đồng (*)}$$

- Giá gộp lãi:

$$GG = G + Cc = 103.791 + 320 = 104.111 \text{ đồng (*)}$$

- Giá thực hiện:

$$GM = GG(1 - H) = 104.111 \times (1 - 0,05) = 98.905 \text{ đồng}$$

- Giá trị giao dịch lần 1:

$$V_1 = GM \times KL = 98.905 \times 1.000.000 = 98.905.000.000 \text{ đồng}$$

Ngày thanh toán lần 2

- *Lãi mua bán lại:*

$$L = V_1 \times R \times \frac{T}{\text{Số ngày thực tế của năm}}$$
$$= 98.905.000.000 \times 10\% \times \frac{129}{366} = 3.485.995.902 \text{ đồng (*)}$$

- **Giá trị giao dịch lần 2:**

$$V_2 = V_1 + L = 98.905.000.000 + 3.485.995.902 = 102.390.995.902 \text{ đồng}$$

Lưu ý: () thể hiện kết quả các bước trung gian hiển thị số làm tròn để dễ theo dõi.*

Thông tin trái phiếu tương đương

Trái phiếu TD1323032 có kỳ hạn 10 năm, phát hành ngày 30/09/2013, đáo hạn ngày 30/09/2023. Mệnh giá 100.000 đồng.

Trái phiếu thanh toán lãi định kỳ tiêu chuẩn, trả lãi cuối kỳ vào ngày 30/09 hàng năm (1 lần/năm, k=1), lãi suất coupon $L_c = 8,9\%$

Lựa chọn có làm tròn lô trái phiếu tương đương: Làm tròn xuống, đơn vị làm tròn về hàng trăm (trái phiếu).

Số tiền phát sinh từ việc làm tròn lô trái phiếu tương đương được các bên thanh toán qua hệ thống.

1. Sử dụng đường cong lãi suất xác định hệ số chuyển đổi

Thông tin tính toán

Tại ngày giao dịch lần 2 (01/06/2016), sử dụng đường cong lợi suất để định giá của trái phiếu gốc và trái phiếu tương đương như sau:

$$GG_1 = 107.229,65 \text{ đồng (*) và } GG_2 = 123.772,64 \text{ đồng (*)}$$

Xác định hệ số chuyển đổi

$$CF = \frac{GG_1}{GG_2} = \frac{107.229,65}{123.772,64} = 0,866344$$

Xác định khối lượng của trái phiếu tương đương

$$KI_2 = KI_1 \times CF = 1.000.000 \times 0,866344 = 866.344 \text{ trái phiếu}$$

Làm tròn lô trái phiếu

Làm tròn xuống lô trái phiếu về đơn vị hàng trăm trái phiếu, khối lượng trái phiếu tương đương cần chuyển giao là : 866.300 (trái phiếu)

Số tiền phát sinh từ việc làm tròn lô trái phiếu tương đương

$$RND = (KL_2 - KL \text{ làm tròn}) \times GG_2$$
$$= (866.344 - 866.300) \times 123.772,64 = 5.445.996 \text{ đồng (*)}$$

Giá trị thanh toán lần 1 (Theo tính toán tại phần I):

$$V_1 = 98.905.000.000 \text{ đồng.}$$

Lãi mua bán lại (Theo tính toán tại phần I):

$$L = 3.485.995.902 \text{ đồng. (*)}$$

Giá trị thanh toán lần 2

$$V_2 = V_1 + L - RND$$
$$= 98.905.000.000 + 3.485.995.902 - 5.445.996 = 102.385.549.905 \text{ đồng.}$$

Lưu ý: () thể hiện kết quả các bước trung gian hiển thị số làm tròn để dễ theo dõi.*

2. Sử dụng lợi suất kỳ vọng của trái phiếu gốc và trái phiếu tương đương do hai bên tự thỏa thuận

Thông tin giao dịch

Hai bên thỏa thuận về mức lợi suất kỳ vọng của trái phiếu gốc và trái phiếu tương đương như sau:

Lợi suất kỳ vọng tại ngày giao dịch lần 2 của trái phiếu gốc = 6%

Lợi suất kỳ vọng tại ngày giao dịch lần 2 của trái phiếu tương đương = 6,8%

Sử dụng tool tính toán của hệ thống giao dịch TPCP để tính giá tương ứng của các trái phiếu như sau:

$$GG_1 = 104.523,96 \text{ đồng (*)} \text{ và } GG_2 = 117.729,86 \text{ đồng (*)}$$

Xác định hệ số chuyển đổi

$$CF = \frac{GG_1}{GG_2} = \frac{104.523,96}{117.729,86} = 0,887829$$

Xác định khối lượng của trái phiếu tương đương

$$KL_2 = KL_1 \times CF = 1.000.000 \times 0,887829 = 887.829 \text{ trái phiếu}$$

Làm tròn lô trái phiếu

Làm tròn xuống lô trái phiếu về đơn vị hàng trăm trái phiếu, ta được khối lượng trái phiếu tương đương cần chuyển giao là : 887.800 (trái phiếu)

Số tiền phát sinh từ việc làm tròn lô trái phiếu tương đương

$$RND = (KL_2 - KL \text{ làm tròn}) \times GG_2$$
$$= (887.829 - 887.800) \times 117.729,86 = 3.414.166 \text{ đồng (*)}$$

Giá trị thanh toán lần 1 (Theo tính toán tại phần I):

$$V_1 = 98.905.000.000 \text{ đồng.}$$

Lãi mua bán lại (Theo tính toán tại phần I):

$$L = 3.485.995.902 \text{ đồng. (*)}$$

Giá trị thanh toán lần 2

$$V_2 = V_1 + L - RND$$
$$= 98.905.000.000 + 3.485.995.902 - 3.414.166 = 102.387.581.736 \text{ đồng.}$$

Lưu ý: () thể hiện kết quả các bước trung gian hiển thị số làm tròn để dễ theo dõi.*

3. Sử dụng lợi suất của trái phiếu gốc tại ngày giao dịch lần 1

Hai bên thỏa thuận tính CF dựa trên lợi suất của trái phiếu gốc tại ngày giao dịch lần một và có áp lãi phạt 3% khi sử dụng trái phiếu tương đương.

Tại ngày giao dịch 1, trái phiếu gốc TD1621446 có lợi suất giao dịch là 5,6001%. Sử dụng mức lợi suất này để tính giá của trái phiếu gốc và trái phiếu tương đương tại ngày giao dịch 2:

$$GG_1 = 106.129,72 \text{ đồng (*)}$$

$$GG_2 = 125.326,92 \text{ đồng (*)}$$

Xác định hệ số chuyển đổi

$$CF = \frac{GG_1}{GG_2} = \frac{106.129,72}{125.326,92} = 0,846823$$

Xác định khối lượng của trái phiếu tương đương

$$KL_2 = KL_1 \times CF = 1.000.000 \times 0,846823 = 846.823 \text{ trái phiếu}$$

Làm tròn lô trái phiếu :

Làm tròn xuống lô trái phiếu về đơn vị hàng trăm trái phiếu, ta được khối lượng trái phiếu tương đương cần chuyển giao là : 846.800 (trái phiếu)

Số tiền phát sinh từ việc làm tròn lô trái phiếu tương đương

$$RND = (KL_2 - KL \text{ làm tròn}) \times GG_2$$

$$= (846.823 - 846.800) \times 125.326,92 = 2.882.519 \text{ đồng (*)}$$

Lãi phạt khi sử dụng trái phiếu tương đương

$$\text{Lãi phạt} = GG_1 \times KL_1 \times \text{Lãi suất phạt}$$

$$= 106.129,72 \times 1.000.000 \times 3\% = 3.183.891.570 \text{ đồng (*)}$$

Giá trị thanh toán lần 1 (Theo tính toán tại phần I):

$$V_1 = 98.905.000.000 \text{ đồng.}$$

Lãi mua bán lại (Theo tính toán tại phần I):

$$L = 3.485.995.902 \text{ đồng.}$$

Giá trị thanh toán lần 2

$$V_2 = V_1 + L - RND - \text{Lãi phạt}$$

$$= 98.905.000.000 + 3.485.995.902 - 2.882.519 - 3.183.891.570$$

$$= 99.204.221.813 \text{ đồng.}$$

Lưu ý: () thể hiện kết quả các bước trung gian hiển thị số làm tròn để dễ theo dõi.*

4. Sử dụng giá của trái phiếu gốc và trái phiếu tương đương tại ngày giao dịch lần 1

Tại ngày GD 1, có giá gộp lãi của trái phiếu gốc $GG_1 = 104.110,93$ đồng(*)

và giá gộp lãi của trái phiếu tương đương $GG_2 = 115.664,12$ đồng(*)

Xác định hệ số chuyển đổi

$$CF = \frac{GG_1}{GG_2} = \frac{104.110,93}{115.664,12} = 0,900114$$

Xác định khối lượng của trái phiếu tương đương

$$KL_2 = KL_1 \times CF = 1.000.000 \times 0,900114 = 900.114 \text{ trái phiếu}$$

Làm tròn lô trái phiếu :

Làm tròn lô về đơn vị hàng trăm trái phiếu, ta được khối lượng trái phiếu tương đương cần chuyển giao là : 900.100 (trái phiếu)

Số tiền phát sinh từ việc làm tròn lô trái phiếu tương đương

$$RND = (KL_2 - KL \text{ làm tròn}) \times GG_2$$

$$= (900.114 - 900.100) \times 115.664,12 = 1.619.298 \text{ đồng (*)}$$

Giá trị thanh toán lần 1 (Theo tính toán trái phiếu gốc – phần III.1):

$$V_1 = 98.905.000.000 \text{ đồng.}$$

Lãi mua bán lại (Theo tính toán trái phiếu gốc – phần III.1):

$$L = 3.485.995.902 \text{ đồng. (*)}$$

Giá trị thanh toán lần 2

$$V_2 = V_1 + L - RND$$

$$= 98.905.000.000 + 3.485.995.902 - 1.619.298 = 102.389.376.604 \text{ đồng}$$

Lưu ý: () thể hiện kết quả các bước trung gian hiển thị số làm tròn để dễ theo dõi.*

Phụ lục XII/TP
GIAO DỊCH VAY TRÁI PHIẾU

(Ban hành kèm theo Quy chế Giao dịch trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương)

I. Giao dịch vay trái phiếu

1. Trái phiếu sử dụng trong giao dịch không phát sinh thu nhập trong thời hạn giao dịch vay

Thông tin trái phiếu vay: TD1525280

Trái phiếu TD1525280 có kỳ hạn 10 năm, phát hành ngày 15/03/2015, đáo hạn ngày 15/03/2025. Mệnh giá 100.000 đồng.

Trả lãi cuối kỳ vào ngày 15/03 hàng năm (1 lần/năm, $k=1$), lãi suất coupon $L_c=6,3\%$.

Thông tin trả lãi trái phiếu TD1525280 năm 2017:

Ngày trả lãi danh nghĩa năm 2017: 15/03/2017.

Ngày thực thanh toán lãi trái phiếu năm 2017: 15/03/2017.

Ngày đăng ký cuối cùng cho việc trả lãi trái phiếu năm 2017: 09/03/2017.

Thông tin về giao dịch vay

Ngày BĐGD: 01/11/2016

Giá yết: 102.000 đồng

Khối lượng vay: 1.000.000 trái phiếu tương đương với giá trị theo mệnh giá là 100 tỷ đồng .

Thời hạn thanh toán T+1.

Ngày thanh toán lần 1: 02/11/2016.

Thời hạn giao dịch vay T = 105 ngày.

Ngày thanh toán lần 2: 15/02/2017.

Ngày giao dịch lần 2: 14/02/2017.

Lãi suất vay trái phiếu: $R_v = 12\%/năm$

Tỷ lệ tài sản đảm bảo trên giá trị vay: $H = 90\%$

1/11/16

Lãi suất tính trên tài sản đảm bảo: $R = 2\%$

Thông tin tính toán

Số ngày thực tế của kỳ trả lãi trái phiếu có ngày thanh toán lần 1 (Từ ngày 15/03/2016 đến 15/03/2017): $E=365$.

Số ngày thực tế từ ngày thanh toán lần 1 (02/11/2016) đến ngày trả lãi trái phiếu tiếp theo (15/03/2017): $Dn= 133$.

Số ngày thực tế của năm mà ngày thanh toán lần 1 được xác định (năm 2016): 366 ngày.

Ngày thanh toán lần 1:

- Lãi coupon tích gộp:

$$Cc = MG \times Rc \times \frac{E-Dn}{E} = 100.000 \times 6,3\% \times \frac{365-133}{365} = 4.004 \text{ đồng (*)}$$

- Giá gộp lãi:

$$GG = G + Cc = 102.000 + 4.004 = 106.004 \text{ đồng (*)}$$

- Giá thực hiện:

$$GM = GG = 106.004 \text{ đồng}$$

- Giá trị trái phiếu trong giao dịch vay:

$$V = GM \times KL =$$

$$106.004 \times 1.000.000 = 106.004.000.000 \text{ đồng}$$

Giá trị tài sản đảm bảo trong giao dịch vay

$$V_1 = V \times H = 106.004.000.000 \times 90\% = 95.403.600.000 \text{ đồng}$$

Ngày thanh toán lần 2

- Xác định lãi vay trái phiếu:

$$LV = V \times R_v \times \frac{T}{\text{Số ngày thực tế của năm}}$$
$$= 106.004.000.000 \times 12\% \times \frac{105}{366} = 3.649.318.033 \text{ đồng (*)}$$

- Lãi phát sinh trên tài sản đảm:

$$L = V_1 \times R \times \frac{T}{\text{Số ngày thực tế của năm}}$$
$$= 95.403.600.000 \times 2\% \times \frac{105}{366} = 547.397.705 \text{ đồng (*)}$$

- Giá trị hoàn trả tài sản đảm bảo

$$V_2 = V_1 + L - LV$$

$$\approx 95.403.600.000 + 547.397.705 - 3.649.318.033$$

$$= 92.301.679.672 \text{ đồng}$$

Lưu ý: () thể hiện kết quả các bước trung gian hiển thị số làm tròn để dễ theo dõi.*

2. Trái phiếu sử dụng trong giao dịch có phát sinh thu nhập trong thời hạn giao dịch vay, hai bên thống nhất thanh toán lãi coupon bên ngoài hệ thống

Thông tin trái phiếu vay: TD1525280 tương tự phần 1.

Thông tin về giao dịch vay

Ngày BDGD: 01/11/2016

Giá yết: 102.000 đồng

Khối lượng vay: 1.000.000 trái phiếu tương đương với giá trị theo mệnh giá là 100 tỷ đồng.

Thời hạn thanh toán T+1.

Ngày thanh toán lần 1: 02/11/2016.

Thời hạn giao dịch vay T = 139 ngày.

Ngày thanh toán lần 2: 21/03/2017.

Ngày giao dịch lần 2: 20/03/2017.

Lãi suất vay trái phiếu: $R_v = 12\%/năm$

Tỷ lệ tài sản đảm bảo trên giá trị vay: $H = 90\%$

Lãi suất tính trên tài sản đảm bảo: $R = 2\%$

Thông tin tính toán

Số ngày thực tế của kỳ trả lãi trái phiếu có ngày thanh toán lần 1 (Từ ngày 15/03/2016 đến 15/03/2017): $E=365$.

Số ngày thực tế từ ngày thanh toán lần 1 (02/11/2016) đến ngày trả lãi trái phiếu tiếp theo (15/03/2017): $D_n= 133$.

Số ngày thực tế của năm mà ngày thanh toán lần 1 được xác định (năm 2016): 366 ngày.

Ngày thanh toán lần 1:

- Lãi coupon tích gộp:

$$C_c = MG \times R_c \times \frac{E - D_m}{E} = 100.000 \times 6,3\% \times \frac{365 - 133}{365} = 4.004 \text{ đồng (*)}$$

- Giá gộp lãi:

$$GG - G + C_c = 102.000 + 4.004 = 106.004 \text{ đồng (*)}$$

- Giá thực hiện:

$$GM = GG = 106.004 \text{ đồng}$$

- Giá trị trái phiếu trong giao dịch vay:

$$V - GM \times KL = 106.004 \times 1.000.000 = 1.060.040.000.000 \text{ đồng}$$

Giá trị tài sản đảm bảo trong giao dịch vay

$$V_1 = V \times H = 1.060.040.000.000 \times 90\% = 95.403.600.000 \text{ đồng}$$

Ngày thanh toán lần 2

- Xác định lãi vay trái phiếu:

$$LV = V \times R_v \times \frac{T}{\text{Số ngày thực tế của năm}}$$
$$= 1.060.040.000.000 \times 12\% \times \frac{139}{366} = 4.831.001.967 \text{ đồng (*)}$$

- Lãi phát sinh trên tài sản đảm bảo:

$$L = V_1 \times R \times \frac{T}{\text{Số ngày thực tế của năm}}$$
$$= 95.403.600.000 \times 2\% \times \frac{139}{366} = 724.650.295 \text{ đồng (*)}$$

- Giá trị hoàn trả tài sản đảm bảo:

$$V_2 = V_1 + L - LV$$
$$= 95.403.600.000 + 724.650.295 - 4.831.001.967 = 91.297.248.328 \text{ đồng.}$$

Lưu ý: () thể hiện kết quả các bước trung gian hiển thị số làm tròn để dễ theo dõi.*

3. Trái phiếu sử dụng trong giao dịch phát sinh thu nhập trong thời hạn giao dịch vay. Bên vay được nhận lãi trái phiếu vào thời điểm trước ngày thanh toán lần 2 và hai bên thỏa thuận thanh toán lãi qua hệ thống

Thông tin trái phiếu vay: TD1525280 tương tự phần 1.

Thông tin về giao dịch vay

Ngày BĐGD: 01/11/2016

Giá yết: 102.000 đồng

Khối lượng vay: 1.000.000 trái phiếu tương đương với giá trị theo mệnh giá là 100 tỷ đồng .

Thời hạn thanh toán T+1.

Ngày thanh toán lần 1: 02/11/2016.

Thời hạn giao dịch vay T = 139 ngày.

Ngày thanh toán lần 2: 21/03/2017.

Ngày giao dịch lần 2: 20/03/2017.

Lãi suất vay trái phiếu: $R_v = 12\%/năm$.

Tỷ lệ tài sản đảm bảo trên giá trị vay: $H = 90\%$.

Lãi suất tính trên tài sản đảm bảo: $R = 2\%$.

Lãi suất trên lãi coupon $R' = 10\%/năm$.

Thông tin tính toán

Số ngày thực tế của kỳ trả lãi trái phiếu có ngày thanh toán lần 1 (Từ ngày 15/03/2016 đến 15/03/2017): $E=365$.

Số ngày thực tế từ ngày thanh toán lần 1 (02/11/2016) đến ngày trả lãi trái phiếu tiếp theo (15/03/2017): $Dn= 133$.

Số ngày thực tế của năm mà ngày thanh toán lần 1 được xác định (năm 2016): 366 ngày.

Số ngày thực tế của năm có ngày thanh toán lãi coupon (năm 2017): 365 ngày.

Ngày thanh toán lần 1:

- Lãi coupon tích gộp:

$$C_c = MG \times R_c \times \frac{E-Dn}{E} = 100.000 \times 6,3\% \times \frac{365-133}{365} = 4.004 \text{ đồng (*)}$$

- Giá gộp lãi:

$$GG = G + Cc = 102.000 + 4.004 = 106.004 \text{ đồng (*)}$$

- Giá thực hiện:

$$GM = GG = 106.004 \text{ đồng}$$

- Giá trị trái phiếu trong giao dịch vay:

$$V = GM \times KL = 106.004 \times 1.000.000 = 106.004.000.000 \text{ đồng}$$

Giá trị tài sản đảm bảo trong giao dịch vay

$$V_1 = V \times H = 106.004.000.000 \times 90\% = 95.403.600.000 \text{ đồng}$$

Ngày thanh toán lần 2

- Xác định lãi vay trái phiếu:

$$I.V = V \times R_v \times \frac{T}{\text{Số ngày thực tế của năm}}$$

$$= 106.004.000.000 \times 12\% \times \frac{139}{366} = 4.831.001.967 \text{ đồng (*)}$$

- Lãi phát sinh trên tài sản đảm:

$$L = V_1 \times R \times \frac{T}{\text{Số ngày thực tế của năm}}$$

$$= 95.403.600.000 \times 2\% \times \frac{139}{366} = 724.650.295 \text{ đồng (*)}$$

- Lãi coupon phát sinh trong kỳ hạn vay :

$$GL = Rc \times MG \times KL = 6,3\% \times 100.000 \times 1.000.000 = 6.300.000.000 \text{ đồng}$$

- Trong giao dịch vay này, người đi vay nhận lãi coupon 1 lần vào ngày 15/03/2017. Người đi vay sẽ trả lại lãi coupon nhận được cho người cho vay vào ngày thanh toán lần 2 (ngày 21/03/2017). Tuy nhiên ngày thanh toán lần 2 diễn ra sau ngày thực thanh toán lãi trái phiếu nên người cho vay sẽ được nhận phần lãi trên lãi coupon này trong thời gian 06 ngày từ ngày 15/03/2017 đến ngày 21/03/2017.

- Lãi coupon và lãi trên lãi coupon phát sinh:

$$CPN = GL + GL \times R \times \frac{\text{Ngày thanh toán lần 2 - Ngày thực thanh toán lãi trái phiếu}}{\text{Số ngày thực tế của năm}}$$

$$= 6.300.000.000 + 6.300.000.000 \times 10\% \times \frac{6}{365}$$

$$= 6.310.356.164 \text{ đồng (*)}$$

- Giá trị hoàn trả tài sản đảm bảo

$$V_2 = V_1 + L - LV - CPN$$

$$= 95.403.600.000 + 724.650.295 - 4.831.001.967 - 6.310.356.164$$

$$= 84.986.892.163 \text{ đồng}$$

Lưu ý: (*) thể hiện kết quả các bước trung gian hiển thị số làm tròn để dễ theo dõi.

4. Trái phiếu sử dụng trong giao dịch phát sinh thu nhập trong thời hạn giao dịch vay. Bên vay được nhận lãi trái phiếu vào thời điểm sau ngày thanh toán lần 2 và hai bên thỏa thuận thanh toán lãi qua hệ thống

Thông tin trái phiếu vay: TD1525280 tương tự phần 1.

Thông tin về giao dịch vay

Ngày BGD: 01/11/2016

Giá yết: 102.000 đồng

Khối lượng vay: 1.000.000 trái phiếu tương đương với giá trị theo mệnh giá là 100 tỷ đồng .

Thời hạn thanh toán T+1.

Ngày thanh toán lần 1: 02/11/2016.

Thời hạn giao dịch vay T = 128 ngày.

Ngày thanh toán lần 2: 10/03/2017.

Ngày giao dịch lần 2: 09/03/2017.

Lãi suất vay trái phiếu: $R_v = 12\%/năm$.

Tỷ lệ tài sản đảm bảo trên giá trị vay: $H = 90\%$.

Lãi suất tính trên tài sản đảm bảo: $R = 2\%$.

Lãi suất trên lãi coupon $R' = 10\%/năm$.

Thông tin tính toán

Số ngày thực tế của kỳ trả lãi trái phiếu có ngày thanh toán lần 1 (Từ ngày 15/03/2016 đến 15/03/2017): $E=365$.

Số ngày thực tế từ ngày thanh toán lần 1 (02/11/2016) đến ngày trả lãi trái phiếu tiếp theo (15/03/2017): $D_n= 133$.



7/2
n

Số ngày thực tế của năm mà ngày thanh toán lần 1 được xác định (năm 2016): 366 ngày.

Số ngày thực tế của năm có ngày thanh toán lãi coupon (năm 2017): 365 ngày.

Ngày thanh toán lần 1:

- Lãi coupon tích gộp:

$$Cc = MG \times Rc \times \frac{R - T_m}{E} = 100.000 \times 6,3\% \times \frac{365 - 133}{365} = 4.004 \text{ đồng (*)}$$

- Giá gộp lãi:

$$GG = G + Cc = 102.000 + 4.004 = 106.004 \text{ đồng (*)}$$

- Giá thực hiện:

$$GM = GG = 106.004 \text{ đồng}$$

- Giá trị trái phiếu trong giao dịch vay:

$$V = GM \times KI. = 106.004 \times 1.000.000 = 106.004.000.000 \text{ đồng}$$

Giá trị tài sản đảm bảo trong giao dịch vay

$$V_1 = V \times H = 106.004.000.000 \times 90\% = 95.403.600.000 \text{ đồng}$$

Ngày thanh toán lần 2

- Xác định lãi vay trái phiếu:

$$LV = V \times R_v \times \frac{T}{\text{Số ngày thực tế của năm}}$$
$$= 106.004.000.000 \times 12\% \times \frac{128}{366} = 4.448.692.459 \text{ đồng (*)}$$

- Lãi phát sinh trên tài sản đảm:

$$L = V_1 \times R \times \frac{T}{\text{Số ngày thực tế của năm}}$$
$$95.403.600.000 \times 2\% \times \frac{128}{366} = 667.303.869 \text{ đồng (*)}$$

- Lãi coupon phát sinh trong kỳ hạn vay :

$$GL = Rc \times MG \times KL = 6,3\% \times 100.000 \times 1.000.000 = 6.300.000.000 \text{ đồng}$$

- Trong giao dịch vay này, người đi vay nhận lãi coupon vào ngày 15/03/2017. Người đi vay sẽ trả lại lãi coupon nhận được cho người cho vay vào ngày thanh toán lần 2 (ngày 10/03/2017). Tuy nhiên ngày thanh toán của giao dịch lần 2 diễn ra trước ngày thực thanh toán lãi trái phiếu nên người đi vay sẽ

được nhận phần lãi trên lãi coupon này trong thời gian 05 ngày từ ngày 10/03 đến ngày 15/03/2017.

- Lãi coupon và lãi trên lãi coupon phát sinh:

$$CPN = GL + GL \times R \times \frac{\text{Ngày thanh toán lần 2} - \text{Ngày thực thanh toán lãi trái phiếu}}{\text{Số ngày thực tế của năm}}$$

$$= 6.300.000.000 + 6.300.000.000 \times 10\% \times \left(\frac{-5}{365}\right)$$

$$= 6.291.369.863 \text{ đồng (*)}$$

- Giá trị hoàn trả tài sản đảm bảo

$$V_2 = V_1 + L - LV - CPN$$

$$= 95.403.600.000 + 667.303.869 - 4.448.692.459 - 6.291.369.863$$

$$= 85.330.841.547 \text{ đồng}$$

Lưu ý: () thể hiện kết quả các bước trung gian hiển thị số làm tròn để dễ theo dõi.*

II. Sửa giao dịch vay trái phiếu

1. Giao dịch vay gốc

Giao dịch vay gốc là giao dịch của mục 3 phần I nói trên

2. Giao dịch vay sửa đổi

Ngày sửa giao dịch vay: 20/02/2017

Ngày thanh toán lần 2 mới: 31/03/2017

Ngày giao dịch lần 2 mới: 30/03/2017

Thời hạn giao dịch vay tính từ thời điểm thanh toán lần 1 (02/11/2016) đến thời điểm sửa giao dịch (20/02/2017): T1= 110 ngày

Thời hạn giao dịch vay tính từ thời điểm sửa giao dịch (20/02/2017) đến ngày thanh toán lần 2 mới (31/03/2017): T2=39 ngày

Lãi suất vay mới: $R_v' = 14\%/năm$

Lãi suất tính trên tài sản đảm bảo mới: 3%

Thông tin tính toán

Ngày sửa giao dịch vay

Số ngày tính từ thời điểm thanh toán lần 1 đến thời điểm sửa giao dịch vay
T1 = 110 ngày (Tính từ ngày 02/11/2016 đến 20/02/2017).

Số ngày thực tế của năm có ngày thanh toán lần 1 (năm 2016): 366 ngày.

Lãi vay trái phiếu từ ngày thanh toán lần 1 đến ngày sửa giao dịch

$$LV_1 = V \times R_v \times \frac{T_1}{\text{Số ngày thực tế của năm}}$$
$$= 106.004.000.000 \times 12 \% \times \frac{110}{366} = 3.823.095.082 \text{ đồng (*)}$$

Lãi phát sinh trên tài sản đảm bảo từ TT1 đến ngày sửa giao dịch

$$L_1 = V_1 \times R \times \frac{T_1}{\text{Số ngày thực tế của năm}}$$
$$= 95.403.600.000 \times 2 \% \times \frac{110}{366} = 573.464.262 \text{ đồng (*)}$$

Ngày thanh toán lần 2

Số ngày tính từ thời điểm sửa giao dịch đến ngày thanh toán lần 2 mới T2 =
39 ngày (Tính từ ngày 20/02/2017 đến 31/03/2017).

Số ngày thực tế của năm có ngày sửa giao dịch (năm 2017) là 365 ngày.

Số ngày thực tế của năm có ngày thanh toán lãi coupon (năm 2017): 365 ngày.

Lãi vay trái phiếu từ thời điểm sửa giao dịch đến ngày thanh toán lần 2 mới

$$LV_2 = V \times R_{v,1} \times \frac{T_2}{\text{Số ngày thực tế của năm}_1}$$
$$= 106.004.000.000 \times 14 \% \times \frac{39}{365} = 1.585.703.671 \text{ đồng (*)}$$

Lãi phát sinh trên tài sản đảm bảo từ thời điểm sửa giao dịch đến ngày thanh toán lần 2 mới

$$L_2 = (V_1 + L_1) \times R_l \times \frac{T_2}{\text{Số ngày thực tế của năm}_1}$$
$$= (95.403.600.000 + 573.464.262) \times 3 \% \times \frac{39}{365} = 307.652.507 \text{ đồng (*)}$$

Tổng lãi vay trái phiếu

$$LV = LV_1 + LV_2 = 3.823.095.082 + 1.585.703.671 = 5.408.798.753 \text{ đồng} \\ (*)$$

Tổng lãi phát sinh trên tài sản đảm bảo:

$$L = L_1 + L_2 = 573.464.262 + 307.652.507 = 881.116.770 \text{ đồng} (*)$$

- Lãi coupon phát sinh trong kỳ hạn vay :

$$GL = Rc \times MG \times KL = 6,3\% \times 100.000 \times 1.000.000 = 6.300.000.000 \text{ đồng}$$

- Trong giao dịch vay này, người đi vay nhận lãi coupon 1 lần vào ngày 15/03/2017. Người đi vay sẽ trả lại lãi coupon nhận được cho người cho vay vào ngày thanh toán lần 2 mới (ngày 31/03/2017). Tuy nhiên ngày thanh toán lần 2 diễn ra sau ngày thực thanh toán lãi trái phiếu nên người cho vay sẽ được nhận phần lãi trên lãi coupon này trong thời gian 16 ngày từ ngày 15/03/2017 đến ngày 31/03/2017.

- Lãi coupon và lãi trên lãi coupon phát sinh:

$$CPN = GL + GL \times R \times \frac{\text{Ngày thanh toán lần 2} - \text{Ngày thực thanh toán lãi trái phiếu}}{\text{Số ngày thực tế của năm}}$$

$$= 6.300.000.000 + 6.300.000.000 \times 10\% \times \frac{16}{365}$$

$$= 6.327.616.438 \text{ đồng} (*)$$

Giá trị hoàn trả tài sản đảm bảo

$$V_2 = V_1 + L - LV - CPN$$

$$= 95.403.600.000 + 881.116.770 - 5.408.798.753 - 6.327.616.438$$

$$= 84.548.301.578 \text{ đồng}$$

Lưu ý: () thể hiện kết quả các bước trung gian hiển thị số làm tròn để dễ theo dõi.*

III. Sử dụng trái phiếu tương đương trong giao dịch vay trái phiếu

Thông tin trái phiếu gốc: TD1621446

Trái phiếu TD1621446 có kỳ hạn 5 năm, phát hành ngày 07/01/2016, đáo hạn ngày 07/01/2021. Mệnh giá 100.000 đồng.

Trái phiếu thanh toán lãi định kỳ tiêu chuẩn, trả lãi cuối kỳ vào ngày 07/01 hàng năm (1 lần/năm, k=1), lãi suất coupon $L_c = 6,5\%$

Thông tin trả lãi trái phiếu năm 2017

Ngày trả lãi danh nghĩa năm 2017: 07/01/2017.

Ngày thực thanh toán lãi trái phiếu năm 2017: 09/01/2017.

Ngày đăng ký cuối cùng cho việc trả lãi trái phiếu năm 2017: 03/01/2017.

Thông tin về giao dịch vay

Ngày BĐGD: 22/01/2016

Ngày thanh toán lần 1: 25/01/2016

Giá yết = 103.791 đồng

Ngày KTGD: 01/06/2016

Ngày thanh toán lần 2: 02/06/2016

Thời hạn vay: 129 ngày

Khối lượng vay: 1.000.000 tương ứng với giá trị mệnh giá là 100 tỷ đồng

Lãi suất vay trái phiếu: $R_V = 12\%$

Tỷ lệ tài sản đảm bảo trên giá trị vay: $H = 90\%$

Lãi suất tính trên tài sản đảm bảo: $R = 2\%$

Thông tin tính toán

Số ngày thực tế của kỳ trả lãi trái phiếu có ngày thanh toán lần 1 (Từ ngày 07/01/2016 đến 07/01/2017): $E=366$.

Số ngày thực tế từ ngày thanh toán lần 1 (25/01/2016) đến ngày trả lãi trái phiếu tiếp theo (07/01/2017): $D_n= 348$.

Số ngày thực tế của năm mà ngày thanh toán lần 1 được xác định (năm 2016): 366 ngày.

Ngày thanh toán lần 1:

- Lãi coupon tích gộp:

$$C_c = MG \times R_c \times \frac{E-D_n}{E} = 100.000 \times 6,5\% \times \frac{366-348}{366} = 320 \text{ đồng } (*)$$

- Giá gộp lãi:

$$GG = G + C_c = 103.791 + 320 = 104.111 \text{ đồng } (*)$$

- Giá thực hiện:

$$GM = G = 104.111 \text{ đồng}$$

- Giá trị trái phiếu trong giao dịch vay:

$$V = GM \times KL = 104.111 \times 1.000.000 = 104.111.000.000 \text{ đồng}$$

- Giá trị tài sản đảm bảo:

$$V_1 = V \times H = 104.111.000.000 \times 90\% = 93.699.900.000 \text{ đồng}$$

Ngày thanh toán lần 2

- Xác định lãi vay trái phiếu:

$$LV = V \times R_v \times \frac{T}{\text{Số ngày thực tế của năm}}$$

$$= 104.111.000.000 \times 12\% \times \frac{129}{366} = 4.403.383.279 \text{ đồng (*)}$$

- Lãi phát sinh trên tài sản đảm:

$$L = V_1 \times R \times \frac{T}{\text{Số ngày thực tế của năm}}$$

$$= 93.699.900.000 \times 2\% \times \frac{129}{366} = 660.507.492 \text{ đồng (*)}$$

- Giá trị hoàn trả tài sản đảm bảo:

$$V_2 = V_1 + L - LV$$

$$= 93.699.900.000 + 660.507.492 - 4.403.383.279$$

$$= 89.957.024.213 \text{ đồng.}$$

Lưu ý: (*) thể hiện kết quả các bước trung gian hiển thị số làm tròn để dễ theo dõi.

Thông tin trái phiếu tương đương: TD1323032

Trái phiếu TD1323032 có kỳ hạn 10 năm, phát hành ngày 30/09/2013, đáo hạn ngày 30/09/2023. Mệnh giá 100.000 đồng.

Trái phiếu thanh toán lãi định kỳ tiêu chuẩn, trả lãi cuối kỳ vào ngày 30/09 hàng năm (1 lần/năm, k=1), lãi suất coupon $L_c = 8,9\%$

Lựa chọn có làm tròn lô trái phiếu tương đương: Hai bên thỏa thuận làm tròn xuống, đơn vị làm tròn về hàng trăm (trái phiếu).

Số tiền phát sinh từ việc làm tròn lô trái phiếu tương đương được các bên thanh toán qua hệ thống.

1. Sử dụng đường cong lãi suất xác định hệ số chuyển đổi

Thông tin tính toán

Tại ngày giao dịch lần 2 (01/06/2016), sử dụng đường cong lợi suất để định giá của trái phiếu gốc và trái phiếu tương đương như sau:

$$GG_1 = 107.229,65 \text{ đồng (*) và } GG_2 = 123.772,64 \text{ đồng (*)}$$

Xác định hệ số chuyển đổi

$$CF = \frac{GG_2}{GG_1} = \frac{107.229,65}{123.772,64} = 0,866311$$

Xác định khối lượng của trái phiếu tương đương

$$KL_2 = KL_1 \times CF = 1.000.000 \times 0,866344 = 866.344 \text{ trái phiếu}$$

Làm tròn lô trái phiếu

Hai bên thỏa thuận làm tròn xuống lô trái phiếu về đơn vị hàng trăm trái phiếu, khối lượng trái phiếu tương đương cần chuyển giao là : 866.300 (trái phiếu)

Số tiền phát sinh từ việc làm tròn lô trái phiếu tương đương

$$RND = (KL_2 - KL \text{ làm tròn}) \times GG_2$$

$$= (866.344 - 866.300) \times 123.772,64 = 5.445.996 \text{ đồng (*)}$$

Giá trị tài sản đảm bảo (Theo thông tin tính toán của trái phiếu gốc)

$$V_1 = 93.699.900.000 \text{ đồng}$$

Lãi vay trái phiếu (Theo thông tin tính toán của trái phiếu gốc)

$$LV = 4.403.383.279 \text{ đồng (*)}$$

Lãi phát sinh trên tài sản đảm (Theo thông tin tính toán của trái phiếu gốc)

$$L = 660.507.492 \text{ đồng. (*)}$$

Giá trị thanh toán lần 2

$$V_2 - V_1 + L - LV - RND$$

$$= 93.699.900.000 + 660.507.492 - 4.403.383.279 - 5.445.996$$

$$= 89.951.578.217 \text{ đồng.}$$

Lưu ý: () thể hiện kết quả các bước trung gian hiển thị số làm tròn để dễ theo dõi.*

2. Sử dụng lợi suất kỳ vọng cho ngày thanh toán lần 2

Thông tin giao dịch

Hai bên thỏa thuận về mức lợi suất kỳ vọng của trái phiếu gốc và trái phiếu tương đương như sau:

Lợi suất kỳ vọng tại ngày giao dịch lần 2 của trái phiếu gốc = 6%

Lợi suất kỳ vọng tại ngày giao dịch lần 2 của trái phiếu tương đương = 6,8%

Sử dụng tool tính toán của hệ thống giao dịch TPCP để tính giá tương ứng của các trái phiếu như sau:

$$GG_1 = 104.523,96 \text{ đồng (*) và } GG_2 = 117.729,86 \text{ đồng (*)}$$

Xác định hệ số chuyển đổi

$$CF = \frac{GG_1}{GG_2} = \frac{104.523,96}{117.729,86} = 0,887829$$

Xác định khối lượng của trái phiếu tương đương

$$KL_2 = KL_1 \times CF = 1.000.000 \times 0,887829 = 887.829 \text{ trái phiếu}$$

Làm tròn lô trái phiếu

Hai bên thỏa thuận làm tròn xuống lô trái phiếu về đơn vị hàng trăm trái phiếu, khối lượng trái phiếu tương đương cần chuyển giao là: 887.800 (trái phiếu)

Số tiền phát sinh từ việc làm tròn lô trái phiếu tương đương

$$RND = (KL_2 - KL \text{ làm tròn}) \times GG_2 \\ = (887.829 - 887.800) \times 117.729,86 = 3.414.166 \text{ đồng (*)}$$

Giá trị tài sản đảm bảo (Theo thông tin tính toán của trái phiếu gốc)

$$V_1 = 93.699.900.000 \text{ đồng}$$

Lãi vay trái phiếu (Theo thông tin tính toán của trái phiếu gốc)

$$LV = 4.403.383.279 \text{ đồng (*)}$$

Lãi phát sinh trên tài sản đảm (Theo thông tin tính toán của trái phiếu gốc)

$$L = 660.507.492 \text{ đồng (*)}$$

Giá trị thanh toán lần 2

$$V_2 = V_1 + L - LV - RND \\ = 93.699.900.000 + 660.507.492 - 4.403.383.279 - 3.414.166 \\ = 89.953.610.047 \text{ đồng.}$$

Lưu ý: () thể hiện kết quả các bước trung gian hiển thị số làm tròn để dễ theo dõi.*

3. Sử dụng lợi suất của trái phiếu gốc tại ngày giao dịch lần 1

Hai bên thỏa thuận tính CF dựa trên lợi suất của trái phiếu gốc tại ngày giao dịch lần một và có áp lãi phạt 3% khi sử dụng trái phiếu tương đương.

Tại ngày giao dịch 1, trái phiếu gốc TD1621446 có lợi suất giao dịch là 5,6001%. Sử dụng mức lợi suất này để tính giá của trái phiếu gốc và trái phiếu tương đương tại ngày giao dịch 2:

$$GG_1 = 106.129,72 \text{ đồng (*)}$$

$$GG_2 = 125.326,92 \text{ đồng (*)}$$

Xác định hệ số chuyển đổi

$$CF = \frac{GG_1}{GG_2} = \frac{106.129,72}{125.326,92} = 0,846823$$

Xác định khối lượng của trái phiếu tương đương

$$KL_2 = KL_1 \times CF = 1.000.000 \times 0,846823 = 846.823 \text{ trái phiếu}$$

Làm tròn lô trái phiếu :

Hai bên thỏa thuận làm tròn xuống lô trái phiếu về đơn vị hàng trăm trái phiếu, khối lượng trái phiếu tương đương cần chuyển giao là : 846.800 (trái phiếu)

Số tiền phát sinh từ việc làm tròn lô trái phiếu tương đương

$$\begin{aligned} RND &= (KL_2 - KL \text{ làm tròn}) \times GG_2 \\ &= (846.823 - 846.800) \times 125.326,92 = 2.882.519 \text{ đồng (*)} \end{aligned}$$

Lãi phạt khi sử dụng trái phiếu tương đương

$$\begin{aligned} \text{Lãi phạt} &= GG_1 \times KL_1 \times \text{Lãi suất phạt} \\ &= 106.129,72 \times 1.000.000 \times 3\% = 3.183.891.570 \text{ đồng (*)} \end{aligned}$$

Giá trị tài sản đảm bảo (Theo thông tin tính toán của trái phiếu gốc)

$$V_1 = 93.699.900.000 \text{ đồng}$$

Lãi vay trái phiếu (Theo thông tin tính toán của trái phiếu gốc)

$$LV = 4.403.383.279 \text{ đồng (*)}$$

Lãi phát sinh trên tài sản đảm (Theo thông tin tính toán của trái phiếu gốc)

$$L = 660.507.492 \text{ đồng (*)}$$

Giá trị thanh toán lần 2

$$\begin{aligned} V_2 &= V_1 + L - LV - RND - \text{Lãi phạt} \\ &= 93.699.900.000 + 660.507.492 - 4.403.383.279 - 2.882.519 - 3.183.891.570 \\ &= 86.770.250.124 \text{ đồng} \end{aligned}$$

Lưu ý: (*) thể hiện kết quả các bước trung gian hiển thị số làm tròn để dễ theo dõi.

4. Sử dụng giá của trái phiếu gốc và trái phiếu tương đương tại ngày giao dịch lần 1

Tại ngày GD 1 có giá gộp lãi của trái phiếu gốc $GG_1 = 104.110,93$ đồng (*) và giá gộp lãi của trái phiếu tương đương $GG_2 = 115.664,12$ đồng (*)

Xác định hệ số chuyển đổi

$$CF = \frac{GG_1}{GG_2} = \frac{104.110,93}{115.664,12} = 0,900114$$

Xác định khối lượng của trái phiếu tương đương

$$KL_2 = KL_1 \times CF = 1.000.000 \times 0,900114 = 900.114 \text{ trái phiếu}$$

Làm tròn lô trái phiếu :

Hai bên thỏa thuận làm tròn lô về đơn vị hàng trăm trái phiếu, khối lượng trái phiếu tương đương cần chuyển giao là : 900.100 (trái phiếu)

Số tiền phát sinh từ việc làm tròn lô trái phiếu tương đương

$$RND = (KL_2 - KL \text{ làm tròn}) \times GG_2$$

$$= (900.114 - 900.100) \times 115.664,12 = 1.619.298 \text{ đồng (*)}$$

Giá trị tài sản đảm bảo (Theo thông tin tính toán của trái phiếu gốc)

$$V_1 = 93.699.900.000 \text{ đồng}$$

Lãi vay trái phiếu (Theo thông tin tính toán của trái phiếu gốc)

$$LV = 4.403.383.279 \text{ đồng (*)}$$

Lãi phát sinh trên tài sản đảm (Theo thông tin tính toán của trái phiếu gốc)

$$L = 660.507.492 \text{ đồng (*)}$$

Giá trị thanh toán lần 2

$$V_2 = V_1 + L - LV - RND$$

$$= 93.699.900.000 + 660.507.492 - 4.403.383.279 - 1.619.298$$

$$= 89.955.404.915 \text{ đồng.}$$

Lưu ý: (*) thể hiện kết quả các bước trung gian hiển thị số làm tròn để dễ theo dõi.

Phụ lục XIII/TP
GIAO DỊCH BÁN KẾT HỢP MUA LẠI

*(Ban hành kèm theo Quy chế Giao dịch trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ
bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương)*

L. Giao dịch bán kết hợp mua lại

Thông tin trái phiếu giao dịch: TD1621446

Trái phiếu TD1621446 có kỳ hạn 5 năm, phát hành ngày 07/01/2016, đáo hạn ngày 07/01/2021. Mệnh giá 100.000 đồng.

Trái phiếu thanh toán lãi định kỳ tiêu chuẩn, trả lãi cuối kỳ vào ngày 07/01 hàng năm (1 lần/năm, $k=1$), lãi suất coupon $L_c = 6,5\%$

Thông tin trả lãi trái phiếu

Ngày trả lãi danh nghĩa năm 2017: 07/01/2017

Ngày thanh toán thực năm 2017: 09/01/2017

Ngày đăng ký cuối cùng cho việc trả lãi trái phiếu năm 2017: 03/01/2017

Thông tin giao dịch

Ngày giao dịch lần một: 22/01/2016

Ngày thanh toán lần một: 25/01/2016

Khối lượng giao dịch: 1.000.000

Giá yết lần một: 103.791 đồng

Ngày giao dịch lần hai: 01/06/2016

Ngày thanh toán lần hai: 02/06/2016

Giá yết lần hai: 102.000 đồng

Thông tin tính toán

Số ngày thực tế của kỳ trả lãi trái phiếu có ngày thanh toán lần 1 và ngày thanh toán lần 2 (từ 07/01/2016 đến 07/01/2017): $E=366$.

Số ngày thực tế kể từ ngày thanh toán lần một (25/01/2016) đến ngày trả lãi danh nghĩa gần nhất (07/01/2017): 348 ngày.

Số ngày thực tế kể từ ngày thanh toán lần hai (02/06/2016) đến ngày trả lãi danh nghĩa gần nhất (07/01/2017): 219 ngày.

Xác định giá trị giao dịch lần 1

Lãi coupon tích gộp:

$$Cc = MG \times Rc \times \frac{E - Dn}{E} = 100.000 \times 6,5\% \times \frac{366 - 318}{366} = 320 \text{ đồng (*)}$$

- Giá gộp lãi:

$$GG_1 = G + Cc = 103.791 + 320 = 104.111 \text{ đồng (*)}$$

- Giá thực hiện giao dịch lần 1:

$$GM_1 = GG_1 = 104.111 \text{ đồng}$$

- Giá trị giao dịch lần 1:

$$V_1 = GM_1 \times KL = 104.111 \times 1.000.000 = 104.111.000.000 \text{ đồng}$$

Xác định giá trị giao dịch lần 2

Lãi coupon tích gộp:

$$Cc = MG \times Rc \times \frac{E - Dn}{E} = 100.000 \times 6,5\% \times \frac{366 - 219}{366} = 2.611 \text{ đồng (*)}$$

- Giá gộp lãi:

$$GG_2 = G + Cc = 102.000 + 2.611 = 104.611 \text{ đồng (*)}$$

- Giá thực hiện giao dịch lần 2:

$$GM_2 = GG_2 = 104.611 \text{ đồng}$$

- Giá trị giao dịch lần 2:

$$V_2 = GM_2 \times KL = 104.611 \times 1.000.000 = 104.611.000.000 \text{ đồng}$$

Lưu ý: (*) thể hiện kết quả các bước trung gian hiển thị số làm tròn để dễ theo dõi.

II. Sử dụng trái phiếu tương đương trong giao dịch bán kết hợp mua lại

Thông tin trái phiếu gốc: TD1621446

Giao dịch bán kết hợp mua lại tương tự ở phần I phụ lục này.

Thông tin trái phiếu tương đương: TD1323032

Trái phiếu TD1323032 có kỳ hạn 10 năm, phát hành ngày 30/09/2013, đáo hạn ngày 30/09/2023. Mệnh giá 100.000 đồng.

Trái phiếu thanh toán lãi định kỳ tiêu chuẩn, trả lãi cuối kỳ vào ngày 30/09 hàng năm (1 lần/năm, $k=1$), lãi suất coupon $L_c = 8,9\%$

Lựa chọn có làm tròn lô trái phiếu tương đương: Hai bên thỏa thuận làm tròn xuống, đơn vị làm tròn về hàng trăm (trái phiếu).

Số tiền phát sinh từ việc làm tròn lô trái phiếu tương đương được các bên thanh toán qua hệ thống.

1. Sử dụng đường cong lãi suất xác định hệ số chuyển đổi

Thông tin tính toán

Tại ngày giao dịch lần 2 (01/06/2016), sử dụng đường cong lợi suất để định giá của trái phiếu gốc và trái phiếu tương đương như sau:

$$GG_1 = 107.229,65 \text{ đồng (*) và } GG_2 = 123.772,64 \text{ đồng (*)}$$

Xác định hệ số chuyển đổi

$$CF = \frac{GG_1}{GG_2} = \frac{107.229,65}{123.772,64} = 0,866344$$

Xác định khối lượng của trái phiếu tương đương

$$KL_2 = KL_1 \times CF = 1.000.000 \times 0,866344 = 866.344 \text{ trái phiếu}$$

Làm tròn lô trái phiếu

Hai bên thỏa thuận làm tròn xuống lô trái phiếu về đơn vị hàng trăm trái phiếu, khối lượng trái phiếu tương đương cần chuyển giao là : 866.300 (trái phiếu)

Số tiền phát sinh từ việc làm tròn lô trái phiếu tương đương

$$RND = (KL_2 - KL \text{ làm tròn}) \times GG_2 \\ = (866.344 - 866.300) \times 123.772,64 = 5.445.996 \text{ đồng (*)}$$

Giá trị thanh toán lần 2

$$V_2 = GM_2 \times KL - RND \\ = 104.611 \times 1.000.000 - 5.445.996 \\ = 104.605.554.004 \text{ đồng}$$

Lưu ý: (*) thể hiện kết quả các bước trung gian hiển thị số làm tròn để dễ theo dõi.

2. Sử dụng lợi suất kỳ vọng của trái phiếu gốc và trái phiếu tương đương do hai bên tự thỏa thuận

Thông tin giao dịch

Hai bên thỏa thuận về mức lợi suất kỳ vọng của trái phiếu gốc và trái phiếu tương đương như sau:

Lợi suất kỳ vọng tại ngày giao dịch lần 2 của trái phiếu gốc = 6%

Lợi suất kỳ vọng tại ngày giao dịch lần 2 của trái phiếu tương đương = 6,8%

Sử dụng tool tính toán của hệ thống giao dịch TPCP để tính giá gộp lãi của các trái phiếu như sau:

$$GG_1 \approx 104.523,96 \text{ đồng (*) và } GG_2 \approx 117.729,86 \text{ đồng (*)}$$

Xác định hệ số chuyển đổi

$$CF = \frac{GG_1}{GG_2} = \frac{104.523,96}{117.729,86} = 0,887829$$

Xác định khối lượng của trái phiếu tương đương

$$KL_2 = KL_1 \times CF = 1.000.000 \times 0,887829 = 887.829 \text{ trái phiếu}$$

Làm tròn lô trái phiếu

Hai bên thỏa thuận làm tròn xuống lô trái phiếu về đơn vị hàng trăm trái phiếu, khối lượng trái phiếu tương đương cần chuyển giao là : 887.800 (trái phiếu)

Số tiền phát sinh từ việc làm tròn lô trái phiếu tương đương

$$RND = (KL_2 - KL \text{ làm tròn}) \times GG_2 \\ = (887.829 - 887.800) \times 117.729,86 = 3.414.166 \text{ đồng (*)}$$

Giá trị thanh toán lần 2

$$V_2 = GM_2 \times KL - RND \\ \approx 104.611 \times 1.000.000 - 3.414.166 \approx 104.607.585.834 \text{ đồng}$$

Lưu ý: (*) thể hiện kết quả các bước trung gian hiển thị số làm tròn để dễ theo dõi.

3. Sử dụng lợi suất của trái phiếu gốc tại ngày giao dịch lần 1

Hai bên thỏa thuận tính CF dựa trên lợi suất của trái phiếu gốc tại ngày giao dịch lần một và có áp lãi phạt 3% khi sử dụng trái phiếu tương đương.

Tại ngày giao dịch 1, trái phiếu gốc TD1621446 có lợi suất giao dịch là 5,6001%. Sử dụng mức lợi suất này để tính giá của trái phiếu gốc và trái phiếu tương đương tại ngày giao dịch 2:

$$GG_1 = 106.129,72 \text{ đồng (*)}$$

$$GG_2 = 125.326,92 \text{ đồng (*)}$$

Xác định hệ số chuyển đổi

$$CF = \frac{GG_1}{GG_2} = \frac{106.129,72}{125.326,92} = 0,846823$$

Xác định khối lượng của trái phiếu tương đương

$$KL_2 = KL_1 \times CF = 1.000.000 \times 0,846823 = 846.823 \text{ trái phiếu}$$

Làm tròn lô trái phiếu :

Hai bên thỏa thuận làm tròn xuống lô trái phiếu về đơn vị hàng trăm trái phiếu, khối lượng trái phiếu tương đương cần chuyển giao là : 846.800 (trái phiếu)

Số tiền phát sinh từ việc làm tròn lô trái phiếu tương đương

$$RND = (KL_2 - KL \text{ làm tròn}) \times GG_2$$

$$= (846.823 - 846.800) \times 125.326,92 = 2.882.519 \text{ đồng (*)}$$

Lãi phạt khi sử dụng trái phiếu tương đương

$$\text{Lãi phạt} = GG_1 \times KL_1 \times \text{Lãi suất phạt}$$

$$= 106.129,72 \times 1.000.000 \times 3\% = 3.183.891.570 \text{ đồng (*)}$$

Giá trị thanh toán lần 2

$$V_2 = GM_2 \times KL - RND - \text{Lãi phạt}$$

$$= 104.611 \times 1.000.000 - 2.882.519 - 3.183.891.570$$

$$= 101.424.225.911 \text{ đồng}$$

Lưu ý: () thể hiện kết quả các bước trung gian hiển thị số làm tròn để dễ theo dõi.*

4. Sử dụng giá của trái phiếu gốc và trái phiếu tương đương tại ngày giao dịch lần 1

Tại ngày GD 1, có giá gộp lãi của trái phiếu gốc $GG_1 = 104.110,93$ đồng (*) và giá gộp lãi của trái phiếu tương đương $GG_2 = 115.664,12$ đồng (*)

Xác định hệ số chuyển đổi

$$CF = \frac{GG_1}{GG_2} = \frac{104.110,93}{115.664,12} = 0,900114$$

Xác định khối lượng của trái phiếu tương đương

$$KL_2 = KL_1 \times CF = 1.000.000 \times 0,900114 = 900.114 \text{ trái phiếu}$$

Làm tròn lô trái phiếu :

Hai bên thỏa thuận làm tròn lô về đơn vị hàng trăm trái phiếu, khối lượng trái phiếu tương đương cần chuyển giao là : 900.100 (trái phiếu)

Số tiền phát sinh từ việc làm tròn lô trái phiếu tương đương

$$RND = (KL_2 - KL \text{ làm tròn}) \times GG_2$$

$$= (900.114 - 900.100) \times 115.664,12 = 1.619.298 \text{ đồng (*)}$$

Giá trị thanh toán lần 2

$$V_2 = GM_2 \times KL - RND$$

$$= 104.611 \times 1.000.000 - 1.619.298 = 104.609.380.702 \text{ đồng}$$

Lưu ý: (*) thể hiện kết quả các bước trung gian hiển thị số làm tròn để dễ theo dõi.

6/12
n